

Các pháp từ xưa nay
Tánh tướng thường vắng lặng
Phật tử siêng hành đạo
Rồi sẽ được thành Phật.

首楞嚴經選擇新修

LỜI ĐẦU SÁCH

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là một bộ kinh thuộc hệ tư tưởng liễu nghĩa trong nền giáo lý Phật. Từ xưa nhân nay, khắp chốn tông lâm những hàng long tượng trong giới truy lưu đều xem Thủ Lăng Nghiêm kinh là một trong những bộ kinh then chốt trong nền giáo lý Phật. Bộ kinh này có mặt ở Trung Quốc từ đời nhà Đường, Ngài Bát Lạt Mật Đế và Di Già Thích Ca dịch từ Phạn văn ra Hán văn.

Mãi đến đời nhà Minh tư tưởng Thủ Lăng Nghiêm được các giới truy lưu, những hàng long tượng để tâm nghiên cứu râm rộ một thời. Các tiền bối ra sức phát huy diệu lý của kinh. Mỗi Ngài chú giải, sớ thích, sáng tác theo sở kiến, sở ngộ của mình. Có những vị phát huy cái thâm, cái diệu tàng ẩn trong kinh, làm cho sáng tỏ rõ ràng, đem lại cho Phật tử hậu lai nhiều lợi lạc. Cũng có những vị sớ giải mơ màng, gieo vào lòng người con Phật những tư tưởng huyền hoặc hoang đường vô phương lý giải. Do vậy, những bậc thạc đức chân tu cùng thời, Ngài Thích

Truyền Đăng phải viết ra hai quyển nhan đề: Lăng Nghiêm Viên Thông Số Giải. Nội dung để báo động trong giới truy lưu về sự sai lầm của những nhà số giải, vô tình đã gieo vào lòng người con Phật tư tưởng mê tín dị đoan, con đường giải thoát giác ngộ mơ hồ không hy vọng có ngày thành hiện thực. Trong lời tựa của bộ "Thủ Lăng Nghiêm Chính Mạch" thì Ngài Chân Giám cũng than phiền tương tự.

Ở Việt Nam ta từ những thập niên 30 về sau, với phong trào chấn hưng Phật giáo, các trường Cao cấp Phật học đều dùng bộ Thủ Lăng Nghiêm Trục Chỉ của Ngài Hàm Thị mà giảng dạy trong giáo trình. Qua quá trình tu học và nghiên cứu, bĩ nhân tôi thấy phần trục chỉ của bộ kinh này, đại cương mà nhận xét có nhiều ý thú thâm sâu, cũng có thể làm kim chỉ nam cho giới truy lưu dò mài, tư duy và tu dưỡng có đem lại được những điều bổ ích. Dù vậy sự bổ ích đó chỉ nghiêng nặng cho giới truy lưu, cho những người dồi dào đức tin đối với tôn giáo của mình, đức tin đó được khép kín trong chốn tông lâm thanh tịnh cổ kính u nhàn.

Tâm nhận thức của Tăng tín đồ Phật tử trong xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa ngày nay đòi hỏi nền giáo lý Phật giáo phải khế cơ, khế lý. Nghĩa

là phải được cụ thể hóa rõ ràng hơn, phải biến nền giáo lý đó thành một thứ chất dinh dưỡng, đem lại cho con người sự bồi bổ, sự ích lợi cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội và đáp ứng yêu cầu tri thức của người đệ tử Phật ngang bằng tầm cỡ của thời đại. Bởi vì, xã hội loài người vật chất cũng như tinh thần, luôn luôn trong tiến trình vận động và chuyển hóa, mà cái gì không tiến, tức đã lùi.

Vì đàn em hậu tiến trong giới truy lưu, vận dụng vào kinh điển trong giáo trình mà mình đã có, tôi viết thành những giáo án Phật học giúp cho người học có cái nhìn chính xác hơn đối với lời kinh, ý Phật và tự mình gỡ bỏ cho mình những cặp kính ám đạm mờ hồ, nhìn đâu cũng thấy toàn bộ một màu buồn tẻ hoang đường, huyền hoặc, siêu hình vô phương lý luận. Tai họa của sự nhận thức sai lầm chân lý nuôi dưỡng trong con người một tâm hồn yếu đuối, làm cho con người mất hết sức tự tin. Con người không tin khả năng thành Phật của mình, không tin nổi rằng mình vốn có Phật tánh. Con người đã mất khả năng tự tin, thì suốt cuộc đời mệnh danh là đệ tử Phật, nhưng tâm hồn thì đã gởi gắm cho "đấng siêu nhiên" nào đó ở một thế giới xa xăm ngoài tầm lý luận của trí thức con người. Đó là

cái buồn chung trong hàng đệ tử Phật lạc lối ngày nay.

Học kinh Thủ Lăng Nghiêm, con người sẽ xác định được vị trí của mình đối với quả vị Bồ đề, Niết bàn vô thượng. Đức Phật Bổn sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta sống bằng chân tâm thể thường trú, sinh hoạt trong chân tánh thể tịnh minh. Mà tất cả mọi người đệ tử Phật trong chúng ta đều có chân tâm thể thường trú và chân tánh thể tịnh minh ấy, chỉ khác nhau ở chỗ: Còn phiền não khách trần hay phải giữ hết phiền não khách trần vậy thôi.

Cái từ trực chỉ đề cương trong giáo án **Thủ Lăng Nghiêm Kinh Tuyển Trạch Tân Tu** này không lệ thuộc, không tương quan gì với ý tứ của Ngài Hàm Thị ở thời Đường xa xưa bên Trung Quốc, mà phần trực chỉ đề cương này thể hiện từ quá trình học tập, trong thời đại mới ở thế kỷ 21, với những tư tưởng mà tôi rất bằng lòng như đã nói ở trên.

“Thủ Lăng Nghiêm Kinh Tuyển Trạch Tân Tu”, tương đối đủ sức giúp cho người đọc nắm lấy cái bầu của áo, xách lên cái giềng của lưới, nghĩa là có thể tiếp thu được cái ý thú thâm diệu, tư tưởng cốt tủy của lời kinh. Dù vậy, sự nhận thức và tiếp thu đến mức độ nào, việc đó

còn tùy thuộc một phần ở con người nữa... Cũng như nhìn một viên ngọc kim cương, chắc chắn ai cũng thấy biết được sắc màu của viên ngọc, nhưng đánh giá đúng trọn vẹn màu sắc hay không, còn tùy ở sự có biết thay đổi hướng đứng hay không, để nhìn viên ngọc của chính mình.

Ngày 01 tháng 01 năm 2016

Hòa thượng TỬ THÔNG

Hiệu NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ

ĐỀ KINH

Thủ Lăng Nghiêm, Trung Hoa dịch: **Nhất Thiết Sự Cứu Cánh Kiên Cố**. Đó là tên một pháp môn Thiền định, bao hàm **CHỈ, QUÁN** và **THIÊN NA**. Hành giả thành tựu được pháp môn Thiền định này sẽ có một nghị lực kiên cố đối với hiện tượng vạn hữu, có sức trí tuệ giác ngộ đạt đến cứu cánh với hết thảy vạn pháp trong vũ trụ trên cõi đời này.

Đề kinh này y theo văn tự người xưa dịch thì có 19 chữ: **ĐẠI PHẬT ĐÁNH, NHƯ LAI MẬT NHÂN, TU CHÚNG LIỄU NGHĨA, CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM**, nhưng lần tuyển trạch tân tu này Như Huyền Thiền Sư không dùng tỷ dụ có tính cách hoang tưởng của Mật giáo. Cho nên Như Huyền Thiền Sư gạn lọc bỏ ra 3 chữ **ĐẠI PHẬT ĐÁNH**, còn lại 16 chữ **NHƯ LAI MẬT NHÂN, TU CHÚNG LIỄU NGHĨA, CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM**.

Thủ Lăng Nghiêm là tên gọi tắt qua cái từ trọng tâm 16 chữ của đề kinh.

Đề kinh này gồm cả Nhân và Pháp. Như Lai Mật Nhân là Nhân, Thủ Lăng Nghiêm là Pháp.

Định Thủ Lăng Nghiêm rất sâu nhiệm, dùng tâm phan duyên thường tình mà nhận thức thì khó mà thể nhận được định này, ví như dùng nhục nhãn nhìn vạn pháp thì không sao thấy và biết được thật tướng của sự vật hiện tượng vạn pháp.

Chư Như Lai trong mười phương có Bồ đề Niết bàn đều do thành tựu định Thủ Lăng Nghiêm. Định Thủ Lăng Nghiêm là cái nhân kín nhiệm của tất cả Như Lai, cho nên gọi là Như Lai Mật Nhân. Nói một cách khác: Thành tựu định này, đồng nghĩa với thể nhập Phật Tri Kiến ở kinh Pháp Hoa, đồng nghĩa với thể nhập Như Lai Viên Giác Diệu Tâm ở kinh Viên Giác, cũng tức là thành tựu vạn hạnh, thành tựu Vô thượng Bồ đề Niết bàn Phật.

Đối tượng cứu cánh của kinh Thủ Lăng Nghiêm là: **Chân Tâm Thể Thường Trú** và **Chân Tánh Thể Tịnh Minh**.

Tướng dụng của Thủ Lăng Nghiêm là hàng phục phiền não trần lao để trở về chân tâm thể thường trú và chân tánh thể tịnh minh ấy.

Mục đích cứu cánh của Thủ Lăng Nghiêm là giải thoát giác ngộ, đưa con người từ phàm phu đến địa vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hiểu rõ ý nghĩa của 16 chữ đề kinh là đã nắm được cái tôn chỉ then chốt của toàn bộ kinh rồi vậy.

NHÂN DUYÊN VÀ THỜI ĐIỂM PHẬT NÓI KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Tạng kinh và công trình kết tập tạng kinh là do thầy A Nan thực hiện. Theo sách sử Phật học ghi chép lại, thầy A Nan là một thị giả tận tụy luôn luôn thân cận tùy tùng Phật, cho nên được nghe hầu hết kinh Phật nói trong mọi thời gian. Thầy có thiên tư xuất chúng, được Phật khen là đệ nhất đa văn. Thầy cũng có một ký ức vượt người thường, ghi nhớ trọn vẹn lời Phật không quên sót. Bốn chữ: **Tôi nghe như vậy** ở đầu mỗi bộ kinh, là lời của thầy A Nan ghi theo di chúc của Phật, nhằm xác minh sự trần thuật của mình, rằng kinh này là chính thầy nghe Phật nói mà không phải thầy tự ý đặt ra.

Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm tại tịnh xá Kỳ Hoàn trong thành Thất La Phiệt. Chúng Tỳ kheo thường tùy tùng Phật có 1.250 người, đều

là bậc Vô lậu A la hán. Đứng đầu trong chúng có các thầy Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lô Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề và thầy Ưu Ba Ly. Ngoài ra còn có hàng Bích Chi Phật, Vô học và những hàng sơ tâm đồng đến chỗ Phật rất đông.

Lúc bấy giờ vào những ngày mãn hạ và tự tứ của chúng Tăng, vì vậy chư đại chúng đệ tử Phật gần xa đến cầu Phật giải quyết những mối tâm nghi trên đường tu tập, đứng đầu là Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.

Nhằm kết duyên với chúng sanh làm phước điền cho tín thí, trong những ngày này Phật và đại chúng phải chia từng nhóm đi hóa duyên khát thực ở các nhà thí chủ thỉnh mời, duy có thầy A Nan đã được mời riêng đi xa chưa về nên không kịp dự vào hàng Tăng chúng.

Trên đường đi khát thực thầy A Nan thứ lớp đứng phép hóa duyên, lòng những mong được một đàn việt cúng dường, không luận giàu nghèo sang hèn địa vị giai cấp, mà chỉ nhằm làm ruộng phước cho họ gieo hạt Bồ đề. Thầy không muốn rơi vào ý niệm cực đoan mà thầy Đại Ca Diếp và thầy Tu Bồ Đề từng bị Phật quở: Là Sa môn mà tâm không bình đẳng còn phân biệt... xả phú thủ bần. Thầy Tu Bồ Đề thì thích hóa

duyên khát thực để độ nhà giàu, còn thầy Đại Ca Diếp lại lý luận rằng người nghèo cần được độ cho họ bằng cách hóa duyên khát thực, để họ gieo hạt giống phước điền.

Một bất trắc xảy đến không ngờ, khi thầy A Nan đi ngang qua nhà nàng Ma Đăng Già, một cô gái thuộc hàng ngoại cấp nhưng có dáng vẻ kiêu diễm xinh đẹp. Ma Đăng Già mời thầy vào nhà dùng nước rồi dụng ý lẳng lơ, diễn trò má dựa vai kê, nâng niu âu yếm làm cho thầy A Nan gần mất giới thể.

Vào ngày này, Phật và đại chúng đang thọ trai trong hoàng cung của vua Ba Tư Nặc. Khác với mọi lần, thọ trai xong Phật không thuyết pháp mà liền trở về tịnh xá Kỳ Hoàn. Vua, quan, trưởng giả và rất đông cư sĩ trước sự kiện lạ thường này đã cùng theo Phật về tịnh xá, hy vọng được Phật dạy cho những pháp yếu mới lạ.

Phật về đến tịnh xá, mà thầy A Nan khát thực vẫn chưa về. Phật dự biết có thể xảy ra chuyện chẳng lành cho thầy A Nan! Phật bảo Đại Trí Văn Thù Sư Lợi cùng một số thầy Tỳ kheo đi tìm thầy A Nan. Vâng lời Phật, Đại Trí Văn Thù cùng các thầy Tỳ kheo chia ra nhiều nẻo đường tìm kiếm. Riêng Đại Trí Văn Thù đi trên các con đường nhỏ đến xóm nghèo, và đã

tìm gặp được thầy A Nan trong nhà mẹ con nàng Ma Đăng Già. Thầy A Nan tâm tư đang sợ hãi và bối rối... Đại Trí Văn Thù liền mời hai mẹ con nàng Ma Đăng Già và thầy A Nan cùng về tịnh xá Kỳ Hoàn nơi Phật và thánh chúng đang câu hội.

... Bây giờ thầy A Nan cung kính bước ra bạch Phật và tự trách mình: Từ khi theo Phật xuất gia tu học đến nay, chỉ chuyên lo học rộng nhớ nhiều, mà đạo lực không thể tự cứu được mình trong cơn vô minh bất giác... Thầy tha thiết cầu xin Phật dạy cho thầy pháp **Chỉ, Quán** và **Thiền Na**, là những phương tiện đầu tiên mà các Như Lai tu hành thành tựu Bồ đề, Niết bàn.

Hội chúng lúc bấy giờ có rất đông các hàng Sa môn, Bích chi, Hữu học, Vô học, A la hán đều ngồi vào chỗ của mình, cùng yên lặng nghe lời Phật dạy.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phát tâm tu hành tìm đường giải thoát giác ngộ Văn Tư Tu là điều rất cần, nhưng nếu chỉ có

đa văn là một học giả, thì không đủ đảm bảo an toàn khi vô minh phiền não xâm phạm.

Ma Đăng Già biểu trưng dục vọng, năng luyến ái đam mê. Đại Trí Văn Thù biểu trưng Vô phân biệt trí, thứ trí nhìn hiện tượng vạn pháp bằng cái tướng **như thị** của chính nó. Thầy A Nan gần mất giới thể nói lên hiện tượng bất giác vô minh chợt đến bất ngờ rất là nguy hiểm. Đại Trí Văn Thù đến cứu giải cho thầy A Nan trong cơn nguy cấp, sợ hãi, bối rối và mất đi tính tự chủ của mình, điều đó cũng nhắc nhở cho người đệ tử Phật rằng: Hề trí huệ sáng đến thì vô minh đen tối tan đi, giác sanh thì mê diệt.

Nội dung kinh Thủ Lăng Nghiêm, cái then chốt quan trọng là: **Chân tâm thể thường trú, Chân tánh thể tịnh minh** sẵn có trong tất cả mọi người.

Đọc học kinh Thủ Lăng Nghiêm mà không lý giải, không nhận thức được vấn đề chân tâm thể thường trú, chân tánh thể tịnh minh thì cũng tức là không biết được định Thủ Lăng Nghiêm là gì.

Học kinh, tụng kinh là để tìm hiểu cái lý trong đó Phật dạy những gì. Phật tử chúng ta hãy ý thức mà lưu tâm.

TÂM LÀ CĂN BẢN CỦA BỒ ĐỀ NIẾT BÀN VÀ CŨNG LÀ CĂN BẢN CỦA LUÂN CHUYỂN SANH TỬ

Khi gạn hỏi cái tâm, lần đầu tiên thầy A Nan thưa với Phật: Rằng tâm là sự hiểu biết của tôi, là cái sanh ra sự ưa thích và ham muốn ở trong tôi, như khi mắt tôi nhìn thấy tướng hảo quang minh của Phật và từ đó tôi phát tâm xuất gia theo Phật tu hành, mong được xuất ly sanh tử.

Nhằm để mở mang cho sự nghị luận, khai thị thâm nghĩa Thủ Lăng Nghiêm, đức Phật bảo:

A Nan! Thầy nên biết, trọn một kiếp sống của chúng sanh lặn hụp trôi lăn trong đau khổ, đều do không biết mình có **CHÂN TÂM THỂ THƯỜNG TRÚ, CHÂN TÁNH THỂ TỊNH MINH**. Hàng ngày, chỉ sống bằng vọng tưởng, mà vọng tưởng thì không chân, vì vậy nên mới luân hồi trong sáu nẻo.

A Nan! Như lời thầy nói: Do tâm và con mắt mà có sự ưa muốn, nhưng nếu không biết tâm và con mắt ở đâu thì không thể hàng phục trần lao. Ví như: Ông vua một nước bị giặc xâm lăng, phát binh đánh dẹp thì binh ấy cần phải

biết giặc ở chỗ nào mới mong dẹp được. Hiện nay, thầy còn mắc phải luân hồi là lỗi tại tâm và con mắt của thầy. Vậy thầy hãy chín chắn tìm xem tâm và con mắt của thầy hiện ở chỗ nào?

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Trước khi chỉ dạy phương pháp tu **CHỈ**, **QUÁN** và **THIỆN NA** theo lời thừa thỉnh của thầy A Nan, đức Phật gạn hỏi về cái tâm. Gạn hỏi thầy A Nan được xem như gạn hỏi tất cả những ai có lòng sùng tín đức Phật, học tu theo nền giáo lý Phật. Bởi vì, mọi người sùng tín đạo Phật đều tôn trọng cái tâm, mặc dù chưa được hiểu kỹ về nó. Người ta ngưỡng vọng đặt trọn niềm tin ở tâm, rằng tội phúc do tâm, vui khổ do tâm, Niết bàn địa ngục do tâm... Đến như những người chưa biết đạo Phật là gì, người ta vẫn quan niệm lương tâm là căn bản đạo đức của con người, nó không thể không có trong cuộc sống của xã hội loài người.*

Đối với nền giáo lý Phật, tâm là vấn đề then chốt.

Kinh Tâm Địa Quán nói:

*"Trong tam giới, tâm là chủ
Người hay quán tâm, sẽ có giải thoát
Người không quán tâm chắc chắn trầm
luân!*

*Tâm chúng sanh cũng như đại địa
Ngũ cốc ngũ quả từ đại địa sanh
Tứ Thánh lục phàm đều do tâm sanh
Cho nên gọi tâm là tâm địa".*

Kinh Hoa Nghiêm nói:

*"Nếu ai muốn rõ biết
Ba đời mười phương Phật
Nên quán tánh Pháp giới
Tất cả do tâm tạo.*

.....
*Tâm như chày họa sĩ
Vẽ hết thấy ngũ ấm
Tất cả pháp thế gian
Không pháp nào không tạo.
Tâm và Phật cũng thế
Phật, chúng sanh cũng vậy
Tâm, Phật và chúng sanh*

Tên thì ba mà thể thì không khác”.

Thực vậy, tâm là một vấn đề không đơn giản, không như cái hiểu thông thường của nhiều người quan niệm. Nếu không phải đệ tử Phật dôi mài trong giáo lý, thiên quán để tư duy thì người ta khó có thể hiểu được thể nào là:

- Chân tâm
- Vọng tâm
- Tích tập tâm
- Tập khởi tâm
- Duyên lự tâm
- Tích tụ tinh yếu tâm
- Nhục đoàn tâm
- Tâm Vương và Tâm Sở hữu...

Thế cho nên muốn hiểu được tâm, cần có quá trình học Phật và dụng công tu tập tư duy. Tâm là căn bản của Bồ đề Niết bàn, nếu khéo vận dụng sống theo con đường chánh pháp. Trái lại tâm là nguồn gốc của luân chuyển sanh tử, nếu đánh mất hoặc không phát hiện được cái chân tâm thể thường trú sẵn có của mình.

Đạo Phật cũng như nền giáo lý Phật, xem trọng, rất trọng giá trị của tâm trong nghĩa tâm tánh của con người. Muốn sử dụng tốt cái tâm

đó cần phải dụng công tu tập Giới, Định, Tuệ để thân chứng. Nói đến sự tu tập phải đúng chánh pháp, nếu không khéo ý những mong vẽ cọp, nhưng rốt cuộc trong hình lại là con chó khăng khiu! Bởi vì người ta rất dễ làm tâm... Sự thấy, nghe, hiểu biết, sự ưa muốn, sự ghét thương... những tác dụng tâm lý đó nó không rời tâm, nhưng nó không phải chân tâm, nó là vọng tưởng, là cái bóng dáng còn sót lại của tiền trần, của ngũ cấu ý thức.

*Người khéo biết tu tập sẽ có được chân tâm thể thường trú hiện ở cõi đời này. Phật chỉ là một người, nhưng có khác với nhiều người ở chỗ: Phật sống bằng chân tâm thể thường trú ấy. Thế cho nên biết rằng: Chân tâm thể thường trú không phải là cái gì xa rời thực tế, nó là cái dĩ kiện căn bản đem lại sự giải thoát giác ngộ cho con người khi người đó biết sử dụng đến, phát hiện ra “**Chân tâm thể thường trú**” của mình.*

GẠN HỎI TÂM

1. A NAN CHO RẰNG TÂM Ở TRONG THÂN

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Không riêng gì tôi mà tất cả mọi người trên thế gian đều cho cái tâm hiểu biết ở trong thân, còn con mắt thì ở trên mặt.

Phật bảo: A Nan! Thầy nói rằng tâm hiểu biết ở trong thân là không hợp lý.

A Nan! Nay tôi hỏi thầy: Phỏng có chúng sanh nào ngồi trong giảng đường này mà không thấy, không biết Như Lai và đại chúng, mà lại thấy biết mọi vật bên ngoài giảng đường không?

Bạch Thế Tôn! Không thể có sự việc như thế được. Nếu ngồi trong giảng đường, trước hết phải thấy biết trong giảng đường, rồi sau nhìn ra cửa mới thấy biết cảnh vật bên ngoài.

Thật vậy, A Nan! Ở trong giảng đường, trước hết phải thấy bên trong, nhìn ra cửa mới thấy biết hoa lá vườn rừng, sự vật bên ngoài. Nhưng theo lời thầy nói: Cái tâm hiểu biết ở trong thân thì lẽ ra khi người bị bệnh thổ huyết, cái tâm phải biết gốc bệnh xuất huyết do tỳ, phế

hay viêm loét dạ dày... Này, A Nan! Mọi người trên thế gian không một ai biết được gốc bệnh của mình như vậy.

A Nan! Người ngồi trong giảng đường mà không thấy biết Như Lai và đại chúng, lại thấy biết mọi việc bên ngoài đã là vô lý, thì cái tâm hiểu biết ở trong thân mà không hiểu biết thương tật của tâm cang tỳ phế thận, lại biết rõ hết trần cảnh bên ngoài, hai sự kiện này đều vô lý như nhau!

Thế cho nên thầy nói **tâm ở trong thân** là không hợp lý.

2. A NAN CHO RẰNG TÂM Ở NGOÀI THÂN

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Vừa nghe lời Phật dạy, tôi nghĩ ra rằng: Tâm tôi thật ở ngoài thân, bởi vì tất cả mọi người không ai thấy biết bên trong thân, ví như ngọn đèn để ở ngoài phòng thì chỉ sáng bên ngoài mà không thể sáng bên trong phòng được. Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thật quá rõ ràng chắc không còn lầm nữa!

Phật bảo: A Nan! Vừa rồi tôi và đại chúng cùng đi khát thực trong thành Thất La Phiệt, nay đã về rừng Kỳ Đà. Vậy thầy hãy xem trong các

hàng Tỳ kheo, khi một người ăn thì các người khác có no không?

Bạch Thế Tôn! Không. Dù các Tỳ kheo là A la hán nhưng thân thể khác nhau, không thể người này ăn mà người khác no được.

Cũng vậy, A Nan! Nếu cái tâm hiểu biết của thầy ở ngoài thân thì thân và tâm riêng cách, tất không dính líu gì nhau. Vậy cái gì tâm biết thì thân không thể biết, cái gì thân biết thì tâm không thể biết. Thế mà, này A Nan! Khi tôi đưa tay tôi lên cho thầy xem, mắt thầy vừa thấy thì tâm thầy liền biết, thân tâm biết cùng một lúc với nhau thì sao lại bảo là tâm ở ngoài thân cho được.

Vậy nên biết rằng: Thầy nói **tâm hiểu biết ở ngoài thân** hẳn là không phải vậy.

3. A NAN CHO RẰNG TÂM NÚP SAU CON MẮT

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy: Vì không biết trong, cho nên tâm không phải ở trong thân. Vì thân tâm cùng biết, nên không phải tâm ở ngoài thân. Nay tôi suy nghĩ: Cái tâm hiểu biết đã không biết bên trong, mà lại nhận biết rõ sự vật bên ngoài, vậy là nó núp sau con mắt, ví như người lấy chén thủy tinh úp vào

hai con mắt, con mắt dù có vật úp vào nhưng không làm ngăn ngại sự thấy, và vì tâm núp sau con mắt nên khi mắt thấy thì tâm liền phân biệt. Sở dĩ tâm không biết tạng phủ trong thân vì nó không ở trong thân, nhưng tâm lại nhận biết cảnh vật bên ngoài vì nó ở trên cái mắt.

Phật bảo: A Nan! Thầy nên nhớ rằng: Con mắt núp sau chén thủy tinh như lời thầy nói, thì khi thầy trông thấy núi sông cảnh vật, đồng thời cũng trông thấy chén thủy tinh. Nếu tâm núp sau con mắt, thì khi nhận thấy núi sông cảnh vật lúc đó cũng phải nhận thấy con mắt. Nay, A Nan! Thực tế không phải vậy, khi thầy nhận biết núi sông cảnh vật, tâm thầy không nhận biết được con mắt của thầy.

Do đó, biết rằng: Thầy nói cái **tâm núp sau con mắt**, như con mắt núp sau chén thủy tinh là không hợp lý.

4. A NAN CHO RẰNG NHĂM MẮT THẤY TÔI LÀ TÂM THẤY TRONG THÂN

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Giờ đây tôi suy nghĩ thế này: Thân thể con người trong có ngũ tạng lục phủ, ngoài có thất khiếu cửu huyết. Tạng phủ có tánh che ngăn nên tôi, khiếu huyết

có tánh rỗng không nên sáng. Nay tôi xin thưa với Phật rằng: Nhắm mắt thấy tối, tôi gọi là tâm thấy biết bên trong thân, mở mắt thấy sáng, gọi là tâm thấy biết bên ngoài.

Phật bảo: A Nan! Đã gọi là thấy thì cái bị thấy phải đối ở trước mắt. Không đối trước mắt thì cái nghĩa thấy không thành.

Nếu cái tối đã đối trước mắt mà cứ cho là thấy biết trong thân, vậy khi ở trong một phòng tối không có ánh sáng, bấy giờ cái gì có ở trong phòng tối ấy đều là tạng phủ của thầy cả hay sao?

Vả lại, khi nhắm mắt thấy tối thầy cho là thấy bên trong thân, khi mở mắt thấy sáng sao thầy không thấy cái mặt?

Đã không thấy mặt thì không thể nói con mắt đối vào trong mà thấy. Còn như thấy được mặt thì cái tâm và con mắt ắt đã lơ lửng giữa hư không rồi, còn tương quan gì đến thầy nữa?

Vậy nên biết rằng: **Nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong thân** chỉ là một ngụy biện không thành lập được.

5. A NAN CHO RẰNG SỰ SUY NGHĨ HỢP VỚI CHỖ NÀO THÌ TÂM LIÊN CÓ Ở CHỖ ĐÓ

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi thường nghe Phật dạy tứ chúng: Rằng tâm sanh nên các pháp sanh, các pháp sanh nên tâm sanh. Nay tôi suy nghĩ thì sự suy nghĩ đó là tâm của tôi. Nó hợp với chỗ nào tâm liền có ở chỗ đó, nó không ở trong, ở ngoài, hay ở chặng giữa.

Phật bảo: A Nan! Thầy cho sự suy nghĩ là tâm, sự suy nghĩ hợp chỗ nào tâm liền ở chỗ đó. Nay tôi hỏi thầy: Cái tâm có suy nghĩ hòa hợp sanh ra, vậy nó có tự thể hay không? Nếu nó không tự thể thì không thể hợp được với cái gì, cũng như giới thứ 19 và trần thứ 7 thì làm gì có chuyện hợp nhau? Bảo rằng nó có tự thể, vậy thầy thử thí nghiệm: Lấy tay gãi vai, rồi để ý xem cái tâm biết đã ngứa nó từ trong thân thầy ra hay từ bên ngoài chạy vào? Nếu từ trong thân ra thì nó phải biết ngứa tạng lục phủ trong thân. Nếu từ ngoài vào thì trước hết nó phải thấy biết cái ngứa.

Và lại, tự thể ấy là một hay là nhiều? Nó khắp thân hay chẳng khắp thân? Nếu tự thể có một, khi lấy tay gãi một chỗ lẽ ra khắp mình đều đã ngứa. Nếu biết ngứa khắp mình thì lại không còn biết ngứa chỗ nào! Còn như nhiều tự thể thì hóa ra của nhiều người, còn biết tự thể nào là tự thể của thầy?

Bảo rằng tự thể khắp mình thì không còn biết được chỗ gãi...

Bảo rằng không khắp mình, tại sao khi đầu chạm xà nhà, dưới chân đạp đỉnh lại cùng một lúc biết đau?

Do vậy bảo rằng: Sự **suy nghĩ hợp chỗ nào tâm ở chỗ đó** là không hợp lý.

6. A NAN CHO RẰNG TÂM Ở CHẶNG GIỮA

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi nhớ lại có lần nghe Phật dạy Văn Thù về nghĩa thật tướng: Rằng tâm không ở trong, cũng không ở ngoài. Nay tôi suy nghĩ: Nếu tâm ở trong thân sao lại không biết bên trong, tâm nếu ở ngoài thân sao thân tâm đồng biết. Tâm không biết bên trong nên không thể nói tâm ở trong thân. Thân và tâm đồng biết nên không thể nói tâm ở ngoài thân. Do lẽ đó tôi phát minh rằng: Tâm ở chặng giữa.

Phật bảo: A Nan! Thầy nói chặng giữa, thật khó mà nêu ra một chặng giữa nhất định, giữa thân hay giữa cảnh? Nếu giữa thân, thì đồng như tâm ở trong thân. Bảo rằng giữa cảnh, thì làm sao nêu cái giữa ra được? Ví như có người lấy một cành cây, cắm làm nêu với ý định đặt thành một chỗ giữa, nhưng không làm sao có cái gọi là

giữa. Bởi vì, nếu đứng ở phương Đông thì thấy cây nêu là phía Tây, đứng ở phương Nam thì thấy cây nêu thuộc về hướng Bắc, không có cái giữa nhất định. Cái giữa đã lẫn lộn, thì gọi là cái tâm ở chặng giữa cũng không có cơ sở xác định.

A Nan thưa: Tôi nói chặng giữa là giữa nhãn căn và sắc cảnh, nhãn thức sanh ra ở chặng giữa ấy.

Phật bảo: Nếu tâm thầy ở giữa nhãn căn và sắc cảnh, vậy cái tâm giữa ấy có gồm cả hai hay không gồm cả hai? Nếu gồm cả hai, thì vật và tâm xen lộn lẫn nhau, còn biết cái gì là tâm, cái gì là vật? Và đã lộn lạo với nhau thì không có cái giữa. Còn như không gồm cả hai thì là một, đã là một bên thì cái chặng giữa thầy định đặt nó vào đâu?

Vì vậy biết rằng: Thầy nói **tâm ở chặng giữa** cũng là điều không hợp lý.

7. A NAN CHO RẰNG TÂM LÀ CÁI KHÔNG DÍNH DÁNG VÀO ĐÂU CẢ

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi nhớ trước đây có lần Phật chuyển pháp luân cùng bốn đại đệ tử Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất. Khi đó Phật dạy: Cái tâm tánh hiểu biết nó không ở trong, không ở ngoài, không ở

chặng giữa và không chỗ trụ, tất cả không dính dáng.

Bạch Thế Tôn! Nay tôi lấy cái không dính dáng ấy gọi là tâm có được không?

Phật bảo: A Nan! Thầy nói cái tâm hiểu biết của thầy không dính dáng, vậy tôi hỏi thầy: Biển cả, đất liền, núi, rừng, hoa, cỏ... nói chung mọi sự vật hiện tượng trên thế gian mà thầy cho là không dính dáng, chúng có hay là không có? Nếu chúng là không, thì thầy khởi đề cập rằng dính dáng hay không dính dáng. Bởi vì có ai dính dáng với lông rùa sừng thỏ bao giờ! Nếu đã có cái không dính dáng, thì không thể nói sự vật hiện tượng là không. Đã không phải không thì có tướng. Đã có tướng thì có dính dáng, làm sao không dính dáng được?

Vậy nên biết rằng: Thầy nói **cái không dính dáng là tâm**, lại càng không hợp lý.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cho rằng tâm ở trong thân, đó là sự hiểu biết thông thường mọi người cùng hiểu giản đơn

như vậy. Cho rằng tâm ở ngoài thân là một ý nghĩ táo bạo lạ thường chẳng mấy ai đồng tình, còn có thể bị cho là ngờ nghệch! Cho rằng tâm núp sau con mắt, như con mắt núp sau chén thủy tinh... Rằng tâm bị tạng phủ che thì tối, khiêu huyết mở thì sáng, thực chất là chủ trương tâm ở trong thân bằng hình thức lý luận khác. Bảo rằng cái suy nghĩ là tâm, thực chất là trở lại chấp tâm ở ngoài thân vậy. Rằng tâm ở chằng giữa, điều này nói lên sự bí lối chạy càng! Bảo rằng tâm là cái không dính dáng, càng chứng tỏ lý cùng trí kiệt, chỉ hy vọng chút ánh sáng mờ màng ở cuối đường hầm lý giải.

Thầy A Nan được Phật khen là đa văn đệ nhất, vậy mà qua bảy chỗ gạn hỏi cái tâm, lý đã cùng, trí đã kiệt, vẫn chưa xác định được tâm là cái gì và hiện ở đâu. Là đệ tử Phật, ai nghe mà chẳng bần khoản soát lại tâm mình, ai mà chẳng quạt tìm mọt óc.

Thật vậy, thuyền đi thì thấy bờ chạy, mây bay người ta thấy trăng xê dịch, mắt giật nhìn mặt nước thấy rung rinh. Thuyền chưa đậu, mây chưa tan, mắt chưa hết giật mà muốn cho bờ đừng chạy, trăng đừng xê dịch, mặt nước đừng rung rinh, hãy còn không thể được, huống hồ đem cái ý thức sanh diệt vọng tưởng bóng dáng

tiền trần mà suy lường cái chân tâm thể thường trú thì làm sao hội nhập được.

Thầy A Nan luận tâm sai lầm là phải, vì thầy chưa tu học Xa ma tha, Tam ma bát đề, Thiên na một cách thấu triệt... Còn Phật tử chúng ta không chuyên cần học hỏi giáo lý, chẳng dụng ý tinh tấn tư duy, mà thích luận đàm này tâm kia vật, đây vọng đó chân của vấn đề vật tâm, thì phỏng có nói bậy đi nữa tưởng cũng nên tha thứ, không có gì đáng trách!

Cái kho tàng bí mật! Chân tâm thể thường trú, đức Phật chưa vội mở cửa ở đây, cho nên thầy A Nan chưa sao hiểu được, mà phải nhiều lần tha thiết cầu xin Phật chỉ dạy sau này. Bởi lẽ, một kiến thức về kỹ thuật khoa học trong môi trường sinh hoạt vật chất thế gian, muốn hiểu nó phải có quá trình học hỏi, tư duy chuyên môn nghiên cứu. Ở đây ngoài điều kiện văn tự ra, còn đòi hỏi nhiều ở vấn đề thể nghiệm, tu tập, thực hành, trong lãnh vực tu chứng của đạo Phật nữa.

Cái tâm mà thầy A Nan thưa trình lên Phật qua bảy chỗ, đó mới chỉ là một trong tiến trình tu học về TÂM, về Ý, về THỨC trong nguồn giáo lý của đạo Phật mà thôi.

LUÂN HỒI SANH TỬ KHÔNG PHẢI LÀ HIỆN TƯỢNG HỌA GỒI TAI BAY.

BỒ ĐỀ NIẾT BÀN KHÔNG PHẢI CẢNH GIỚI SIÊU NHIÊN DO ĐÁNG SIÊU NHÂN NÀO BAN TẶNG

Phật bảo: A Nan! Rằng tất cả chúng sanh khi cái thân nghiệp hệ khổ duyên khởi hình thành thì năng kiến tướng, cảnh giới tướng đồng thời hiện hữu tác động một cách hỗ tương, giống nghiệp căn bản sanh tử gắn bó với nhau như chùm nho chen chúc trái. Những người tu hành không thành Vô thượng Bồ đề đều do không biết hai thứ căn bản, cho nên tu tập sai lầm chẳng khác nào nấu cát mong được thành cơm.

Những gì là hai thứ căn bản?

Một, là căn bản sanh tử. Như thầy hiện nay và tất cả chúng sanh cũng thế, hằng ngày sử dụng cái tâm phan duyên mà làm cho là tự tánh của chính mình.

Hai, là căn bản Bồ đề Niết bàn. Như thầy hiện nay, cái tánh thanh tịnh bản minh vốn có nó nhậm vận tùy duyên, nhưng thầy và tất cả chúng sanh lại bỏ sót mất đi. Cho nên tuy cả ngày sống

ở trong tánh thanh tịnh bản mình mà không hay không biết, đành oan uổng lặn lội trong lục đạo chuyển luân!

LẠI GẶP HỎI CÁI TÂM

Phật bảo: A Nan! Thầy muốn biết đường tu Xa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na để ra khỏi sống chết, thầy hãy trả lời tôi.

Phật liền đưa cánh tay, co năm ngón bảo A Nan rằng: Thầy có thấy gì không?

Thầy A Nan thưa: Tôi thấy Như Lai đưa cánh tay và co ngón tay lại thành cái nắm tay, nó phản ánh tác động vào tâm và con mắt của tôi. Tôi và đại chúng đều do con mắt mà thấy.

Phật bảo: A Nan! Thầy trả lời với tôi: Rằng Như Lai co ngón tay làm thành nắm tay, phản ánh tác động vào tâm và con mắt của thầy. Con mắt của thầy thì thấy việc đó tất nhiên. Còn thầy lấy cái gì làm tâm để nhận biết cái nắm tay tôi?

Bạch Thế Tôn: Như Lai gặp hỏi tâm tôi, tôi dùng tâm suy nghĩ để trả lời Phật, thì rõ là cái suy nghĩ ấy là tâm tôi vậy.

TÂM THÌ PHẢI CÓ THỂ TÁNH, KHÔNG THỂ TÁNH KHÔNG PHẢI LÀ TÂM

Phật bảo: Sai rồi! A Nan! Cái suy nghĩ ấy không phải là tâm của thầy.

Trong dáng vẻ kinh ngạc, thầy A Nan đứng dậy chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Cái suy nghĩ ấy không phải tâm tôi thì gọi nó là cái gì?

Phật bảo: Đó là cái tướng tượng tướng hư vọng của tiền trần. Chính cái đó làm mê lầm chân tánh của thầy. Từ trước đến nay thầy nhận tên giấc ấy làm con, bỏ mất tâm tánh bản lai thường trú nên phải chịu luân hồi.

A Nan thưa: Tôi là em của Phật, vì tâm yêu thương Phật nên mới xuất gia. Tôi cúng dường Phật, phụng sự thiện tri thức, phát tâm đại dũng mãnh, làm tất cả pháp sự khó làm đều dùng cái tâm ấy. Giả sử có hủy báng Phật pháp, đoạn diệt thiện căn, bất tín Tam bảo cũng đều dùng đến cái tâm ấy. Nay Phật phát minh cái suy nghĩ đó không phải là tâm, thì tôi thành ra không có tâm như gỗ như đất. Bởi vì, ngoài cái suy nghĩ nhận biết ấy ra, tôi không còn có gì nữa! Sao Như Lai lại bảo cái đó không phải là tâm? Tôi kinh sợ quá! Và cả đại chúng này không ai là không

hoang mang dao động! Xin Phật rủ lòng từ chỉ dạy cho chúng tôi những điều chưa liễu ngộ?

Bấy giờ Thế Tôn rời sư tử tòa, xoa đầu thầy A Nan và bảo: Này A Nan! Như Lai thường nói: Các pháp sanh ra duy tâm biến hiện. Tâm là cái thể của tất cả thế giới vi trần, của mọi nguyên nhân và kết quả...

A Nan! Tất cả hiện tượng có trong thế giới lớn như biển cả núi cao, nhỏ như lá cây ngọn cỏ... gạn xét căn nguyên đều có thể tánh. Cả đến hư không cũng còn có tên và dáng mạo, hướng chi cái tâm sáng suốt nhiệm màu thanh tịnh, thể tánh của sự vật, mà tự mình không có tánh thể sao?

Nếu thầy quả quyết cho cái tánh hay biết, cái suy nghĩ phân biệt là tâm của thầy thì cái tâm ấy rời sắc, thanh, hương, vị, xúc ra, nó phải còn tính độc lập riêng của nó tồn tại. Hiện giờ thầy đang nghe tôi nói pháp, đó là nhân tiếng mà có phân biệt. Nếu không tiếng thì sự phân biệt của thầy không còn. Giả sử diệt hết cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết, chỉ nắm giữ cái u nhân lặng lẽ bên trong, thì đó cũng là sự phân biệt bóng dáng pháp trần mà thôi.

A Nan! Chẳng phải tôi bảo thầy phủ nhận cái tính tư duy phân biệt ấy không phải là tâm, nhưng thầy phải chín chắn suy nghĩ: Rời tiền trần mà vẫn có cái biết, thì đó mới thật là tâm của thầy. Còn nếu tánh biết rời tiền trần không còn tự thể, thì nó chỉ là sự phân biệt bóng dáng tiền trần. Tiền trần không phải thường còn, khi thay đổi diệt mất đi rồi, thì cái tâm nương tiền trần ấy cũng đồng như lông rùa sừng thỏ. Thế thì Pháp thân của thầy cũng thành đoạn diệt, còn gì mà tu chứng Vô sanh pháp nhẫn!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chúng sanh mà gọi là chúng sanh, sự thật họ không phải là chúng sanh, Như Lai gọi chúng sanh vậy thôi. Khi mê thì gọi họ là chúng sanh, hết mê thì mọi người đều là Phật. Mê thì vô minh hiển, Phật tánh ẩn. Giác thì Phật tánh hiển, vô minh ẩn và tự hóa giải diệt vong.

Căn bản Bồ đề, Niết bàn từ khi có một chúng sanh, sanh ra hiện hữu, thì chúng sanh

nào cũng sẵn có. Thế mà chúng sanh mãi luân hồi sanh tử khổ đau. Sự thật, luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay mà là do sự vô minh, sự bất giác của con người tự chiêu cảm lấy, thông qua những bất thiện nghiệp của thân khẩu ý con người. Bồ đề, Niết bàn không phải cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng, mà nó sẽ hiện hữu khi con người phải giữ, gột rửa hết những hành động bất giác vô minh sai trái ấy. Con người hoàn toàn có khả năng cải tạo những tư tưởng hành động của mình. Muốn được vậy phải tu học Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội để tạo điều kiện cho chân tâm thể thường trú sẵn có hiện ra.

Căn bản Bồ đề, Niết bàn cũng như căn bản luân hồi sanh tử, vốn không phải là cảnh giới khổ vui cố định do ai đó tạo ra, để khi sử dụng uy quyền, tùy hứng thưởng cho chúng sanh nào trông thấy dễ thương và phạt những chúng sanh nào nhìn qua mà lòng mình không hạp nhãn.

Nền giáo lý trác tuyệt thượng thừa đã phát hiện:

*“... Thật tánh vô minh là Phật tánh
Ảo hóa thân này tức Pháp thân
Pháp thân nhận rõ không vương chấp*

*Phật tánh chân thường lộ bản nguyên
Ngũ uẩn mây thừa chi để dạ
Bọt bèo tam độc bận lòng chi....”.*

*(Chứng Đạo Ca - Huyền Giác Thiên
 Sư)*

Thông thường người ta quan niệm: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm cơ quan vật chất ấy hợp lại thành một con người. Con người vật chất ấy được gọi là thân. Còn cái tác dụng tư duy phân biệt, không rõ mớ nắm bắt được, người ta gọi nó là tâm, cũng có trường hợp gọi là ý, là thức. Thầy A Nan đại diện cho Phật tử chúng ta đóng vai trò một người có quan niệm nhận thức thông thường, để cùng Phật luận bàn tìm hiểu cái tâm. Nhưng sự tranh luận giữa Phật và thầy A Nan ở đây không phải nhằm để xác định các dạng nhận thức tư duy ấy là tâm, là ý, hay là thức. Bởi vì tâm, ý, hay thức cũng chỉ là danh cú văn, đối với mặt trời chân lý còn xa! Mỗi khi thuyết pháp Phật đề cập vấn đề tâm, ý, thức bàn bạc ở các kinh là một việc thông thường. Đức Phật há chẳng răn dạy đệ tử mình hãy đề cao cảnh giác “Tâm viên ý mã” đó sao?

Vấn đề Phật muốn dạy thầy A Nan và Phật tử chúng ta là: Hãy phát hiện chân tâm thể

thường trú sẵn có của mình. Nó là căn bản Bồ đề Niết bàn đó. Không phát hiện được chân tâm thể thường trú, dù có lý luận: Rằng nó là cái này, nó là cái kia, nó ở trong thân, nó ở ngoài thân hoặc ở chặng giữa... đều không đem lại lợi ích gì. Giả sử có nói đúng đi nữa, cái đó cũng vẫn là căn nguyên của tai họa, là động cơ của mọi phiền não: Tham, sân, si, mạn... Cái hiện tượng tư duy mà ta gọi là tâm, hay ý ấy vốn là vọng tưởng, mà vọng tưởng thì không chân, nó là vang bóng của tiên trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Rồi tiền trần, cái gọi là tâm, là ý, hay là thức sẽ tan biến mất theo. Cho nên trọng tâm tranh luận giữa Phật và thầy A Nan không phải ở chỗ tìm kiếm cái tâm qua hình dáng: Lớn, nhỏ, rộng, hẹp, dài, ngắn, vuông, tròn... cũng không phải cần thấy cái tâm qua màu sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng... mà tranh luận để phát hiện cái trong sáng, cái thanh tịnh, cái giải thoát an lành, cái giác ngộ bất động, cái tự tại như như vốn có ở trong mọi con người. Những cái đó, dù con người đang bị phiền não vô minh che phủ, mà bản chất tiềm tàng cố hữu của nó ở trong chân tâm thể mọi người thì không lúc nào gián đoạn.

CÁI TÁNH THẤY CỦA MẮT CHỈ LÀ HIỆN LƯỢNG

Thầy A Nan và đại chúng chưa nhận rõ thế nào là chân tâm thể thường trú, lòng còn bối rối ngẩn ngơ.

Phật bảo: A Nan! Trong thế gian những người tu học tuy đã thành tựu các môn thiền định, nhưng không diệt hết được mê lầm, chưa thành A la hán đều do lầm chấp cái vọng tưởng tử sanh là chân thật. Thế nên, thầy nay tuy học rộng nghe nhiều mà không thành chánh quả.

A Nan khóc lóc bạch Phật: Từ khi tôi phát tâm theo Phật xuất gia thường ý lại lòng thương của Phật, tự nghĩ rằng rồi đây Như Lai sẽ ban cho tam muội, chia sót đạo quả cho. Giờ đây mới biết: Thân tâm không ai có thể thay thế cho ai. Từ lâu tôi đã bỏ mất bản tâm của tôi rồi, thân tuy xuất gia mà tâm chưa vào đạo, như đứa con hoang cùng khổ bỏ cha bỏ nhà ra đi. Ngày nay mới biết, tuy được nghe Phật pháp nhiều mà không tu hành, thì chẳng khác gì người không nghe, như nói ăn mà không ăn rốt cuộc không thể nào no được.

Kính bạch Thế Tôn! Chúng tôi hiện nay còn bị hai chướng buộc ràng, do vì không biết tâm tánh vắng lặng thường nhiên. Xin Như Lai thương xót kẻ nghèo cùng trí tuệ u tối mê mờ, chỉ dạy tâm tánh nhiệm màu sáng suốt và khai mở con mắt đạo cho chúng tôi!

Phật bảo: A Nan! Trước thầy trả lời rằng: Thầy thấy cái nắm tay của tôi. Vậy cái nắm tay do đâu mà có, và thầy lấy cái gì để thấy?

Bạch Thế Tôn! Cái nắm tay có là do bàn tay Phật co các ngón tay lại. Tôi thấy nắm tay của Phật là do con mắt của tôi.

Phật bảo: Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay. Nếu không có con mắt (mắt bị đui) thì không có cái thấy. Hai sự việc đó có giống nhau chăng?

Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Nếu không có bàn tay thì không có nắm tay. Nếu không có con mắt thì không có cái thấy.

Phật bảo A Nan! Thầy nói như vậy là không đúng. Không có bàn tay thì tuyệt nhiên không có nắm tay, chứ không có con mắt không phải hoàn toàn không thấy. Thầy thử hỏi những người đui xem họ có thấy gì không? Chắc hẳn họ sẽ trả lời với thầy rằng họ thấy tối đen trước

mắt. Lấy nghĩa đó mà suy nghĩ tiền cảnh tự tối, chứ cái tánh thấy nào có hao kém gì?

Bạch Thế Tôn! Những người đui trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi rằng thấy?

Phật bảo: Dù thấy tối đen cũng vẫn là thấy. Còn thấy sáng hay thấy tối là do tiền cảnh sáng tối, tánh thấy vẫn y nhiên. Nếu vì tối mà cho là không thấy, vậy thì khi người ta ngồi trong nhà tối không thấy gì hết, chỉ thấy trước mắt tối đen, bỗng nhiên được đèn sáng thấy rõ các vật, chẳng lẽ thầy bảo đó là cái đèn thấy hay sao? Vậy nên suy biết: Đèn làm tỏ rõ các vật, nhưng thấy như vậy là mắt chứ không phải đèn. Mắt làm tỏ các sắc, nhưng thấy là tâm chứ không phải là mắt.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ai ăn nấy no, ai ngủ nấy khỏe, thì sự tu hành, ai tu nấy chứng, không ai tu thể giúp đỡ cho ai được. Có giúp đỡ chẳng chỉ làm Tăng thượng duyên, mà nhân duyên phải là tự lực của chính mình. Đó là sự thật hiển nhiên, người trí

không ai có thể phủ nhận, vì đó là chân lý. Chân lý đó nói lên cái chân lý **Nhân quả** của thế gian và xuất thế gian. Nó bao trùm xuyên suốt hết nền giáo lý Phật. Thầy A Nan nói lên lần này là lần thứ hai sau khi thầy thoát nạn Ma Đăng Già trở về: Rằng sự tu hành không thể ỷ lại tha nhân, dù tha nhân đó là Như Lai Thế Tôn, càng không thể có sự ân sủng, ban cho hay tặng thưởng trong tiến trình tiến lên đạo quả giải thoát giác ngộ. Nếu ai đó làm cái việc tặng thưởng, ban cho là tự trái với chân lý, mâu thuẫn với quy luật nhân quả khách quan của vũ trụ vạn hữu, người trí không tin có việc đó xảy ra.

Học Phật cốt ở thực hành. Học không hành chẳng khác nào nói ăn mà không ăn thì không thể no được.

Vấn đề nắm tay và cái thấy, cái thấy là mắt hay là tâm, làm cho người đọc kinh Thủ Lăng Nghiêm, không thể không phân vân, kiểm tra lập trường nhận thức của mình. Thầy A Nan mệnh danh là con người đa văn đệ nhất, thế mà còn lúng túng chưa ngã ngũ được bằng nhận thức của mình, huống hồ Phật tử chúng ta chẳng mấy tí đa văn, giải quyết sự kiện ấy còn khó khăn vạn bội. Phật tử đừng xem thường vấn đề thấy, nghe,

ngươi, ném... và vấn đề tâm vật trong đời sống hằng ngày.

Bảo rằng con mắt thấy thì sai lầm vì thiếu cận. Bảo rằng không phải con mắt thấy, càng ngớ ngẩn ngô nghê. Bảo rằng tâm thấy, thì đó là phương tiện của Như Lai chứ chưa hẳn vậy. Bởi vì: "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc". Vậy thì tâm thấy là cái tâm nào?

Nói rằng tâm thấy, là ý Phật muốn dạy cho thầy A Nan biết về "Ngũ câu ý thức" về hiện lượng, tỷ lượng và phi lượng của bát thức Tâm Vương, nói theo thuật ngữ của Duy thức học. Tiền ngũ thức, nhãn thức là một, tiếp xúc với ngũ cảnh chỉ thông qua hiện lượng. Hiện lượng là sự lượng biết còn trong đệ nhất sát na, nghĩa là chưa qua tư duy phân biệt. Sự tiếp thu tiền cảnh của tiền ngũ thức giống như sự tiếp thu hình ảnh và âm thanh của chiếc máy quay phim màu. Hình ảnh, màu sắc và âm thanh có đủ, nhưng cuốn phim, chiếc máy, thì bình đẳng tiếp thu không máy may phân biệt. Vậy mà thầy A Nan cho rằng mắt thấy thì làm sao không bị Phật quả rầy! Mắt, chỉ tiếp thu làm tỏ rõ các vật sắc, mà thấy biết là phải có ý và thức cộng vào.

Nghĩa là: Nhãn thức cộng với đệ nhất sát na ý thức và tâm thành nhãn câu ý thức. Đủ ngàn ấy điều kiện mới thành cái thấy biết của mắt. Vì vậy Như lai nói: Mắt không phải thấy mà thấy là do tâm. Tâm ở đây chỉ cho tâm thể của chân tâm.

Do đó, ta thấy rõ: Cái thấy của mắt chỉ là hiện lượng, cho nên không trọn vẹn đầy đủ yếu tố để gọi là mắt thấy. Vì vậy:

Nói mắt thấy, đã sai

Nói không phải mắt thấy, càng sai

Nói tâm thấy, chỉ là Như Lai phương tiện!

*Mà phải nói: Cái thấy của mắt chỉ là **hiện lượng!***

*

* *

**GẶN HỎI NGHĨA CHỦ KHÁCH
NHÂM CHỈ RÕ HIỆN TƯỢNG VỌNG
TƯỚNG DIỆT SANH. VÍ DỤ HƯ KHÔNG
VÀ TRẦN ĐỀ KHAI THỊ CHÂN TÂM THỂ
THƯỜNG TRÚ**

Bấy giờ đức Thế Tôn giơ cánh tay dụi dàng mềm mại lên, bảo thầy A Nan và đại chúng: Sau khi thành đạo lần đầu tiên ở Lộc Dã Uyển, tôi có dạy cho nhóm A Nhã Kiều Trần Như, rằng tất cả chúng sanh không thành A la hán và không chúng được Vô thượng Bồ đề, do vì phiền não khách trần làm mê hoặc. Thuở đó, các thầy do gì mà tỏ ngộ và hiện nay được thành bậc đại A la hán?

Thầy Kiều Trần Như đứng dậy thưa: Bạch Thế Tôn! Nay tôi đã già, ở trong đại chúng, tôi được cái tên Giải là do thuở đó tôi tỏ ngộ được ý nghĩa hai chữ khách trần. Khách là người đi đường, khi cần họ vào quán trọ thuê phòng hoặc ở, hoặc ngủ, hoặc ăn. Ăn ngủ xong xếp hành lý lên đường, không ở luôn được. Còn người chủ thì ở vĩnh viễn không phải đi đâu nữa. Từ suy nghĩ đó tôi hiểu ra rằng: Khách có đến đi, còn chủ thì ở luôn không đi đâu hết.

Về nghĩa chữ trần, thì vào lúc mặt trời mới lên, ánh sáng xuyên vào các kẽ hở, lỗ thủng của mái nhà, nhìn theo làn ánh sáng trong khoảng hư không yên lặng ấy, tôi thấy vô số bụi trần li ti loạn động, cuộn cuộn tuôn bay. Do đó tôi nhận ra được nghĩa chữ trần: Trần thì lay động, còn hư không thì yên lặng tuyệt nhiên!

Phật bảo: Đúng vậy.

Đoạn, Phật đưa tay lên, co năm ngón tay lại rồi mở ra và hỏi:

A Nan! Thầy thấy gì?

Tôi thấy bàn tay Phật, nắm lại rồi mở ra, A Nan đáp.

Thầy thấy tay tôi có nắm có mở, hay cái thấy của thầy có nắm có mở?

Thưa! Tay Phật có nắm có mở, chứ cái thấy của tôi làm sao có nắm mở được!

Cái gì động? Cái gì tĩnh? Đức Phật hỏi.

Thưa! Bàn tay của Phật không yên, chứ cái thấy của tôi còn không có tĩnh thì làm chi có động!

Phật bảo: Đúng vậy.

Bấy giờ Phật dùng tay chỉ qua phía bên phải của thầy A Nan, thầy A Nan quay nhìn qua bên phải. Phật lại chỉ qua phía trái, thầy A Nan quay đầu nhìn qua phía trái.

Phật bảo: A Nan! Hôm nay vì sao đầu thầy lay động qua lại như thế?

Bạch Thế Tôn! Tôi vì thấy bàn tay của Phật chỉ qua bên phải, rồi chỉ qua bên trái của tôi. Đầu tôi lay động bởi ngón tay của Phật.

Đầu thầy lay động quay bên phải bên trái. Vậy cái đầu thầy động, mà cái thấy của thầy có động chăng?

Bạch Thế Tôn! Đầu tôi tự lay động, chứ cái thấy còn không biết nó ở chỗ nào, thì lấy gì mà lay động!

Phật bảo: Đúng vậy.

Bấy giờ, Phật bảo thầy A Nan và đại chúng rằng: Mọi người ai cũng có thể nhận biết: Không ở luôn là khách. Chủ thì vĩnh viễn không đi đâu. Bụi trần thì lay động, còn hư không yên lặng tuyệt nhiên. Có nắm có mở là tay, tánh thấy thì không có nắm mở. Quay qua quay lại là đầu, tánh thấy thì không hề xoay chuyển.

Vậy mà các thầy hiện nay lấy cái động làm thân, lấy cái động làm tâm, lấy cái động làm cảnh, bỏ mất đi tâm tánh chân thường bất động, yên lặng, nó thường ở luôn với mình. Hằng ngày làm những việc trái ngược, nhận vật làm thân, nhận vọng tưởng làm tâm, xoay vần trong đó, tự nhận lấy sự trôi lăn trong sáu nẻo!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đọc đến đoạn kinh này, người đệ tử Phật có tư duy, tu tập thiền định ít nhiều, có thể bừng tỉnh ngộ: Rằng chân tâm thể thường trú không phải ở đâu xa xôi cách trở, cần phải tìm kiếm, hay cầu khẩn van xin mới có.

Tìm chân tâm thể thường trú cũng không cần ở ngay chánh điện của ngôi chùa đồ sộ nguy nga có tượng Phật to, có đại hồng chung lớn.

Tìm chân tâm thể thường trú cũng không cần đóng cửa trong một buồng phòng kín và ngồi thờ thần với đôi mắt lim dim.

Chân tâm thể thường trú muốn tìm nó chỉ cần có chất liệu thiền tư. Thiền tư hay thiền định với nghĩa tư duy quán chiếu. Người đệ tử nào muốn đi trên đường Bồ đề, Niết bàn chỉ cần tu tập tư duy quán chiếu thân tâm, cảnh giới quanh cuộc sống hằng ngày của bản thân mình. Đức Phật đã dạy quá rõ ràng, rằng cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc, cái biết, nói chung là những tác dụng nhận thức của sáu giác quan, Phật bảo chúng không phải chân tâm thể, nhưng chúng cũng không rời ngoài chân tâm thể mà có. Không biết sử dụng chỉ có toàn vọng tưởng, bóng dáng của tiền cảnh. Cũng như nước thanh bình thanh trị thì mọi người công dân trong nước là tôi hiền con thảo. Khi thượng bất chánh thì cũng những công dân ấy trở thành tôi loạn con nghịch. Tiền cảnh luôn luôn thay đổi lúc có lúc không, thì sự hồi tưởng lại cái tướng của tiền cảnh cũng lúc sanh lúc diệt. Vì vậy, Phật gọi sự hồi tưởng bóng dáng tiền cảnh vào trong ký ức phân biệt chỉ là vọng tâm, là những phiền não khách trần. Vì là khách cho nên không ở được luôn. Vì là trần nên không có phút giây yên lặng.

Phật dạy cho người đệ tử phương pháp tu học để sống với sự an lành, yên lặng như hư không và quay về với vai trò người chủ, không đi

đâu nữa. Vì ngoài người khách đến đi, còn có chủ không đi, ở lại. Trong sự loạn động cuộn cuộn tuôn bay của trần, còn có hư không yên lặng không hề lay chuyển. Trước sự nắm mở duỗi co qua nắm tay của Phật, còn có cái không duỗi co nắm mở, đó là cái thấy của thầy A Nan. Thế thì, sự nhận thức của sáu giác quan, luôn luôn thay đổi từng sát na, từng phút từng giờ, nhưng ngoài sự thay đổi luôn luôn ấy, con người còn một cái. Cái đó là gì? Là **chân tâm thể thường trú**.

Theo lời Phật dạy thì chân tâm thể thường trú có thể biểu hiện ở mọi con người, khi trí tuệ con người có khả năng nhận thức được vọng tâm. Nhận được vọng tâm, cũng nhận thức được gì là vô minh phiền não khách trần để rồi hóa giải chúng đến độ hoàn toàn sạch bóng.

Sự bác bỏ của Phật đối với thầy A Nan về vấn đề tâm thấy hay mắt thấy, sự thật chẳng có gì quan trọng giữa hai thầy trò! Nhằm mục đích giáo dục chúng sanh, Phật bày ra cuộc vấn đáp cho lý cùng trí tận vậy thôi. Giải quyết vấn đề đó, khó khăn gì đối với người đệ tử tinh tấn, đa văn như thầy A Nan!

Cái gì thấy? Mắt có thấy được không? Thấy cách nào? Cần bao nhiêu điều kiện để

thấy? Sao gọi là tâm thấy? Tâm thấy cách sao? Tâm ở đâu? Bao nhiêu câu hỏi đó, thầy A Nan đem Pháp Tướng Học ra giải quyết, dễ như người ta thò tay vô túi mà lấy... tiền tiêu, chẳng có gì khó khăn cả.

*

* *

TRONG THÂN THỂ VÔ THƯỜNG SANH DIỆT CÒN CÓ CÁI THƯỜNG BẤT SANH BẤT DIỆT

A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy thân tâm thư thái, nghĩ mình từ trước đến nay bỏ mất bốn tâm, lầm nhận sự phân biệt bóng dáng tiền cảnh làm tâm. Ngày nay được Phật khai ngộ, như em bé mất sữa bỗng được gặp mẹ hiền, đồng chấp tay lễ Phật, cầu xin Phật chỉ cho chỗ chân vọng thực hư, ở nơi thân tâm hiện tiền phát minh hai tánh: Sanh diệt và không sanh diệt.

Bấy giờ vua Ba Tư Nặc đứng dậy thưa:

Bạch Thế Tôn! Khi chưa được gặp Phật, tôi nghe bọn Ca Chiên Diên, Tỳ La Chi Tử nói rằng: Thân này chết rồi là mất hẳn, gọi đó là Niết bàn. Nay tuy được gặp Phật nghe pháp, nhưng tôi vẫn còn hồ nghi, xin Thế Tôn chỉ dạy làm thế nào để được nơi thân tâm này cái gì không sanh diệt?

Phật bảo: Này Đại Vương! Như Đại Vương đã biết: Cái thân vô thường, vận động, sanh diệt chuyển biến theo năm tháng của thời gian, không có một giây phút, một sát na dừng trụ. Từ thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành, độ

thanh xuân nào rồi cũng đến lúc da môi tóc bạc... mà Đại Vương biết chắc là nó sẽ tiêu ma hoại diệt. Thưa Đại Vương! Đó là chân lý của cuộc đời, hữu tình vô tình cùng chung một định luật sanh diệt, diệt sanh của vạn pháp hiện tượng.

Nhưng này, thưa Đại Vương! Như Đại Vương vừa nói: Lúc 3 tuổi cùng mẹ đi cúng lễ thần Kỳ Bà Thiên, đó là lần đầu tiên Đại Vương thấy nước sông Hằng. Rồi năm 13 tuổi cho đến nay Đại Vương 62 tuổi mà "cái thấy" của Đại Vương thấy nước sông Hằng vẫn y nguyên không sai khác!

Thưa Đại Vương! Dựa trên khái niệm thời gian tương đối mà đánh giá tuổi tác con người. Hiện nay mặt Đại Vương tuy nhăn, nhưng tánh thấy của Đại Vương không nhăn, tóc Đại Vương bạc mà tánh thấy của Đại Vương không bạc. Cái có bị nhăn, bị bạc là những cái có sanh diệt, đổi thay. Cái không nhăn, không bạc, không bị chi phối bởi luật vô thường thì làm gì có thay đổi! Có đổi thay thì có hoại diệt, không thay đổi đồng nghĩa với bất diệt, bất sanh. Đại Vương còn sợ gì cái thuyết "Đoạn kiến" của bọn Mạt Già Lê bảo rằng: Thân này chết là mất hẳn?

Nhà vua nghe lời Phật, nhận biết về sau khi bỏ thân này không phải mất hẳn. Vua và đại chúng hơn hờ vui mừng, được cái vui chưa từng có.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đọc đoạn kinh trên, tôi chợt liên tưởng đến câu thơ của Tố Như tiên sinh, một thi hào Việt Nam thế kỷ 18 viết:

"... Rằng: Những đáng tài hoa

Thác là thế phách, còn là tinh anh".

Cái "Tinh anh" mà Tố Như tiên sinh nói, ta có thể hiểu cái từ: "Linh tri", "Giác linh", "Linh hồn" hay "Thần thức". Tuyệt đại đa số loài người trên mặt đất đều tin tưởng rằng, sau khi con người chết còn "một cái" trong những từ đó. Nhưng "cái đó" sẽ ở đâu và sẽ đi về đâu, điều đó tùy tập quán tín ngưỡng và tôn giáo mà người đó tôn thờ.

Ở đoạn kinh này, cái "tinh anh" không mất của con người sau khi chết, người đệ tử Phật có

thể hiệu đó là: "Chân tâm bản thể của hiện tượng vạn hữu", cũng gọi là "Như Lai Tàng", và ta sẽ thấy đức Phật dạy rõ ở những đoạn kinh sau này. Bởi vì theo giáo lý Phật không có một hiện tượng sanh diệt nào rời ngoài bản thể chân như của nó, cũng như không có một bản thể chân như nào không biểu hiện qua hiện tượng vạn hữu. Những đợt sóng sanh diệt trên mặt nước phẳng lặng vốn dĩ bất sanh. Nếu sóng lặng đi rồi, mặt nước phẳng lặng như tờ hãy còn nguyên đó.

Phật khai thị cho vua Ba Tư Nặc và đại chúng: Sắc thân là một hiện tượng, một dạng vật lý, cho nên bị chi phối bởi định luật vô thường sanh diệt của vạn pháp hiện tượng hữu vi. Trong cái vô thường còn có cái thường, đó là tánh thấy. Tánh thấy cũng là một hiện tượng, nhưng là hiện tượng của một dạng tâm lý của bản thể chân như. Cho nên sự sanh diệt của hiện tượng tâm lý chỉ là sự tùy duyên biểu hiện của bản thể. Do vậy, thân già nhưng tánh thấy không già, tóc bạc mà tánh thấy không bạc... Cái có già, có bạc, có đổi thay rồi sẽ hoại diệt mất đi. Bản thể chân thường thì không chịu sự chi phối của hiện tượng vật lý hữu vi sanh diệt...

"Xuân đến trăm hoa nở

*Xuân đi trăm hoa rụng
Sự vật đổi thay trông trước mắt
Già nua biểu hiện mái tóc sầu
Đừng tưởng Xuân tàn hoa rụng hết
Trước sân, Xuân nọ cành mai hã còn".*

(Mãn Giác Thiền Sư)

Mai nở mai rụng là hiện tượng sanh diệt của hoa mai trong một thời kỳ từ 5 đến 7 ngày, còn cây mai trước sân của đêm Xuân hôm ấy, sẽ tiếp nối trưởng thành để rồi Xuân tới và Xuân tới nữa cứ lại trở hoa mai...

*

* *

RẰNG NGƯỢC, RẰNG XUÔI CHỈ LÀ SỰ ÁP ĐẶT CHỦ QUAN MỘT Ý THỨC CHẤP MẮC!

A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, chắp tay quỳ gối và thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thầy thật không sanh diệt, có sao Thế Tôn lại gọi hàng đệ tử chúng tôi là bỏ mất chân tánh, làm việc trái ngược? Xin Phật mở lòng thương xót rửa sạch trần cấu cho chúng tôi!

Bấy giờ Phật duỗi cánh tay hướng xuống đất, bảo thầy A Nan rằng: Thầy thấy tay tôi như thế này là xuôi hay ngược?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Mọi người thế gian cho như vậy là ngược, còn tôi thì không biết thế nào là ngược, thế nào là xuôi.

Nếu người thế gian cho như vậy là ngược, thì họ gọi thế nào là xuôi?

Như Lai đưa cánh tay hướng lên trên không thì gọi là xuôi.

Bấy giờ Phật đưa cánh tay lên và bảo thầy A Nan: Cái trái ngược của các thầy là ở chỗ đó, chỉ một việc thay đổi hướng của cánh tay, vậy mà người thế gian gán cho cái thấy một ý niệm

ngược, xuôi! A Nan, thân thầy và thân Như Lai chẳng khác gì nhau, nhưng thân Như Lai là Pháp thân thanh tịnh Chánh biến Tri giác, còn các thầy thì gọi là người làm việc trái ngược bỏ mất chân tánh. Vậy thầy hãy chín chắn nghĩ suy tìm xem sự trái ngược của thân thầy và thân Phật khác ở chỗ nào?

Thầy A Nan và đại chúng chăm chăm ngó Phật mắt không lay động, chẳng biết thân tâm trái ngược do ở nơi đâu?

Đức Phật khởi lòng thương xót, phát tiếng hải triều bảo khắp đại chúng: Các thiện nam tử! Tôi thường nói: Sắc, Tâm và Tâm sở pháp đều duy tâm hiện. Thân tâm các thầy chỉ là vật ở trong chân tâm thể minh diệu. Tại sao các thầy bỏ mất đi cái chân tâm thể minh diệu quý báu, mà nhận lấy cái mê trong ngộ?

A Nan! Do mê muội nhận thấy không. Cái không phải không, nhận cho là sắc. Sắc có xen tưởng thì nhận đó là thân. Cảnh sắc bên ngoài phản ánh tư tưởng bên trong, rồi cho cái tác dụng nghĩ ngợi lăng xăng là tâm tánh. Một phen lầm, cho đó là tâm thì quyết định cũng lầm cho "tâm ở trong thân". Do đó không thể hiểu được rằng: Sắc, tâm, núi, sông, đất liền cho đến cả hư không đều là những vật trong **chân tâm thể**

minh diệu. Thật chẳng khác trăm ngàn biển lớn sạch trong, chỉ nhận một cái bọt nước, rồi cho đó là nước của toàn thể đại dương. Các thầy là kẻ mê trong những người mê, chỉ một cánh tay tôi mà nẩy sanh quan niệm ngược xuôi. Như Lai gọi các thầy là những người đáng thương xót.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Duy thức luận nói:

"Danh sự hồ vi khách

Kỳ tánh ưng tâm tư".

Đứng bên mặt chân đế, vạn pháp vốn không có tuổi tên. Đặt ra tên tuổi là do biến kế chấp của ý thức con người.

Bên mặt tục đế xã hội loài người không thể không đặt tên sự vật để khái niệm, để nhận thức và xưng gọi.

Đặt cho sự vật vạn pháp một danh ngôn để xưng gọi, mà con người sống phù hợp theo tánh

hiện thực khách quan của nó, thì cũng chẳng có gì tội lỗi đáng trách. Trái lại, đó còn là một yêu cầu tự nhiên của quá trình tiến hóa cho cuộc sống loài người. Tai hại của danh ngôn là do sanh lòng chấp mắc. Chỉ một cánh tay Phật duỗi xuống đưa lên, mà sanh khởi ý niệm ngược xuôi. Mầm mống tranh chấp thị phi dựa trên cơ sở biến kế ấy phát sanh. Cái cánh tay hiện thực, thì mọi người đánh mất cái vai trò như thị khách quan của nó. Lấy một cánh tay Phật làm ước lệ để chỉ rõ cho đại chúng cái tánh chất tai hại của "Biến kế danh ngôn". Do "Biến kế sở chấp", con người không nhận thức đúng tự tánh "Y tha khởi" của sự vật hiện tượng. Vì vậy con người không sao biết được tánh "Thẳng nghĩa", "Chân như" và tánh "Thường như viên thành thật" của hiện tượng vạn pháp.

Cùng là thân, mà thân Phật gọi là Pháp thân thanh tịnh Chánh biến Tri giác. Bởi vì Như Lai làm chủ bản thân, làm chủ vạn pháp, làm chủ tâm tánh mình. Như Lai nhìn hiện tượng vạn pháp với cái **tri kiến vô kiến**. Vì vậy, Như Lai là bậc **Pháp Vương**. Thầy A Nan và tất cả chúng sanh nhận thức vạn pháp theo **tri kiến lập tri**, cho nên Phật gọi họ là những người làm việc trái ngược bỏ mất chân tánh.

"Sắc, Tâm và Tâm sở pháp đều duy tâm hiện". Chữ tâm phải được hiểu là đệ bát thức A lại da. Chỉ có đệ bát A lại da mới đủ tiêu chuẩn là "Chân tâm thể minh diệu".

Duy thức luận nói:

"Tính duy vô phú, ngũ biến hành

.....

Hạo hạo tam tàng bất khả cùng

Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong

Thọ huân trì chủng căn thân khí...".

Nếu cho rằng tâm ở trong thân, chẳng khác nhận một cái bong bóng nước cho là nước của toàn thể đại dương. Nên biết rằng sắc, thân, núi, sông, đất liền... cho đến cả hư không, đều là những vật trong **chân tâm thể minh diệu** ấy!

LỰA BỎ TÂM VƯƠNG VÍU CẢNH DUYÊN ĐỂ CHỈ TÁNH THẤY KHÔNG CHỖ TRẢ VỀ

Thầy A Nan nghe lời dạy bảo thâm thiết của Phật sung sướng rơi nước mắt, vòng tay mà bạch Phật rằng: Tôi nghe diệu âm của Phật, dù nhận rõ chân tâm thể minh diệu vốn là tâm địa thường trú viên mãn, nhưng chỉ nhận trên pháp âm của Phật nói. Tôi đang dùng tâm vương víu cảnh duyên thỏa mãn lòng ái mộ Phật. Tôi cũng chỉ nhận thức được một cách mơ hồ chưa dám nhận đó là tâm địa vốn có của mình, mong Phật thương xót dùng viên âm dạy bảo, nhổ gốc nghi ngờ cho tôi được về với đường chánh giác.

Phật bảo: Các thầy còn lấy tâm vương víu cảnh duyên mà nghe pháp, thì pháp đó cũng chỉ là pháp Tướng vương víu tạm thời, chưa phải nhận được chân pháp Tánh. Ví như có người lấy ngón tay chỉ trăng, người trí nương ngón tay để tìm thấy trăng. Nhưng nếu cho ngón tay là trăng, thì chẳng những bỏ mất mặt trăng mà cũng bỏ mất luôn cả ngón tay nữa, vì ngón tay mà đã tưởng là mặt trăng, thì cũng không biết thế nào là sáng, thế nào là tối! Nay thầy lấy sự phân biệt

pháp âm của tôi mà cho là tâm, thì lúc không có pháp âm, lẽ ra thầy phải còn phân biệt! Ví như người ngủ trọ, hết ngủ thì đi, còn chủ quán trọ thì vĩnh viễn ở luôn, không đi đâu nữa. Cũng vậy, nếu thật là tâm của thầy thì không đi đâu, tại sao rời âm thanh thuyết pháp của tôi, cái phân biệt của thầy không còn? Sự phân biệt về âm thanh đã vậy, sự phân biệt sắc, hương, vị, xúc, cho đến các phi sắc, phi hương của pháp trần cũng vậy. Rời đối tượng phân biệt ra cái phân biệt của thầy phải thường còn, thì đó mới thật là tâm tánh của thầy. Trái lại, hễ đối tượng không có, phân biệt cũng không còn, thế là tâm tánh của thầy có chỗ trả về, như khách đến rồi đi, không còn là địa vị của chủ nhân thường trú.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tâm tánh tôi có chỗ trả về, vậy cái chân tâm thể minh diệu Như Lai nói, vì sao lại không có chỗ trả về? Xin Phật thương xót vì chúng tôi dạy bảo.

Phật bảo: A Nan! Cái thấy mà thầy thấy tôi, dù không phải là chân tâm thể minh diệu, nhưng nó là tánh thấy trong sáng chưa nhuộm trần lao. Nó như vầng trăng thứ hai chứ không đến nổi như bóng trăng đáy nước. Thầy hãy chín chắn lắng nghe, nay tôi chỉ cho thầy cái nghĩa không chỗ trả về.

A Nan! Đại giảng đường này mở rộng, phương Đông mặt trời lên thấy sáng suốt, đêm ba mươi không trăng mây mù thấy tối đen, chỗ có cửa mở thấy thông thương, chỗ có tường thấy ngăn bít, chỗ có phân biệt được thấy cảnh sắc, chỗ trống trơn thấy hư không, chỗ bụi cát tung lên thấy mịt mù, chỗ mưa tạnh mây tan thấy quang đặng.

A Nan! Thầy đã thấy các tướng biến hóa như vậy, nay tôi trả các tướng ấy về chỗ bản nhân của nó. A Nan! Cái sáng trả về cho mặt trời vì không mặt trời thì không sáng, bản nhân cái sáng thuộc về mặt trời, cho nên trả về cho mặt trời. Tối đen trả về cho đêm ba mươi. Thông thương trả về cho cửa. Ngăn bít trả về cho tường. Cảnh sắc trả về cho phân biệt. Hư không trả về cho khoảng trống. Mịt mù trả về cho cát bụi. Quang đặng trả về cho mưa tạnh mây tan. Sự vật thế gian tuy nhiều, nhưng không ngoài các thứ đó. Còn cái thấy mà thầy thấy tám thứ đó, thầy định trả nó về đâu? Nếu thầy trả về cho sáng thì lúc không có sáng lẽ ra thầy không thấy được tối. Nhưng trước mắt thầy, sáng và tối có sai khác, mà cái thấy của thầy thì không sai khác. Cái có chỗ trả về hẳn nhiên không phải là thầy, còn cái thấy không thể trả về đâu, nếu không phải thầy thì là ai len vô đó?

Vậy nên biết rằng: Tâm thầy vốn nhiệm mầu, thanh tịnh sáng suốt mà thầy tự mê mờ bỏ mất gốc, nhận chịu luân hồi, thường bị chìm đắm trong biển sanh tử. Thế nên Như Lai gọi các thầy là những người đáng thương xót!

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Nghe mà sanh lòng hoan hỷ, sung sướng rơi nước mắt là thành tựu bước đầu **Âm hưởng nhĩn** của người đệ tử Phật. Sanh lòng ái mộ, nhận rõ chân tâm thể minh diệu qua pháp âm Phật, nhưng chỉ nhận một cách mơ hồ, đấy là hiện tượng **Nhu thuận nhĩn** được phát sanh. Chưa dám nhận chân tâm thể minh diệu minh là tâm địa vốn có của mình, vì thầy A Nan bấy giờ chưa thể nhập "**Vô sanh pháp nhĩn**".*

Nghe pháp mà chỉ nghe bằng tâm vương víu pháp âm dù là pháp âm Phật, thì cũng chưa lắng nghe được pháp Tánh thanh tịnh bản nhiên của vạn pháp vốn có ở lòng mình. Phải tự uống trà mới biết hương vị của trà ngon. Chỉ nghe nói

trà ngon thì cái ngon và vị trà không đời nào hiểu đúng. Nương ngón tay để nhìn trắng, chứ ngón tay không bao giờ là mặt trắng được.

Dùng tâm phân biệt tiếp nhận pháp âm Phật, tâm đó không thể là chân tâm, vì nếu pháp âm không còn nữa thì cái tánh "thường trú" cũng đã mất theo, chẳng lẽ thầy A Nan lúc bấy giờ đã trở thành người gỗ đá vô tri vô giác! Đối với sắc, hương, vị, xúc cũng vậy. Tiền cảnh lúc có lúc không, nhưng cái tâm thanh tịnh "Vô phân biệt" của con người không vì tiền trần mà theo sanh theo diệt. Phát hiện được cái tâm thanh tịnh "Vô phân biệt" vốn có của mình, Phật gọi đó là "**Chân tâm thể thường trú**". Cái đó không có chỗ trả về.

Thế gian, hiện tượng tuy nhiều, nhưng tóm thu không ngoài tám tướng: Sáng, tối, thông, bí, sắc, không, trong, đục.

Tám tướng đều có thể trả về chỗ sở nhân phát sanh ra nó, nhưng tánh thấy của thầy A Nan nhận thấy tám tướng kia không thể trả về đâu. Rõ ràng cái tánh thấy ấy là của thầy A Nan chớ chẳng phải của ai khác. Tiền trần đối tượng có đến có đi, có sanh có diệt như người "khách", cho nên ví "khách trần". Nhận thức chủ thể

thường xuyên hiện hữu như "chủ", cho nên gọi: "Chân tâm thể thường trú".

Dù vậy, sự thường trú của tánh thấy chỉ là hiện tượng biểu hiện của chân tâm, chớ chưa phải chân tâm, nên ví vành trăng thứ hai chưa phải mặt trăng thật. Nói cách khác đó là chân tâm bên mặt hiện tượng tùy duyên. Chừng nào nhận thức và thể nhập bản thể bất biến của chân tâm mới gọi là người thấy được mặt trăng thật.

*Ô hô! Pháp hải u huyền trần tâm nan hội!
Chân tâm hạo đảng như nguyệt lâm thủy diện,
bát khai thủy diện, nguyệt hoàn thâm!*

*

* *

VẬT LÀ ĐỐI TƯỢNG PHÂN BIỆT CỦA TÂM. TÂM BIỂU HIỆN QUA CÁI THẤY LÀ CHỦ THỂ PHÂN BIỆT VẬT

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Tuy tôi biết tánh thấy không thể trả về, nhưng làm sao biết được đó là chân tánh của tôi?

Phật bảo: A Nan! Thầy chưa được quả Vô lậu, nhờ lời Phật dạy mà thầy biết được Sơ thiền. Trong khi thầy A Na Luật thì “thấy” và biết toàn thể vũ trụ vạn hữu như quả quýt để trên bàn tay. Còn những chúng sanh thường tình thì thấy biết của họ không xa hơn gang tấc.

A Nan! Thầy hãy cùng Như Lai nhìn xem các hiện tượng núi sông, trời mây, biển cả, lùm rừng, hoa lá... tuy có nhiều hình sắc khác nhau, sáng tối không đồng, nhưng không cái gì không phải tiền cảnh đối tượng phân biệt. Những thứ mà thầy thấy, thầy hãy lựa xem cái gì là chủ thể, cái nào là đối tượng phân biệt của thầy?

A Nan! Cùng tốt sức thấy của thầy, từ mặt trời, mặt trăng... cho đến sơn hà đại địa xem xét khắp cùng, dù có thấp cao lớn nhỏ và màu sắc không đồng, nhưng cũng đều là vật chớ chẳng phải thầy. Lẫn xem và phân tích từng chủng loại

ta thấy nào là: Mây kéo, chim bay, gió động, bụi tung, cây, rừng, sông, núi, cỏ, hoa, súc vật... cho đến con người, mà những thế kỷ sau này người ta gọi đó là Động vật thể, Thực vật thể, Khoáng vật thể và Phi vật thể, chớ chẳng có cái nào, món nào là A Nan, là thầy cả!

A Nan! Các vật gần xa đó tuy khác nhau, nhưng đều do tánh thấy thanh tịnh của thầy. Các vật loại kia có sai khác mà tánh thấy của thầy thì không sai khác. Tánh thấy sáng suốt nhiệm mầu đó, rõ là chủ thể phân biệt của chính thầy, chứ còn ai nữa! Nếu tánh thấy là vật, thì thầy đã thấy cái thấy của tôi, nhưng sự thật thì không như vậy. Điều đó chứng minh rằng: Cái thấy không phải vật, mà là chủ thể phân biệt của chính thầy. Sự thể quá rõ ràng, sao thầy còn nghi ngờ cái chân tánh của thầy? Chân tánh của thầy, thầy không tự nhận, vương chấp pháp âm của tôi mà cầu thực chứng thì làm sao có được?

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tánh thấy tức là nhãn thức. Nhãn thức là một trong tám thức Tâm vương. Tánh thấy thanh tịnh sáng suốt nhiệm màu, vì tiếp thu trần cảnh, nó chỉ thu nhận "tánh cảnh" và "hiện lượng", cho nên tự tánh của cái thấy vốn không có tội lỗi gì. Nó là hiện tượng biểu hiện của chân tâm thể, nó gần với bản chất thanh tịnh của chân tâm thể hơn các hiện tượng khác, nên ví nó như vành trăng thứ hai do mắt nhắm mà thấy, chứ nó không hư ảo, đảo điên như bóng trăng in đáy nước.

Nêu một tánh thấy để đơn cử công dụng phát thức của một căn. Kỳ thật tánh cảnh, hiện lượng là đặc tánh chung của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, năm thức trước. Năm thức trước hoạt động trong một bối cảnh "tùy duyên". Chỉ có ý thức đối với sự hoạt động của con người, tương đối nó thường trú tức trực hơn năm thức trước. Nó chỉ không hiện hữu ở các trường hợp: Vô tướng định, diệt tận định, ngủ không chiêm bao và chết ngất.

Sáu thức tác động vào sáu căn, biểu hiện ra thành sự nhận thức của con người. Đối tượng

*nhận thức của năm thức trước là "tánh cảnh" nghĩa là những sự vật có bản chất cụ thể, rõ, móm, cầm, nắm được gọi đó là **VẬT**. Chủ thể nhận thức thì biểu hiện thông qua sáu giác quan, nhưng vì chỉ có tác dụng nên gọi đó là **TÂM**. Tâm, ý và thức là những thứ vật sắc phi vật, kinh điển thường gọi chúng thuộc thành phần Vô biểu sắc. **TÂM** và **VẬT** đều là hiện tượng biểu hiện phát xuất từ **Như Lai tàng bản thể tịnh minh**.*

Không gian cộng với thời gian là bản thể Như Lai tàng tịnh minh đó!



TÁNH THẤY KHÔNG LỚN NHỎ ĐỨT NÓI, CHỈ DO TIỀN CẢNH NGĂN NGẠI MÀ THÔI.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy là tôi không phải ai khác, khi Như Lai và tôi xem mặt trời, mặt trăng, cùng lúc thấy khắp cảnh núi sông, đất liền, mây nước. Khi trở về tịnh xá chỉ thấy khu đất già lam. Đến trai đường chỉ còn thấy giới hạn của một căn phòng.

Thưa Thế Tôn! Tánh thấy vốn rộng khắp xa xăm, mà nay ở trong nhà chỉ thấy một gian phòng. Vậy tánh thấy lớn rút lại thành nhỏ, hay do tường nhà ngăn chặn làm cho đứt đoạn? Điều đó tôi chưa hiểu, xin Phật từ bi chỉ dạy!

Phật bảo: A Nan! Tất cả các hiện tượng xa gần lớn nhỏ trong ngoài của thế gian đều thuộc tiền cảnh, thầy không nên nói tánh thấy có giãn ra hay rút lại. Tánh thấy vốn khắp trùm phổ biến ví như hư không. Đặt cái đồ vuông thì dung tích hư không vuông, để cái vật tròn thì dung lượng khoảng hư không tròn. Nếu muốn hư không, không vuông không tròn, chỉ cần bỏ đi những cái đồ khí mảnh ấy, mà không cần có ý nghĩ phải loại bỏ tướng vuông tròn của hư không. Như lời

thầy hỏi: Khi vào phòng tánh thấy bị rút lại, hay bị vách nhà ngăn đứt? Nghĩa đó không đúng. Nếu vào phòng nhỏ, tánh thấy bị rút lại, vậy khi trông xa phải kéo giãn ra? Nếu vào nhà bị vách cắt đứt, khi soi một lỗ nhìn ra tánh thấy phải có dấu nối?

A Nan! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay làm mình là vật, bỏ mất bản tâm, bị vật xoay chuyển, cho nên trong đó thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, thân tâm tròn đầy sáng suốt, ngồi ở một chỗ mà trên đầu một mây lông hàm chứa mười phương quốc độ.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

"Tánh kiến giác minh, Giác tinh minh kiến, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện". Đó là ý tứ của một đoạn kinh mà sau này đức Phật dạy về ý nghĩa công dụng của Thất đại. Rằng tánh thấy vốn là "Giác minh", nó là cái "Tinh kiến", nghĩa là tánh thấy không trải

qua "Tỷ lượng" và "Phi lượng" có thể sai lầm, mà luôn luôn ở trong phạm vi "Hiện lượng". Nó thanh tịnh bản nhiên, nó khắp cùng pháp giới, đáp ứng yêu cầu tâm tưởng chúng sanh, theo nghiệp của mỗi loài mà biểu hiện. Ví như hư không tùy đồ vật: Cốc, ly, chum, chóa mà biểu hiện theo hình thể vuông tròn sâu cạn, mà thể tánh hư không thanh tịnh bản nhiên, khắp đầy pháp giới, không hạn cuộc trong một hình thức khuôn khổ nào.

Chúng sanh dứt sạch mê lầm **NGÃ PHÁP**, phản chiếu hồi quang, xoay về thể tánh tịnh minh, thể nhập Như Lai tàng vốn có, chuyển vật, làm chủ lấy mình. Bây giờ chợt thấy rằng: Vật tâm bất nhị, chúng sanh Phật không hai, một là tất cả, tất cả là một. Ngay nơi chỗ ngồi, mỗi đầu mây lông hàm chứa cõi nước mười phương quốc độ.

*
* *

TÁNH THẤY VÀ VẬT BỊ THẤY VÓN LÀ TÂM TÁNH BỒ ĐỀ NHIỆM MÀU SÁNG SUỐT

- Không có cái nào là tánh thấy.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy là tâm tánh nhiệm màu của tôi, nó thật là tôi, hiện ở trước mắt tôi, thì thân tâm tôi là vật gì mà thân tâm có phân biệt, tánh thấy kia thì không phân biệt được thân tôi?

Phật bảo: A Nan! Thầy nói tánh thấy ở trước mắt thầy không đúng. Nay tôi cùng thầy ngồi trong rừng Kỳ Đà, trông khắp suối rừng điện đường, trên thì mặt trời mặt trăng, trước có sông Hằng, thầy hãy đưa tay chỉ trong các tướng kia: Chỗ rậm là rừng, phát ra ánh sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, mênh mông báng lảng là hư không, đến cả cỏ cây mảy mún, lớn nhỏ khác nhau, nhưng đã có hình dáng thì không cái gì không chỉ ra được. Thầy bảo rằng tánh thấy hiện ở trước mắt thầy, vậy thầy hãy chỉ chính xác, gì là tánh thấy?

A Nan! Thầy nên suy nghĩ: Nếu hư không là tánh thấy, thì còn cái gì là hư không? Nếu vật là tánh thấy, thì cái gì là vật? Thầy hãy chín chắn

lựa chọn trong muôn vàn hiện tượng, tách tách thấy nhiệm màu thanh tịnh ấy ra và chỉ cho tôi xem cụ thể rõ ràng, như các vật mà không lầm lộn?

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nay tôi ở giảng đường, trông xa đến sông Hằng... nhìn cao đến mặt trời, mặt trăng, những cái chỉ được đều là vật chứ không có cái nào là tánh thấy.

Bạch Thế Tôn! Lời Phật vừa dạy, chẳng những hàng Thanh văn sơ học chúng tôi, dù cho các ông gọi là Bồ tát gì gì đi nữa, cũng không thể ở nơi hiện tượng vạn pháp chỉ ra cái nào là tánh thấy rời ngoài mọi vật.

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy!

- Tất cả cái nào cũng là tánh thấy

Phật bảo: A Nan! Như lời thầy nói: Rời tất cả vật, tánh thấy không có. Trong tất cả vật đã chỉ ra được, không có cái nào là tánh thấy. Giờ đây thầy cùng tôi ngồi trong rừng Kỳ Đà này, ta hãy nhìn xem vườn rừng cho đến mặt trời, mặt trăng và vô vàn hình tượng, trong đó không có tánh thấy để thầy chỉ ra được. Vậy thầy hãy phát minh trong các vật đó, cái nào không phải tánh thấy.

A Nan bạch Phật rằng: Tôi trông khắp rừng Kỳ Đà, tập trung tâm ý, quan sát tư duy, nhưng không tìm ra trong đó cái nào không phải tánh thấy. Vì sao? Nếu cây không phải là tánh thấy, sao thấy được cây? Cho đến nếu hư không không phải tánh thấy, làm sao thấy được hư không? Nhưng nếu hư không là tánh thấy, thì sao lại gọi là hư không. Tôi nay suy nghĩ chín chắn và phát minh, trong muôn vàn hiện tượng không cái nào không là cái tánh thấy.

Phật bảo: Đúng vậy! Đúng vậy!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đức Phật đã bao lần mở rộng lòng từ định ninh dạy dỗ, vậy mà thầy A Nan vẫn còn mơ hồ trong nhận thức về cái tánh thấy: Rằng tánh thấy là tâm tánh hay không là tâm tánh của thầy.

Sự mê mờ về tâm tánh chưa lóe tí ánh sáng khả quan nào thì lại chông lên một sai lầm mới. Rằng tánh thấy hiện ở trước mắt.

Xét cho cùng, thầy A Nan chưa nhận rõ tánh thấy cũng có lý của thầy. Bởi vì muốn nhận thức tinh tường vấn đề này, cần phải được học hiểu kỹ về **Kiến Đại**:

... "Tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện".

Từ trước đến đây, trong nhận thức của thầy A Nan chỉ xoay sở quẩn quanh qua bóng dáng của pháp trần và ý thức. Thầy chỉ nghe và tiếp thu mơ hồ về "kiến tinh minh giác". Thề tánh của kiến tinh là hiện lượng phát xuất từ Như Lai tàng. Thầy A Nan chưa có khái niệm vững vàng về nguồn tư tưởng sâu thẳm của môn Pháp Tánh học này. Vì vậy, thầy chỉ tiếp nhận và đề cao vai trò phân biệt của ý thức minh liễu ở trong thầy. Thầy chưa hiểu cái ý thức minh liễu mà thầy có, cũng chỉ là sản phẩm của Như Lai tàng được biểu hiện thông qua "Ngũ câu ý thức". Thầy chưa hiểu vấn đề "tánh kiến giác minh" "kiến tinh minh giác". Từ đó, nảy ra ý niệm hoang mang ngờ vực: Rằng tánh thấy là tâm tánh, hay không là tâm tánh? Tánh thấy ở trước mắt, hay không ở trước mắt...?

Qua cuộc vấn đáp trắc nghiệm giữa hai thầy trò, Phật đồng ý với thầy A Nan rằng:

"Không có một vật nào là tánh thấy".

Cuộc trắc nghiệm lại được tiếp theo. Rồi Phật cũng đồng ý và xác định với thầy A Nan rằng:

"Không có một vật nào không phải là tánh thấy".

*Sự xác định của đức Phật đối với thầy A Nan rõ là mâu thuẫn lạ kỳ, làm cho thầy A Nan và đại chúng dao động hoang mang cao độ. Đại chúng vẫn biết rằng: Lời nói của Như Lai là chân chánh, là thành thật, không tráo trở, dối gạt phỉnh phờ. Và sự thật, Như Lai khai thị cho thầy A Nan và đại chúng về chân lý **Bất tức, bất ly** của bản thể và hiện tượng. Là hiện tượng, không có hiện tượng nào không ở trong bản thể. Một bản thể, không bản thể nào không biểu hiện thông qua hiện tượng. Hiện tượng không là bản thể, nhưng bỏ hiện tượng tìm bản thể, như bỏ sóng tìm nước không sao có nước. Bản thể không rời hiện tượng nhưng bảo hiện tượng là bản thể, như trẻ con, ngỡ sóng là nước thì không sao biết được nước là gì. Sóng không là nước, nhưng sóng không rời nước. Nước không là*

*sóng, nhưng nước không rời sóng. Nước và sóng
"bất tức bất ly".*

*Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh
nhiệm mẫu cũng "bất tức bất ly" như vậy.*



VĂN THÙ CẦU PHẬT THƯƠNG XÓT. PHẬT DẠY: TÁNH THẤY KHÔNG THỂ ĐẶT VẤN ĐỀ "LÀ" HAY "KHÔNG LÀ"

Bấy giờ trong đại chúng, những vị chưa chứng quả Vô học nghe Phật khai thị chân lý thậm thâm ấy, mờ mịt chưa hiểu thế nào, sanh lòng sợ hãi không giữ được chánh niệm.

Như Lai biết đại chúng tâm ý rối loạn, khởi lòng từ an ủi thầy A Nan và đại chúng: Các thiện nam tử! Bạc Vô thượng Pháp Vương, lời nói chân thật, đúng như tánh chân như, không dối gạt và lừa đảo quanh như bốn thứ nghị luận bất tử của bọn Mạt Già Lê. Các thầy hãy suy nghĩ chín chắn, chớ phụ lòng thương xót của Như Lai.

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử thương xót hàng tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Phật, chấp tay cung kính thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Đại chúng đây không hiểu được chỗ Như Lai phát minh hai nghĩa: **LÀ** hay **KHÔNG LÀ** đối với tánh thấy và sắc không. Bạch Thế Tôn! Nếu những hiện tượng sắc không tiền cảnh là tánh thấy, thì lẽ ra có chỗ chỉ được.

Nếu không là tánh thấy, thì lẽ ra không thể thấy. Nay đại chúng không hiểu nghĩa ấy do đâu nên mới kinh sợ. Kính mong Như Lai thương xót phát minh chỉ rõ các vật tượng ấy và tánh thấy vốn là thứ gì mà rời ngoài các ý nghĩa: "Là" hay "Không là" như vậy?

Phật bảo Văn Thù và đại chúng:

Thập phương Như Lai và các đại Bồ tát trụ Tam ma bát đề, thì cái thấy, cái bị thấy, và các nhớ nghĩ tượng tượng đều như hoa đóm trong không chẳng có thật. Bản thể của chúng vốn là tâm tánh Bồ đề nhiệm màu thanh tịnh sáng suốt, cho nên trong đó không có vấn đề: "Là" hay "Không là".

Văn Thù! Nay tôi hỏi thầy: Như thầy là Văn Thù, còn có "là Văn Thù" hay "không là Văn Thù" nữa chăng?

Bạch Thế Tôn: Thật vậy, tôi thật Văn Thù thì không thể có "là Văn Thù". Vì sao? Nếu có "là" hay "không là", hóa ra đã có hai Văn Thù. Nhưng tôi là Văn Thù không còn có Văn Thù nào khác, cho nên không thể đặt vấn đề "là" hay "không là".

Phật bảo: Tánh thấy nhiệm màu sáng suốt và các thứ sắc không cũng như vậy. Tất cả là

biểu hiện của chân tâm thể thanh tịnh tròn đầy, là Bồ đề vô thượng trong sáng nhiệm màu. Vì mê lầm nhận là sắc, không, thấy, nghe, ví như mặt trăng thứ hai. Sự thật mặt trăng vốn không thêm bớt, do mắt lòa mà thấy ra như vậy. Trong đó không thể đặt vấn đề: Cái nào "là" trăng, cái nào "không là" trăng. Các thầy phát minh ra cái thấy và trần cảnh bị thấy đều là vọng tưởng. Không thể trong đó nêu ra cái nào "là" cái nào "không là". Tất cả đều là chân thể tánh nhiệm màu, một thể sáng suốt thanh tịnh, cho nên vượt ngoài sự "chỉ được" hay "không chỉ được" của các thầy.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Lục căn của con người, ở mặt trái của nó người ta chỉ biết qua cái công dụng thấy, nghe... tâm thường của nó. Những cái thấy nghe đó, thường làm cho con người đau đầu, nhức óc căng thẳng thần kinh hơn là làm cho con người hưởng được những phút giây thoải mái. Ít có ai

phát hiện phía mặt thật của lục căn mình. Mặt thật của lục căn, thiền gia gọi là "**Bản lai diện mục**" của chúng ta.

Bản lai diện mục của con người vốn trong trắng hiển lành, an nhiên tự tại, chẳng vương vô minh, không vương triền phược. Từ vật lý đến tâm lý của con người, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Vì vậy, không thể đem ý thức thô phù vọng tưởng để phân biệt đúng đâu là tánh thấy và đâu không là tánh thấy.

Pháp giới tánh, hàm dung bất nhị. Như Lai tàng, bản thể nhất chân. Một là tất cả, tất cả là một. Còn lấy cái nào để chỉ cái nào? Còn gì vô lý bằng khi người ta lấy tay chỉ đây là vàng, kia không là vàng trong toàn thân con sư tử vàng duy nhất.

*

* *

**TÁNH THẤY RỜI TẮT CẢ TƯỞNG,
NHƯNG KHÔNG NGOÀI TẮT CẢ PHÁP.**

**GIÁO LÝ NHÂN DUYÊN VẪN CHƯA
LÀ ĐỆ NHẤT NGHĨA.**

**THUYẾT TỰ NHIÊN LÀ MỘT NHẬN
THỨC SAI LẦM VỀ CHÂN LÝ VỮ TRỤ.**

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Pháp Vương dạy: Chân tâm thể, chân thể tánh cùng khắp mười phương quốc độ yên lặng thường trú, không có sanh diệt. Song nếu đem lời dạy này so sánh với thuyết của Phạm Chí Sa Tỳ Ca La về "Minh đế" và thuyết của bọn ngoại đạo Đầu Khôi, về "Chân ngã khắp cùng", khác nhau chỗ nào?

Hỏi ở núi Lăng Già, Thế Tôn dạy cho thầy Đại Huệ rằng: Bọn ngoại đạo thường nói "Tự nhiên" còn Phật thì nói "Nhân duyên".

Tôi nay suy nghĩ: Cái chân tâm thể, cái chân thể tánh vốn tự nhiên, vì nó không phải sanh cũng không phải diệt, nó xa rời tất cả điên đảo hư vọng. Tôi nghĩ cái "Tự nhiên" này phải khác với thuyết "Tự nhiên" của bọn ngoại đạo.

Xin Thế Tôn khai thị cho chúng tôi để được tâm tánh sáng suốt khỏi rơi vào tà kiến.

Phật bảo: A Nan! Như Lai đã dùng phương tiện chỉ dạy như vậy mà thầy còn chưa tỏ ngộ, lại lầm là tự nhiên.

A Nan! Nếu là "tự nhiên" thì thầy thử chứng minh cái gì là "tự thể" của cái "tự nhiên" ấy? Thầy hãy xét kỹ tánh thấy nhiệm màu lấy cái gì làm tự? Lấy sáng làm tự, hay lấy tối làm tự? Lấy rỗng không làm tự, hay lấy ngăn bít làm tự?

A Nan! Nếu lấy sáng làm tự, lẽ ra không thấy được tối. Nếu lấy rỗng không làm tự, lẽ ra không thấy được ngăn bít. Bởi vì nếu lấy sáng làm tự, thì đến khi tối tánh thấy đã diệt mất đi rồi làm sao thấy được tối?

Bạch Thế Tôn! A Nan thưa, tánh thấy nhiệm màu này, chắc không phải tự nhiên. Nay tôi phát minh tánh thấy do "nhân duyên" sanh. Xin Như Lai dạy cho, tôi phải hiểu thế nào cho hợp với tánh Nhân duyên của Phật?

Phật bảo: Thầy nói tánh thấy do "nhân duyên". Vậy tôi hỏi thầy: Tánh thấy đó, nhân sáng mà thấy hay nhân tối mà thấy? Nhân trống không mà thấy hay nhân ngăn bít mà thấy? Nếu

nhân sáng mà thấy thì lẽ ra không thấy được tôi. Nhân tối thì cũng như vậy...

Thầy bảo rằng cái thấy do "duyên" cũng không đúng. Duyên sáng mà thấy hay duyên tối mà thấy? Duyên rộng không mà thấy hay duyên ngăn bít mà thấy? Nếu duyên ngăn bít mà thấy, lẽ ra không thấy được rộng không. Duyên tối... cũng lại như vậy.

A Nan! Thầy nên biết: Tánh thấy nhiệm màu, sáng suốt, không phải "nhân", không phải "duyên", không phải "tự nhiên", không phải "không tự nhiên", không có cái "phải" hay "không phải". Không có cái "là" hay "không là". Nó "rời" tất cả tướng, nhưng nó không ngoài tất cả pháp. Thầy đem các danh tướng hí luận thế gian mà nhận thức phân biệt, chẳng khác lấy tay nắm bắt hư không chỉ thêm nhọc sức.

Bạch Thế Tôn! A Nan thưa, cái tâm tánh nhiệm màu nếu không phải nhân duyên, có sao đức Thế Tôn đã từng dạy các Tỳ kheo, rằng tánh thấy có bốn duyên: Khoảng không, ánh sáng, tâm và mắt?

Phật bảo: Đó là tôi nói về các tướng nhân duyên thế gian, không phải đệ nhất nghĩa.

A Nan! Các người thế gian khi họ nói: "Tôi thấy". Vậy thế nào họ gọi là thấy, thế nào gọi là không thấy?

A Nan thưa: Người đời nhân ánh sáng mặt trời, mặt trăng hoặc đèn mà thấy các sắc tướng, họ gọi đó là thấy. Nếu không có các thứ ánh sáng đó, họ gọi là không thấy.

Phật bảo: Nếu lúc không có ánh sáng mà gọi là không thấy thì lẽ ra lúc đó không thấy tối. Nếu đã thấy tối thì đó chỉ là không sáng, chứ không phải không thấy. Nếu lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy thì lúc sáng không thấy tối cũng nên gọi là không thấy. Vậy thì sáng tối cả hai đều là không thấy!

A Nan! Thực tế không phải vậy. Tối và sáng tự lẫn át nhau, tánh thấy của thầy chẳng có lúc tạm không. Do đó, biết rằng tối và sáng đều thấy. Và, khi thấy sáng tánh thấy không phải sáng. Lúc thấy tối tánh thấy không phải tối. Lúc thấy không, tánh thấy không phải **hư không**. Khi thấy bít, tánh thấy không phải tương bít.

Thầy nên biết rằng:

Cái thấy trong khi thấy, cái thấy đó không phải là tánh thấy của chân thể tánh tịnh minh.

Cái thấy đó còn cụ ly đối với tánh thấy của chân thể tánh tịnh minh.

Với tầm vóc sâu xa nhiệm mầu của chân tâm thể, thầy lại đem những thuyết Nhân duyên, Tự nhiên, Hòa hợp, Không hòa hợp mà luận đàm không sao đến được. Các thầy là Thanh văn hẹp hòi nông cạn, không nhận được thật tướng thanh tịnh. Nay tôi chỉ dạy, thầy khéo suy nghĩ, không được biếng trễ trên đường Bồ đề!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng vạn hữu phát xuất từ đâu, thế giới và con người do gì sanh là vấn đề tư tưởng ở vào tâm cỡ trọng đại. Từ thượng cổ hun hút xa xưa đến nay, thế kỷ 21, mà vẫn chưa có được sự nhất trí nào của con người, dù là người cùng chủng tộc, cùng ngữ ngôn trong một nước!

Đức Phật ra đời nay đã trên dưới 25 thế kỷ. Trước Phật đã có, cùng thời với Phật cũng có nhiều dị phái triết gia, họ cũng đề ra chủ thuyết,

cắt nghĩa vấn đề thế giới và con người, tức là vấn đề vũ trụ nhân sanh quan của họ. Chủ thuyết thì nhiều, mỗi mỗi giải thích trình bày theo sở kiến mình, thật đa dạng và phong phú. Có điều không mấy lạc quan là khi đúc kết các dòng tư tưởng, người ta thấy không có chủ thuyết nào giống với chủ thuyết nào. Nhóm Phạm Chí Sa Tì Ca La chủ trương "Minh đế". Phái ngoại đạo Đâu Khôi chủ trương "Thần ngã". Phái ngoại đạo tự nhiên đề xướng thuyết "Tự nhiên". Phái Đại Phạm tôn sùng Phạm Thiên. Sau này có các phái chủ trương "Thiên chủ tạo vật", đảng "A La", "Huyền thiên thượng đế"...

Với Thế Tôn ta, đức Phật không chủ trương có một đảng "siêu nhiên", "siêu nhân" như vậy.

Đứng bên mặt hiện tượng vạn hữu, Phật dạy: **Vạn pháp nhân duyên sanh.**

Đứng bên mặt bản thể chân như, Phật dạy: **Phi nhân duyên. Phi tự nhiên. Phi hòa. Phi hợp. Pháp nhĩ như thị.**

Kế thừa truyền thống đó, 600 năm sau Phật nhập diệt, thuyết **Chân như duyên khởi** được dựng lên, Mã Minh đường hoàng tuyên bố: **"Nhất thiết chư pháp, tùng bổn dĩ lai, ly văn tự tướng, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên**

***trống, tất cánh bình đẳng, bất khả phá hoại,
duy thị nhất tâm, cố danh chân như"...***

DO NHẬN THỨC SAI LÀM KHIẾN CHO CON NGƯỜI BỎ MẮT BẢN TÂM THANH TỊNH, BẢN GIÁC THƯỜNG TRÚ CỦA MÌNH

A Nan bạch Phật: Thế Tôn đã vì chúng tôi, chỉ dạy về nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và không hòa hợp, tâm chúng tôi còn chưa tỏ ngộ. Nay nghe Phật dạy: Cái thấy trong khi thấy, cái thấy đó không phải tánh thấy bản thể... làm cho chúng tôi càng thêm mờ mịt. Cúi xin Phật thương xót bố thí Tuệ nhãn, khai thị cho chúng tôi về bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú.

Phật bảo: A Nan! Thấy được năng khiếu nhớ lâu, nhưng cái đó chỉ giúp cho thầy phần học rộng. Đối với pháp **Chỉ, Quán, Thiền na** thâm sâu mầu nhiệm thầy còn chưa rõ. Tôi sẽ vì thầy chỉ bày và cũng khiến cho những người hữu lậu tương lai được quả Bồ đề.

A Nan! Tất cả chúng sanh trong thế gian, luân hồi sanh tử khổ đau... do hai thứ nhận thức sai lầm kết thành nguyên nhân lưu chuyển.

Một, nhận thức sai lầm biệt nghiệp. Ví như người bệnh mắt hóa lòa, ban đêm trông ngọn đèn thấy có vàng tròn năm màu: Tím, đỏ, vàng, xanh, trắng. Cái vàng tròn năm màu vốn không thực có đối với người không bị bệnh lòa, nhưng nó không phải không có đối với người mắc bệnh. Vàng tròn ấy không phải màu sắc của cái thấy hay của đèn. Nó không tự sanh, cũng không phải do đèn hay do mắt đã sanh. Nguyên nhân của vàng tròn do mắt bệnh hóa lòa. Cái vàng tròn và cái thấy vàng tròn đều là bệnh lòa. Nhận thấy được bệnh lòa thì cái thấy đó không bệnh. Do đó, không nên nói cái vàng tròn năm màu là của đèn hay của cái thấy. Cũng không được nói rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy. Lại ví như vàng trắng thứ hai, nó không phải trắng mà cũng không phải bóng. Vàng trắng đó vốn không có, nên không thể gán cho nó "phải" hay là "không phải" mặt trắng. Mặt trắng thứ hai có là do động tác của ngón tay ấn mắt. Người trí không nên bảo: Đó là hình trắng hay không phải hình trắng. Đó là cái thấy hay ra ngoài cái thấy. Vàng tròn năm màu cũng vậy, nó do bệnh lòa thành có. Gọi nó là của đèn hay của cái thấy đều là sai. Ráng sức đấu tranh, rằng không phải của đèn hay không phải của cái thấy càng thêm hí luận.

Hai, nhận thức sai lầm cộng nghiệp. A Nan! Cõi nước trong năm châu bốn biển, trừ nước biển bao la, trong đó đất bằng có nhiều châu lớn nhỏ. Những chúng sanh trong một châu nào đó gặp phải năm thời tiết không thuận hòa thì cùng thấy những hiện tượng bất thường: Hoặc thấy hai mặt trời, hoặc thấy hai mặt trăng, hoặc thấy sao chổi, sao phướng, và chỉ có những người trong châu đó thấy, chúng sanh trong châu kế cận thì không thấy và cũng không nghe.

A Nan! Nay tôi đem hai việc đó kết hợp so sánh làm thí dụ để chỉ cho thầy.

A Nan! Cái nhận thức sai lầm biệt nghiệp của chúng sanh, ví như người bệnh mắt, trông thấy ngọn đèn hiện ra vàng tròn năm màu, tưởng là cảnh thật trước mắt. Sự thật vàng tròn do bệnh lòa của người đau mắt tạo thành. Lòa là bệnh của cái thấy, không phải sắc tướng tạo ra. Cái thấy, thấy được bệnh lòa cái thấy đó vốn không có bệnh. Cũng vậy, hiện nay thầy dùng con mắt xem thấy núi sông cảnh giới và các chúng sanh đều do bệnh lòa không đầu mối tạo thành. Cái thấy và cái bị thấy không thể tách rời ra. Do vô minh, chúng sanh vọng kiến thấy tiền cảnh in tuồng là "vật đối lập" với mình. Sự nhận thức sai lầm đó do bệnh lòa chủ thể và đối tượng ngoài

cảnh của tâm tánh giác minh huyền hiện. Chừng nào nhận thức rằng: Cái thấy, thấy vàng tròn năm màu là bệnh, thì sự nhận thức đó vốn không có bệnh. Đó là ý nghĩa thâm sâu: "Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến du ly kiến, kiến bất năng cập". Bản chất của cái thấy là: Tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác, thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới.

A Nan! Do nhận thức sai lầm nghiệp riêng, người bệnh lòa thấy ngọn đèn có vàng tròn năm màu. Do nhận thức sai lầm nghiệp chung, chúng sanh cùng thấy những hiện tượng bất thường. Do nhận thức sai lầm trong cuộc sống hốt giác hốt mê, mà tất cả chúng sanh nhận lấy các bệnh: Tham, sân, si... ta, người, thương, ghét... để rồi nhận lấy sanh tử khổ đau. Nếu xa rời các bệnh duyên chủ thể phân biệt, đối tượng phân biệt thì chúng sanh mười phương đồng chung bản thể, cùng một tâm tánh nhiệm mầu. Tất cả đều viên mãn tánh Bồ đề trong bản giác thường trú của mình.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đoạn kinh này Phật nêu ra hai thứ vọng kiến: **Biệt nghiệp** và **Đồng Phận**. Biệt nghiệp vọng kiến là vọng kiến của cá nhân. Đồng phận vọng kiến là vọng kiến của xã hội.

Sự thật của biệt nghiệp vọng kiến vốn không có cái vầng tròn năm màu quanh một ngọn đèn.

Sự thật của đồng phận vọng kiến là những hiện tượng bất thường... chỉ có với những người cùng ở trong một châu gặp phải năm thời tiết bất hòa.

Cá nhân vọng kiến chỉ vì bệnh lòa mà vầng tròn năm màu sanh ra.

Xã hội vọng kiến chỉ do cùng ở chung một châu mà những hiện tượng bất thường... được thấy.

Người không bệnh mắt, vầng tròn không có trước đèn.

Chúng sanh châu kế cận không chung quốc độ, nên những hiện tượng bất thường không có.

Như Lai Thế Tôn vì không bắt giác vọng, nên thấy "Pháp giới bất nhị". Như Lai tàng thanh tịnh "Nhất chân".

Chúng sanh bị nhận thức sai lầm trong cuộc sống hốt giác hốt mê, cái thấy trở thành các bệnh: Ngã, nhân, bỉ, thử, thủ, xả, thân, sơ... Đó là trần lao, là vô minh bụi bặm. Chúng che lấp mất cái bản thể vốn thanh tịnh của chân tâm thể thường trú.

Ngày nào chúng sanh xa rời vọng kiến sẽ nhận thức rõ pháp giới nhất chân. Chúng sanh trong mười phương đồng một tâm tánh nhiệm màu. Hiện tượng vạn hữu chỉ là "vật trang trí" từ chân tâm thể thường trú biểu hiện.

Do vậy, Như Lai nói: Cái thấy trong khi thấy, cái thấy đó không phải tánh thấy bản thể. Cái thấy đó còn cự ly với tánh thấy bản thể.

Lời dạy thậm thâm của Phật, nhưng thiết tưởng không có gì vượt quá cái tâm thiên định tư duy của hành giả đệ tử Như Lai.

TÁNH THẤY NGOÀI HAI NGHĨA: HÒA HỢP VÀ KHÔNG HÒA HỢP

Phật bảo: A Nan! Dù thầy đã ngộ tâm tánh bản giác nhiệm màu sáng suốt, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên, nhưng thầy còn chưa rõ tâm tánh sanh ra do hòa hợp hay không hòa hợp.

A Nan! Thầy nghĩ kỹ xem, tánh thấy nhiệm màu thanh tịnh của thầy, nó hòa với ánh sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hòa với ngăn bít? Nếu hòa với sáng, hiện nay thầy thấy sáng, tánh thấy hòa chỗ nào? Tánh thấy và tướng sáng có thể nhận được, còn cái hình trạng hòa ra sao? Nếu tướng sáng ngoài tánh thấy, làm sao thầy được sáng? Nếu tướng sáng là tánh thấy, hóa ra thầy được tánh thấy, còn gì vô lý bằng? Với tướng tối, tướng thông và tướng bít cũng vậy.

Lại nữa, A Nan! Hiện nay tánh thấy nhiệm màu sáng suốt của thầy, nó hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với bít? Nếu hợp với sáng, đến khi tối tướng sáng mất đi rồi, tánh thấy không còn hợp được với tối, làm sao thầy được tối? Nếu không hợp với tối mà thấy được tối, khi hợp với sáng lẽ ra không thấy được

sáng! Đã không thấy được sáng, làm sao hợp với sáng và biết được sáng không phải là tối? Với tướng thông, tướng bít cũng vậy.

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Nay tôi lại nghĩ: Tánh thấy nhiệm màu đối với tiền cảnh và các tướng niệm nhớ nghĩ không hòa hợp chăng?

Phật bảo: Nay thầy lại nghĩ, rằng tánh thấy không hòa hợp với sáng hay không hòa hợp với tối? Không hòa với thông hay không hòa với bít? Nếu không hòa với sáng thì giữa tướng sáng và tánh thấy phải có lằn ranh. Thầy hãy xét kỹ: Chỗ nào là tướng sáng, chỗ nào là tánh thấy? Chỗ nào là ranh giới giữa hai thứ kia? A Nan! Nếu trong tướng sáng không có tánh thấy, tướng sáng và tánh thấy không đến nhau, tất nhiên tánh thấy sẽ tối, tướng thông và tướng bít cũng vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tánh thấy là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh, đã được Phật hướng dẫn quá rõ ràng. Nếu hai vấn đề: Biệt nghiệp vọng kiến và đồng phận vọng kiến ở đoạn trước, cũng nhằm chỉ rõ tánh

chất sai hại của cái thấy, khi tánh thấy bị nhận thức sai lầm.

... "Tánh kiến giác minh, kiến tinh minh giác... ", nhận rõ tính chất thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới của tánh thấy thì những vấn đề: Nhân duyên, tự nhiên hay phi nhân duyên, phi tự nhiên, hòa hợp hay phi hòa hợp, tất cả đều trở thành hí luận!



BÓN KHOA, BẢY ĐẠI LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỚNG BIỂU HIỆN TỪ NHƯ LAI TÀNG

A Nan! Thầy còn chưa rõ tất cả tướng phù trần hư huyền đều là vật huyền sanh huyền diệt trong bản thể Như Lai tàng. Các huyền vọng gọi là tướng, thể tánh thực của tướng là thể giác minh màu nhiệm. Năm âm, sáu nhập, bảy đại, mười hai xứ, mười tám giới, nhân duyên hòa hợp gọi là sanh, nhân duyên chia ly gọi rằng diệt. Chúng sanh không biết sự sanh diệt đi lại chỉ là sự vận hành biến dịch màu nhiệm của Như Lai tàng, sự vật hiện tượng luôn luôn chuyển hóa lẫn nhau. Trong Như Lai tàng tìm cho ra tử sanh mê ngộ đến đi, không thể được.

NĂM ÂM LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỚNG BIỂU HIỆN TỪ NHƯ LAI TÀNG

1. Sắc âm

A Nan! Sao gọi thể tánh của năm âm là chân như màu nhiệm biểu hiện từ Như Lai tàng?

A Nan! Ví như có người dùng mắt trong sáng nhìn hư không thanh tịnh, chỉ thấy hư không trong suốt không có gì khác. Mắt người kia bỗng dừng đờ đẫn mỗi mảy, trông hư không

thấy hoa đóm lăng xăng, các tướng huyền hư rối loạn. Sắc ấm cũng như vậy.

A Nan! Các hoa đóm không phải từ hư không đến, không phải từ con mắt ra. Nếu từ hư không đến, hư không chẳng còn là hư không nữa. Nếu từ mắt ra, ắt phải có lúc trở vào. Nếu vậy, khi ra thành hoa đóm làm mờ loạn hư không, lúc vào tại sao không thấy con mắt?

Sắc ấm là hư vọng không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

2. Thọ ấm

A Nan! Ví như có người tứ chi an ổn, cơ thể điều hòa, không bị vui buồn tác động, tịch tĩnh như quên mình. Bỗng nhiên người kia đưa hai tay lên xoa nhau, sanh cảm xúc: Nóng, lạnh, trơn, rít... Thọ ấm cũng như vậy.

A Nan! Những cảm xúc hư vọng kia, không phải từ hư không đến. Không phải từ bàn tay ra. Nếu từ hư không đến sanh cảm xúc nơi bàn tay, sao không sanh cảm xúc ở thân thể? Không lẽ hư không biết lựa chỗ để sanh cảm xúc?

Thọ ấm là hư vọng không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

3. Tưởng âm

A Nan! Ví như nghe nói quả mơ chua, miệng người kia tươm nước bọt. Nghĩ đứng chỗ chênh vênh, lòng bàn chân cảm nghe ghê rợn. Tưởng âm cũng như vậy.

A Nan! Mơ chua vốn là một âm thanh, nó không phải từ quả mơ, không phải từ miệng vào. Nếu do mơ ra, quả mơ tự nói, sao phải đợi người ta nói. Nếu do miệng vào, lẽ ra miệng tự nghe, cần chi đến lỗ tai! Nếu riêng lỗ tai nghe, sao nước bọt không chảy từ lỗ tai lại tươm ra miệng. Nghĩ đứng chỗ chênh vênh cũng vậy.

Tưởng âm là hư vọng, không phải nhân duyên, không phải tự nhiên.

4. Hành âm

A Nan! Ví như dòng nước dốc cuộn cuộn tương tục chảy. Dòng nước không phải hư không sanh, không do nước tự sanh. Nó không có gì là nước, nhưng không ngoài hư không và nước. A Nan! Nếu từ hư không sanh, mười phương hư không vô tận thì nước cũng vô tận, nước mà vô tận thì thế gian này chìm đắm, ngập lụt hết sao? Nếu do nước tự có, dòng nước dốc không là nước nữa. Bởi vì, ai cũng có thể chỉ tướng của nước và dòng nước khác nhau.

Hành ẩm là hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

5. Thức ẩm

A Nan! Ví như có người lấy cái bình bịt miệng lại, trong có đựng đầy hư không, đi xa ngoài nghìn dặm tặng cho một nước khác. Hư không đó, chẳng phải đến từ bên nước kia, cũng không phải đưa vào nước bên này. Vì, ở nước được tặng, hư không chẳng dôi thêm ra. Ở nước đem cho, không vì vậy mà hư không voi bớt tí nào.

Thức ẩm là hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bốn khoa, bảy đại chỉ là hiện tượng, tương phát xuất từ Như Lai tàng. Như Lai tàng là bản thể của tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu.

Vấn đề "Hiện tượng vạn hữu do gì sanh", cho đến thế kỷ 21 này vẫn còn là một vấn đề

chưa ngã ngũ. Một vấn đề mà loài người sẽ nói mãi, có lẽ không bao giờ có sự nhất trí với nhau.

Bảo rằng hiện tượng vạn hữu do "đấng tạo vật sanh", ở vào thời đại văn minh này người ta cho đó là quan niệm ngây thơ ấu trĩ. Bảo rằng do "tự nhiên sanh" đó là một thứ tri kiến của người không tri kiến tí nào. Bởi vì trước mắt mọi người, không có cái gì "tự nhiên" cả.

Với nền giáo lý Phật, trong những năm dài thuyết giáo, Phật thường dạy cho các đệ tử rằng "Vạn pháp do nhân duyên sanh"... Cái chân lý đó càng ngày càng rạng rỡ. Thế kỷ 21 này, loài người tiến đến đỉnh cao của trí tuệ, của khoa học văn minh, người ta đã chứng minh được rằng một nguyên tử, hạt cơ bản của nguyên tử cũng chưa phải là một đơn vị "tự nhiên" mà nó còn kết hợp bởi những tính... và chất... mà người ta chưa tìm ra ngôn từ tương xứng để xưng gọi. Sự gặp gỡ đó, ta có thể tự hào và kết luận rằng: Giáo lý Nhân duyên của Phật giáo là niềm vui hãnh diện của những người đệ tử có lòng tín mộ tôn thờ đức Phật làm vị "Bổn sư" mình.

Vậy mà ở kinh Thủ Lăng Nghiêm này, đức Phật thẳng thắn nói với thầy A Nan rằng: Giáo lý "Nhân duyên" mà Như Lai nói chưa phải thứ

giáo lý "**Liễu nghĩa**". Quả là một tiếng sấm long trời! Nói "đấng tạo vật" sanh bị Phật rầy, nói "thần ngã" sanh bị Phật trách, nói "Phạm Thiên" sanh bị Phật chê, nói "tự nhiên" sanh bị Phật bác, nói "đấng A La" sanh Phật không chịu, nói "hòa hợp" sanh bị Phật nạn vấn, nhớ lời Phật dạy nói "nhân duyên" sanh, nay cũng không xong! Vậy thì:

Ai? Cái gì sanh vũ trụ vạn hữu?

Người học Phật cần tư duy, phải tư duy sâu sắc, nhà Phật gọi là "tham thiền". Người ta thường thắc mắc, khi tham thiền phải tham những gì? Thì đây chính là "thoại đầu", là một đề tài lớn để cho người đệ tử Phật "tọa" và "tham":

"Vũ trụ vạn hữu do gì sanh?"

Tham cho đến khi trí tuệ bừng sáng, tháo gỡ hoàn toàn cái gút thắt của vấn đề, chùng đó hành giả chợt thấy:

"Bát nhã hoa khai vạn pháp, tức tâm, tức Phật,

Bồ đề quả thực nhất chân phi sắc phi không".

SÁU NHẬP LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỚNG BIỂU HIỆN TỪ NHƯ LAI TÀNG

1. Nhãn nhập

A Nan! Vì sao bản tánh của sáu nhập vốn là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng?

A Nan! Con mắt khi ngó chăm chú sanh ra sự mỗi một. Cái thấy và sự mỗi một đều là hiện tượng, tướng phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai thứ vọng trần sáng và tối phát sanh cái nhận thức trần tướng, gọi đó là tánh thấy. Tánh thấy rời hai tướng sáng và tối không có tự thể. A Nan! Thầy nên biết tánh thấy không phải từ sáng hay tối mà đến, không phải từ mắt ra, không phải từ hư không sanh. Nếu từ sáng đến thì lúc tối nó đã theo sáng diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy được tối. Nếu từ tối đến, lúc sáng nó đã theo tối diệt mất đi rồi, lẽ ra không thấy sáng. Nếu do mắt sanh, không cần có sáng tối thì mắt chẳng thấy được gì, đồng như không có thấy. Nếu do hư không ra thì lúc ngó ra thấy các trần tướng, khi xoay vào ắt phải thấy mắt và mặt. Và nếu thật vậy thì hư không tự thấy, nào có tương quan gì với sự thu nạp của thầy? Vì vậy,

biết rằng nhãn nhập là hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

2. Nhĩ nhập

A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Do tai mỗi một hóa ra có nghe. Cái nghe và sự mệt mỗi đều là hiện tượng, tướng phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai thứ vọng trần động và tĩnh sanh tánh nghe, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh nghe. Tánh nghe rời hai trần động và tĩnh không có tự thể. A Nan! Thầy nên biết, tánh nghe đó không phải từ động tĩnh đến, không phải từ tai ra, cũng không phải do hư không có. Vì vậy biết rằng nhĩ nhập là hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

3. Tỷ nhập

A Nan! Nếu bịt hai lỗ mũi, bịt lâu thành mỗi mệt, trong lỗ mũi có cái xúc lạnh lạnh. Nhân xúc đó phân biệt được thông và nghẹt, rộng và đặc cho đến các mùi thơm thối. Cái ngửi và sự mệt mỗi đều là hiện tượng, tướng phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai vọng trần, thông và nghẹt phát ra tánh ngửi, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh ngửi. Tánh ngửi rời hai trần thông và nghẹt không tự thể. Tánh ngửi

không phải từ thông hay nghệt mà đến, không phải từ lỗ mũi ra, cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng tử nhập là hư vọng, vốn không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

4. Thiệt nhập

A Nan! Ví như có người dùng lưỡi liếm mép, liếm mãi sanh mỗi mệt, nếu người đó có bệnh thì có vị đắng, người không bệnh thì có chút vị ngọt. Do những cảm xúc ngọt đắng mà bày tỏ cái nếm, khi không động thường có tánh nhạt. Cái nếm và sự mỗi mệt đều là hiện tượng, tướng phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai thứ vọng trần nhạt và ngọt phát sanh tánh nếm, thu nạp các trần tướng gọi đó là tánh biết nếm. Tánh biết nếm rời những trần: Ngọt nhạt, đắng cay... không có tự thể. A Nan! Sự biết ngọt biết nhạt không phải từ ngọt nhạt đến, không phải từ lưỡi ra, cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng thiệt nhập là hư vọng, vốn không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

5. Thân nhập

A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh chạm bàn tay nóng. Nếu lực bên lạnh nhiều hơn

thì bên nóng trở thành lạnh. Nếu lực bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh hóa ra nóng. Do sự cảm nhận trong lúc hợp mà nhận biết lúc rời ra. Giữa thể tương quan đó, phát ra mỗi một và cảm xúc. Cái cảm xúc và mỗi một đều là hiện tượng, tương phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai vọng trần hợp và ly phát ra sự hiểu biết, thu nạp các trần tướng, đó gọi là tánh biết xúc. Tánh biết xúc rời hai trần ly và hợp, trái và thuận không có tự thể. A Nan! Tánh biết xúc không phải từ hợp ly đến, không phải từ trái thuận ra, cũng không phải do hư không sanh. Vì vậy biết rằng thân nhập vốn hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

6. Ý nhập

A Nan! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ chán thức dậy. Nhận biết trần cảnh thì nhớ, lúc hết nhớ gọi là quên. Các sự việc ấy sanh khởi, tồn tại thay đổi rồi mất đi. Cứ theo cái vòng lẩn quẩn mà hấp thụ không lộn lạo, không chông chát rối loạn, gọi đó là "ý tri căn". Ý tri căn và sự mỗi một đều là hiện tượng, tương phát sanh từ thể tánh Bồ đề trong sáng. Nhân hai thứ vọng trần sanh diệt, nhóm tánh biết thu nạp pháp trần, dòng thấy nghe chảy ngược mà không chỗ đến, gọi đó là sự hiểu biết. Tánh hiểu biết này

rời hai trần tướng: Thức ngủ, sanh diệt. Nó không có tự thể. A Nan! Ý căn hay sự hiểu biết đó không phải từ thức ngủ đến, không do sanh diệt có, không phải từ ý căn phát ra, cũng không phải do hư không sanh. Nếu từ thức đến, lúc ngủ nó đã diệt theo thức mất đi rồi, còn lấy gì làm ngủ. Nếu cho rằng khi sanh mới có hiểu biết, thì lúc diệt nó đã không còn, làm sao biết được diệt. Nếu do diệt có, lúc sanh không còn diệt, thì lấy gì mà biết là sanh. Nếu do hư không sanh, thì hư không tự biết, nào có dính dáng gì chỗ thu nạp của thầy! Vì vậy biết rằng ý nhập là hư vọng, vốn không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

*

* *

MƯỜI HAI XÚ LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỚNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG

1. Sắc và kiến (Sắc cảnh và cái thấy)

A Nan! Vì sao 12 xứ là hiện tượng, tướng biểu hiện tử Như Lai tàng?

A Nan! Thầy hãy xem rùng Kỳ Đà, ao khe cây cảnh, tất cả hiện tượng kia, thầy nghĩ thế

nào? Sắc tướng sanh cái thấy, hay cái thấy sanh sắc tướng?

A Nan! Nếu cái thấy sanh sắc tướng, thì lúc trông thấy hư không, không có sắc tướng, cái thấy đã mất rồi, còn lấy gì để nhận biết được tướng hư không? Nếu sắc tướng sanh cái thấy, vậy khi thấy hư không, không có sắc tướng thì lấy gì để biết được hư không và sắc tướng? Với hư không cũng như vậy.

2. Thanh và thính (Thanh cảnh và cái nghe)

A Nan! Thầy nghe trong trai đường ở rừng Kỳ Đà này, dọn đồ ăn xong thì đánh trống, lúc họp chúng đánh chuông. Tiếng chuông trống lần lượt nối nhau.

A Nan! Thầy nghĩ thế nào? Tiếng đến chỗ nghe hay cái nghe đến chỗ tiếng?

A Nan! Nếu tiếng đến chỗ cái nghe, vậy khi tiếng đến chỗ thầy khiến cho thầy được nghe, thì thầy Mục Kiền Liên, thầy Ca Diếp... lẽ ra không thể đồng nghe cùng một lúc. Ví như khi tôi khát thực ở thành Thất La Phiệt, thì ở rừng Kỳ Đà này có cả 1.250 vị, khi nghe tiếng chuông đồng đến chỗ thọ trai một lượt. Nếu cái nghe của thầy đến bên tiếng thì lúc thầy nghe tiếng trống, có

tiếng chuông lẽ ra thầy không thể nghe được. Cũng như khi tôi đã về rừng Kỳ Đà thì không thể có mặt ở thành Thất La Phiệt nữa. Sự thật không những thầy nghe tiếng trống, tiếng chuông, mà thầy còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác cùng một lúc. Còn nếu trống và cái nghe không đến nhau thì không có gì để gọi là nghe cả. Vậy nên biết rằng: Cái nghe và tiếng, cả hai đều là hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

3. Hương và khứu (Hương cảnh và cái ngửi)

A Nan! Thầy hãy ngửi hương Chiên Đàn trong cái lư hương này, hương này nếu đốt một lạng thì cả thành Thất La Phiệt đều ngửi được mùi thơm. Thầy nghĩ thế nào? Mùi thơm sanh do gỗ Chiên Đàn? Hay do lỗ mũi? Hay do hư không?

Nếu do lỗ mũi sanh thì nó từ lỗ mũi ra. Nhưng lỗ mũi không phải Chiên Đàn, thì sao lại có được mùi thơm Chiên Đàn? Nếu từ hư không sanh, tánh hư không thường nhiên thì mùi thơm cũng phải thường nhiên, cần chi phải đốt Chiên Đàn trong lư mùi thơm mới có?

Nếu mùi thơm từ gỗ Chiên Đàn sanh, cần gì phải đợi đốt thành khói mới có chất thơm lan tỏa trong thành? Vì vậy biết rằng: Hương cảnh và cái ngữi không xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

4. Vị và thường (Vị cảnh và cái nếm)

A Nan! Thường thì thầy trì bát khát thực ngày hai lần. Có khi được tô, lạc, đề hồ là những vị ngon. Thầy nghĩ thế nào? Vị do hư không sanh? Do lưỡi? Hay do đồ ăn sanh?

A Nan! Nếu vị do lưỡi sanh, trong miệng thầy chỉ có một cái lưỡi làm sao biết được các vị: Ngọt, chua và đắng? Nếu do đồ ăn sanh, đồ ăn thì vô tri giác làm sao biết được vị? Nếu vị từ hư không sanh, vậy thầy hãy nếm xem hư không vị gì? Vì vậy biết rằng: Vị cảnh và cái nếm không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

5. Xúc và thân (Xúc cảnh và cái cảm thụ)

A Nan! Thường buổi sớm mai thầy lấy tay xoa đầu. Thầy nghĩ thế nào? Trong sự nhận biết xoa đầu, thầy thử phân tích cái nào năng xúc, cái nào sở xúc? Năng xúc ở tay hay ở đầu? Nếu ở tay, đầu không biết làm sao thành xúc? Nếu ở

đầu, tay vô dụng cũng không gọi là xúc được. Nếu tay lần đầu đều biết xúc, vậy một mình thầy có hai cái xúc. Thế thì trong thầy có cả hai con người? Và lại nếu đầu và tay đồng một cảm xúc, thế thì cả hai cùng một tự thể. Nếu một tự thể thì không sở không năng, cái nghĩa cảm xúc không thành lập được. Nếu là hai thể thì cảm xúc ở phía nào? Ở bên năng thì không ở bên sở. Ở bên sở không có bên năng. Không lẽ hư không làm cho thầy có xúc? Vì vậy biết rằng: Xúc và thân không xứ sở, cảm biết xúc cùng xúc cảnh đều hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

6. Pháp và ý (Pháp cảnh và ý)

A Nan! Ý căn thường duyên với ba tánh: Thiện, ác và vô ký mà sanh pháp trần. Pháp trần đó tức tâm sanh, hay ly tâm sanh?

A Nan! Nếu tức tâm sanh pháp trần thì pháp trần không còn trần nữa. Vì nó không là pháp sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được? Bảo rằng ly tâm riêng có chỗ sanh cũng không được. Thử hỏi bản tánh của pháp trần có biết hay không biết? Nếu có biết thì không thể ly tâm. Nếu không biết thì nó ngoài sắc thanh hương vị xúc, ngoài hợp ly nóng lạnh, ngoài cả hư không. Vậy thì pháp trần ở chỗ nào? Hiện tại trong sắc

không... không thể chỉ cái gì là pháp trần. Chẳng lẽ trong nhân gian lại có cái ngoài hư không? Nếu không có đối tượng sở duyên thì ý căn do đâu thành lập xứ? Vì vậy biết rằng: Pháp trần cùng ý căn không có xứ sở, cả hai đều hư vọng, không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

*

* *

MƯỜI TÁM GIỚI LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỚNG BIỂU HIỆN TỪ NHƯ LAI TÀNG

1. Nhãn thức giới

A Nan! Vì sao 18 giới là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng?

A Nan! Như thầy đã biết: Nhãn căn và sắc cảnh làm duyên sanh nhãn thức. Nhãn thức nhân nhãn căn sanh lấy nhãn căn làm giới, hay nhân sắc cảnh sanh lấy sắc cảnh làm giới?

A Nan! Nếu bảo rằng nhân nhãn căn sanh, thử hỏi: Nếu không có sắc và không thì cái thức cũng chẳng dùng vào đâu được. Tánh thấy ngoài hình sắc và hiển sắc ra không thể biểu hiện, thế thì dựa vào đâu mà thành lập nhãn thức giới?

Bảo rằng nhân sắc cảnh sanh, vậy lúc không có sắc cảnh chỉ có hư không, lẽ ra cái thức của thầy bị diệt mất đi rồi, làm sao thầy biết được hư không? Bảo rằng: Do nhãn căn và sắc cảnh chung hợp sanh, vậy khi hợp lại thì ở giữa ly, lúc ly ra thì hai bên hợp. Thế tánh xen lộn giữa cái biết và không biết thì cái gọi là nhãn thức giới không thể thành lập. Vì vậy biết rằng nhãn căn và sắc cảnh làm điều kiện sanh nhãn thức giới, cả ba đều không. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

2. Nhĩ thức giới

A Nan! Như thầy đã biết: Nhĩ căn và thanh cảnh làm duyên sanh nhĩ thức. Nhĩ thức nhân nhĩ căn sanh lấy nhĩ căn làm giới, hay nhân thanh cảnh sanh lấy thanh cảnh làm giới?

A Nan! Nếu nhân nhĩ căn sanh mà không có hai tướng động và tĩnh thì cái biết của nhĩ căn không thành, bởi vì chẳng có gì để biết. Cái biết đã không, thì cái gọi là nhĩ thức hình mạo ra sao? Nếu bảo: Nhĩ thức nhân thanh cảnh sanh, vậy thì nhĩ thức vốn nhân thanh cảnh mà có, nó chẳng tương quan gì với tánh nghe của lỗ tai. Đã không nghe thì cũng không biết gì là thanh cảnh và thanh cảnh ở đâu. Vì vậy biết rằng: Nhĩ căn và thanh cảnh làm duyên sanh nhĩ thức giới, ba

chỗ đều không. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

3. Tỷ thức giới

A Nan! Như thầy đã biết: Tỷ căn và hương cảnh làm duyên sanh tỷ thức. Tỷ thức nhân tỷ căn sanh, lấy tỷ căn làm giới hay nhân hương cảnh sanh lấy hương cảnh làm giới?

A Nan! Thầy nghĩ thế nào về tỷ căn? Thầy lấy cái mũi thịt hình tướng như hai ngón tay chỉ xuống hay lấy sự biết người là tỷ căn? Nếu lấy hình tướng cái mũi thịt thì chưa đúng hẳn vì chất thịt thuộc thân căn, và cái biết của thân căn là xúc. Đã là thân căn thì không phải tỷ căn. Đã gọi xúc cảnh thì đó là đối tượng của thân căn, không tương quan đến tỷ căn nữa. Vì vậy, tỷ căn còn không đáng gọi, làm sao thành lập tỷ căn giới?

Bảo rằng: Tỷ thức nhân hương cảnh sanh càng vô lý. Nếu hương cảnh sanh tỷ thức thì tỷ thức không thể người biết hương cảnh. Ví như con mắt, không tự thấy con mắt.

Nếu biết hương cảnh thì không do hương cảnh sanh. Nếu không biết hương cảnh thì không là tỷ thức nữa. Do vậy, biết rằng tỷ căn và hương cảnh làm duyên sanh tỷ thức, ba chỗ đều không.

Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

4. Thiệt thức giới

A Nan! Như thầy đã biết: Thiệt căn và vị cảnh làm duyên sanh thiệt thức. Thiệt thức nhân thiệt căn sanh, lấy thiệt căn làm giới hay nhân vị cảnh sanh, lấy vị cảnh làm giới?

A Nan! Nếu nhân thiệt căn sanh thì những mía ngọt, mơ chua, ớt cay, Hoàng Liên đắng đều hóa ra vô vị? Vậy thầy hãy tự liếm lưỡi của thầy xem, nó ngọt hay đắng? Và thầy hãy nghiệm xem, lấy cái gì nếm lưỡi để thầy biết lưỡi đắng? Nếu bảo rằng vị cảnh sanh thiệt thức thì thiệt thức chính là vị cảnh. Vị cảnh không thể tự nếm vị cảnh, làm sao còn biết là có vị hay không có vị? Bảo rằng thiệt căn và vị cảnh hòa hợp sanh. Không được! Vì đã là hòa hợp, tất không có tự tánh còn lấy cái gì để thành lập thiệt thức giới? Vì vậy biết rằng: Thiệt căn và vị cảnh làm duyên sanh thiệt thức, ba chỗ đều không. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

5. Thân thức giới

A Nan! Như thầy đã biết: Thân căn và xúc cảnh làm duyên sanh thân thức. Thân thức nhân

thân căn sanh, lấy thân căn làm giới hay nhân xúc cảnh sanh, lấy xúc cảnh làm giới?

A Nan! Nếu bảo rằng nhân thân căn sanh, giả sử không có hai sự kiện hợp ly thì thân căn sẽ không có tác dụng. Bảo rằng nhân xúc cảnh sanh. Không ổn, vì có ai không có thân căn mà biết hợp biết ly!

A Nan! Vật thì không xúc không biết. Thân có biết có xúc. Biết thân là do có xúc. Biết xúc do có thân. Đã là xúc thì không phải thân. Đã là thân thì không phải xúc. Thân căn và xúc cảnh không có xứ sở. Nếu xúc cảnh hợp nhất với thân căn thì hóa thành tự thể của thân căn rồi. Nếu xúc cảnh tách rời thân căn thì chẳng khác hư không và các tướng, không quan hệ gì nhau. Nội căn ngoại cảnh đã không thành thì làm sao lập được cái thức ở giữa. Thức đã không lập được thì nội căn ngoại cảnh bản tánh rỗng không. Thầy sẽ dựa vào đâu để mà thành lập thân thức giới? Vì vậy, biết rằng: Thân căn và xúc cảnh làm duyên sanh thân thức ba chỗ đều không. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

6. Ý thức giới

A Nan! Như thầy đã biết: Ý căn và pháp cảnh làm duyên sanh ý thức. Ý thức nhân ý căn sanh, lấy ý căn làm giới hay nhân pháp cảnh sanh, lấy pháp cảnh làm giới.

A Nan! Nếu bảo rằng ý căn sanh, thì trước hết thầy phải có suy nghĩ, từ đó mới phát minh được cái ý của thầy. Dù ý thầy đã có, nhưng nếu không có đối tượng pháp cảnh thì ý căn của thầy cũng không thể sanh được. Rồi các pháp cảnh không thể nương vào đâu nhận thức hình mạo ý căn, thì cái ý thức còn đem dùng vào việc gì?

Lại nữa ý thức của thầy cùng với các thứ tư duy, nghĩ ngợi là đồng hay khác? Nếu đồng với ý căn thì thức là ý căn, duyên có gì phải có ý căn để rồi mới sanh ra ý thức? Nếu khác với ý căn, lẽ ra nó sẽ không còn biết được gì! Nếu không được gì, sao lại bảo nó do ý căn sanh ra? Nếu có biết thì cần chi phải gọi ý thức và ý căn cho thêm chuyện? Chỉ có hai tánh đồng hay khác mà còn không ổn định thì làm sao thành lập giới của ý thức cho được?

Nếu bảo rằng nhân nơi pháp cảnh sanh, thì các pháp trong thế gian không ngoài năm châu. Thầy hãy xét các pháp: Sắc, thanh, hương, vị,

xúc, có tướng rõ ràng. Chúng là những đối tượng của năm căn, những pháp đó không thuộc phần tiếp thu của ý căn. Nếu bảo rằng ý thức của thầy nương pháp cảnh. Vậy thầy xét kỹ xem cái tướng của pháp cảnh hình mạo như thế nào? Nên biết, rời hẳn các tướng: Sắc, không, động, tĩnh, thông, bí, hợp, ly, sanh, diệt, rốt ráo không thành một pháp nào được cả. Các nguyên nhân đã không thành thì cái thức do nó sanh ra còn có đáng mạo gì! Đáng mạo còn không có, làm sao mà lập được cái giới của ý thức? Vậy nên biết rằng: Ý căn và pháp cảnh làm duyên sanh ý thức, cả ba đều không. Không phải nhân duyên, cũng không phải tự nhiên.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Trông ra hiện tượng vạn hữu ta thấy nghìn sai muôn khác, lớn, nhỏ, thấp, cao... khó mà dùng ngôn từ diễn đạt cho rành rọt. Nhưng tìm hiểu nguyên nhân gần của chúng, ta thấy tất cả đều biểu hiện theo cái thể liên hoàn của ba chân

vạc, tác động qua lại giữa **Căn**, **Cảnh** và **Thức** mà hình thành và tồn tại. Cả cái vũ trụ vạn hữu vô thị vô chung vô cùng vô cực này, nếu tách rời **căn cảnh thức** giữa con người và vạn vật ra, thì chẳng còn có gì để luận bàn: Tâm, vật, thực, giả, có, không.

Càng không thể có cái gọi là "một đấng thiêng liêng" nào ở ngoài có đủ tư cách sáng tạo, sắp xếp vấn đề "vũ trụ nhân sinh" được.

Căn thì có 6 nên gọi lục căn, đó là: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Sáu căn kết hợp bởi tứ đại tinh hoa. Trong mỗi căn có hai bộ phận: Một là căn Phù trần. Hai là căn Tịnh sắc, căn Tịnh sắc cũng còn gọi là Thắng nghĩa căn. Căn này được kết hợp bằng những yếu tố tứ đại tinh hoa nhất đối với thân thể con người. Do vậy, nó là cơ quan có công năng phát sanh nhận thức, làm chỗ nương gá cho thức.

Cảnh có trường hợp có thể sanh ra ô nhiễm. Cho nên lục cảnh cũng có lúc gọi là lục trần. Đó là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Cảnh mà không có căn thì cảnh không là cảnh nữa. Ngược lại căn mà không có cảnh thì căn không còn là căn được.

Thức có 6 nên gọi là lục thức. Đó là: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Thức nương căn cảnh mà phát sanh. Thức mà không có căn cảnh thì thức không có lý do hiện hữu. Căn cảnh mà không có thức thì căn cảnh không biểu hiện được tướng dụng của căn cảnh. Cho nên căn cảnh thức là một hiện tượng gắn bó mật thiết tác động hữu cơ. Hiện tượng vạn pháp hình thành và tồn tại trong **cái thể duyên sanh** không thể tách rời giữa căn, cảnh, thức ấy. Vậy mà từ trước đến đây, và chưa phải ngừng ở đoạn kinh này, đức Phật quả rầy và nhắc nhở về cái thuyết Nhân duyên sanh ấy. Vì sao như vậy? Vì rằng: Nếu đứng bên **tục đế** mà nhìn hiện tượng vạn hữu qua cái lý Nhân duyên sanh thì hoàn toàn đúng. Không những nó đúng riêng trong nền giáo lý Phật, mà nó đúng sự thật của cuộc đời, đúng với quy luật khách quan của hiện tượng vạn hữu.

Tuy nhiên, nếu đứng bên **chân đế** mà nhìn, nhìn bằng tri kiến rộng rãi, bằng tuệ nhãn sâu sắc hơn, quán triệt căn nguyên, xuyên suốt bản thể của hiện tượng vạn hữu thì hiện tượng nào cũng là hiện tượng của bản thể, cũng như sóng mòi nào cũng là sóng mòi của thể nước lặng trong. Vì vậy cho rằng: Sóng là nước, thì đó là cái hiểu biết của những đứa trẻ ấu trĩ ngây thơ.

Bảo rằng: Sóng không phải nước là tri kiến của một em bé khác. Nói rằng: Sóng là hiện tượng duyên sinh của nước, ta có thể nói chuyện đạo lý với lứa tuổi 20 này.

Khi nào người ta ngắm biển với một nhận thức không băn khoăn, với một tri kiến thanh thản hồn nhiên trước cảnh sóng gào gió lộng... thì khỏi nói gì với họ về vấn đề sóng, nước. Vì họ đã biết rõ thể nước phẳng lặng và là H₂O. Vì họ đã rõ sóng là hiện tượng, là tướng dụng duyên sanh của nước. Sóng và nước không phải là cái có thể tách rời nhau. Như Lai tàng ở kinh Thủ Lăng Nghiêm nói ví như cái thể H₂O của những đợt sóng kia. Cái vạn hữu duyên sanh ví như những đợt sóng bởi những cơn gió lộng, bởi những đưa thuyền mà tạo nên hiện tượng duyên sanh ấy.

*Bản thể Như Lai tàng cùng với hiện tượng vạn hữu **bất ly** mà **bất tức**!*

BẢY ĐẠI LÀ HIỆN TƯỢNG, TƯỢNG BIỂU HIỆN TỬ NHƯ LAI TÀNG

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói về nhân duyên hòa hợp: Rằng tất cả các thứ biến hóa trong thế gian đều nhân ngũ đại hòa hợp mà phát sanh. Thế sao Như Lai ở đây lại bác bỏ cả hai nghĩa "nhân duyên" và "tự nhiên". Tôi không biết nghĩa đó thế nào, xin Phật rủ lòng thương xót chỉ dạy cho chúng sanh pháp trung đạo liễu nghĩa ra ngoài hí luận.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo A Nan rằng: Trước đây thầy nhàm chán pháp tu của Thanh văn, Duyên giác, phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề, nên giờ đây tôi hướng dẫn thầy về "Đệ nhất nghĩa", sao thầy lại còn đem những thuyết Nhân duyên... Tự nhiên... bất liễu nghĩa của thế gian mà ràng buộc lấy mình! Thầy dù nghe được nhiều pháp, nhưng cũng như người nói tên thuốc, đến khi gặp thuốc thật trước mắt mà không phân biệt được. Như Lai gọi thầy là hạng người rất đáng thương xót! Nay thầy hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì thầy phân tích chỉ bày và cũng để cho những người tu học sau này thông suốt

được thật tướng. Thầy A Nan yên lặng kính vâng thánh ý của Phật.

A Nan! Như thầy đã nói: "Năm đại hòa hợp phát sanh ra các thứ biến hóa trong thế gian". A Nan! Nếu tánh của các món đại không hòa hợp thì không thể hòa hợp với các đại khác. Như hư không, không thể hòa hợp với sắc tướng. Nếu tánh của các món đại vốn hòa hợp thì nó hòa đồng với các tướng biến hóa: Thi chung thành tựu cho nhau, sanh diệt nối nhau, diệt sanh sanh diệt, diệt diệt sanh sanh như vòng lửa xoay, như nước thành băng, băng lại thành nước, không có đầu mối cũng không có cuối cùng.

1. Truy nguyên Địa đại

A Nan! Thầy hãy xét cái tánh của Địa đại, lớn là đất liền, nhỏ là vi trần, vi tế là lân hư trần, do chẻ sắc chất cực vi làm bảy phần mà thành. Nếu đem lân hư trần chẻ ra thành hư không, thì hư không cũng có thể sanh sắc tướng? Thầy hỏi rằng: Do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa ở thế gian. Vậy thầy hãy xét, một hạt lân hư trần phải dùng bao nhiêu hư không hòa hợp lại mà thành? Không lẽ lân hư trần hòa hợp thành lân hư trần! Lại nữa, lân hư trần chẻ ra thành hư không. Vậy dùng bao nhiêu sắc tướng hòa hợp lại mới thành cả bầu hư không vô cùng vô cực

này? Nhưng nếu sắc tướng hợp thì hợp sắc tướng chứ không thể thành hư không. Còn hư không hợp thì hợp hư không, không thể thành sắc tướng. Sắc tướng còn có thể chế được, chứ hư không thì làm sao mà hợp được?

Thầy vốn không biết thể của các pháp trong Như Lai tạng: Sắc là chân không, không là chân sắc, nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhân duyên, hoặc cho là tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm, mà hoàn toàn không đúng thực nghĩa.

2. Truy nguyên Thủy đại

A Nan! Nước tánh không cố định, khi tuôn chảy khi đứng lặng. Trong thành Thất La Phiệt, các thầy Tiên Ca Tỳ La. Chiên Ca La và các nhà huyền thuật Bát Đầu Na... muốn có thứ nước Thái Âm Tinh để hòa làm thuốc huyền thuật. Họ lựa ngày trăng tròn sáng lộng như ban ngày, tay cầm hạt châu Phương Chư hứng lấy nước dưới trăng vàng. Vậy nước ấy từ hạt châu ra? Từ hư không có? Hay từ mặt trăng mà đến?

A Nan! Nếu nước từ mặt trăng đến, vậy những rừng cây to, bóng cả ở tận những đỉnh núi cao, khi sáng trăng thì tất cả lá cành đều phun ra nước cả? Bởi lẽ, những rừng cây đỉnh núi gần với trăng hơn là ngọc Phương Chư trong tay người hứng nước ở đồng bằng. Nếu bảo rằng: Nước từ hạt châu ra, thì từ hạt châu phải thường rịn chảy ra nước, cần chi phải đợi có ánh sáng của trăng mới có nước rịn ra? Bảo rằng: Nước từ hư không sanh. Hư không thì vô cùng vô cực. Hư không bao trùm vạn vật. Vậy sao cả loài người chưa bị đắm chìm để cùng chết ngộp cho vui trong một lúc? Thủy, lục, không, hành toàn nước, là nước cả hay sao?

Thầy nên nghĩ kỹ: Mặt trăng từ trên không đi qua. Hạt châu do tay người cầm. Cái chén bạc hứng nước do con người tạo. Vậy nước kia từ phương nào đến? Mặt trăng và hạt châu xa nhau không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ nước kia không do đâu mà tự có ra?

Thầy còn chưa biết, thể tánh của các pháp trong Như Lai tạng: Thủy là chân không, không là chân thủy, nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng cho là nhân duyên hoặc

cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không đúng thực giả.

3. Truy nguyên Hỏa đại

A Nan! Hỏa đại không có tự thể, nó nương gởi ở các duyên mà sanh khởi. Thầy hãy xem những nhà trong thành phố, khi người ta muốn có lửa để nấu thức ăn, tay họ cầm kính Dương Toại và một nhóm bụi nhùi đưa trước ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

A Nan! Phạm gọi là hòa hợp thì như tôi với thầy và 1.250 vị Tỳ kheo hiện hợp thành một chúng. Chúng thì có một, song gạn xét về cội gốc thì mỗi người đều có thân thể, đều có danh tự họ hàng của mình. Như thầy Xá Lợi Phất thì dòng Bà La Môn, thầy Ưu Lô Tần Loa thì dòng Ca Diếp, còn như A Nan thầy thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

A Nan! Nếu lửa đó nhân hòa hợp mà có, vậy khi người ta cầm kính lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa đó từ kính mà ra? Do hư không mà có? Hay từ mặt trời mà đến? A Nan! Nếu lửa từ mặt trời đến, lửa đã đốt được bụi nhùi trong tay của thầy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời đi ngang qua lẽ ra đều bị cháy cả! Nếu từ

kính ra đốt cháy bụi nhùi, sao cái kính không bị chảy? Đến như cái tay thầy cầm kính còn không thấy nóng thì làm sao kính chảy được? Còn bảo rằng do bụi nhùi sanh thì cần gì phải có ánh sáng mặt trời và kính trực chiếu vào nhau rồi sau đó lửa mới bén cháy bụi nhùi?

Thầy hãy suy nghĩ cho chín chắn: Kính do tay cầm. Mặt trời thì ở trên không trung. Bụi nhùi do con người tạo. Vậy lửa từ phương nào mà xuất hiện đến? Mặt trời và kính xa nhau, không phải hòa không phải hợp, không lẽ lửa kia không do đâu mà tự có ra?

Thầy còn chưa biết thể của các pháp trong Như Lai tàng: Hỏa là chân không, không là chân hỏa, nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri: Một người cầm kính một chỗ có lửa sanh ra. Khắp pháp giới mọi người cầm kính, lửa sẽ phát ra theo yêu cầu của mọi người. Lửa vốn không có chỗ ở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng là nhân duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn ngữ luận đàm mà hoàn toàn không đúng thực nghĩa.

4. Truy nguyên Phong đại

A Nan! Phong đại không hình thể, khi động khi tĩnh bất thường. Lúc vào trong đại chúng, thầy sửa áo, vạt áo Tăng già lê của thầy động, thì người ngồi gần thầy có gió nhẹ phớt qua làm cho người kia cảm nghe mát mặt. Gió từ vạt áo Cà sa ra? Do hư không phát khởi? Hay từ mặt người kia sanh?

A Nan! Nếu gió phát ra do vạt áo Cà sa thì thầy đã mặc cả gió trong người, lẽ ra cái áo phải tung ra khỏi thân thầy. Còn tôi, tôi đang thuyết pháp trong hội này và tôi rũ áo. Vậy thầy xem cái áo tôi, gió núp ở chỗ nào? Không lẽ trong áo tôi lại có chỗ chứa gió?

Bảo rằng: Gió từ hư không sanh, thì tại sao lúc áo thầy không động, không có gió phát ra? Và lại tánh hư không thường còn, lẽ ra gió phải luôn có, không lúc nào gián đoạn. Và nếu khi nào hết gió thì hư không phải tiêu diệt? Gió diệt có thể biết được, chứ hư không diệt thì hình trạng thế nào? Và nếu có diệt có sanh thì không được gọi là hư không, đã là hư không thì làm sao lại phát sanh gió? Bảo rằng: Gió sanh do cái mặt của người bị phát thì lẽ ra gió phải phát lại mặt thầy, có sao thầy sửa áo mà lại phát vào mặt người kia như vậy?

Thầy hãy chín chắn mà tư duy: Sửa áo là do thầy. Cái mặt thuộc của người kia. Hư không thì vắng lặng. Vậy gió từ phương nào luồng đến? Gió khác, hư không khác, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ gió không do gì mà tự có?

Thầy còn không biết thể tánh của các pháp trong Như Lai tạng: Phong là chân không, không là chân phong, nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng lượng sở tri: Một mình thầy động áo thì có một ít gió phát ra. Khắp pháp giới nhiều người cùng cầm quạt mà quạt thì khắp pháp giới sanh ra Phong đại. Phong đại khắp cùng nhưng không có chỗ ở nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng nhân duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đứng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không đứng thực nghĩa.

5. Truy nguyên Không đại

A Nan! Hư không không có hình mạo, nhân sắc tướng mà hiển bày. Trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách sông, người ta dựng nhà ở thì đào giếng để lấy nước dùng. Đào được một thước khối đất thì có một thước khối khoáng hư không. Nếu đào sâu 20 thước thì có khoảng

trống hư không 20 thước. Hư không cạn hay sâu tùy đất đào ra nhiều hay ít. Hư không đó nhân đất mà ra? Do đào mà có? Hay không nhân gì tự sanh?

A Nan! Nếu hư không, không nhân duyên gì mà tự sanh, tại sao khi chưa đào đất, nơi đó không có hư không mà chỉ thấy đất liền? Bảo rằng: Nhân đất ra, thì lẽ ra khi đất được đào phải lấy từng mảng hư không văng ra, và nếu vậy là đào hư không chứ sao gọi là đào đất? Đã là hư không thì cần chi phải nói đến chuyện đào? Bảo rằng: Hư không do đào mà có thì đào phải ra hư không, có sao lại đào ra đất? Nếu hư không, không phải do đào mà có, thì đào lẽ ra chỉ có đất, có sao đào rồi lại thấy hư không?

Thầy nên chín chắn mà tư duy. Đào là do tay người, tùy phương mà vận chuyển. Đất thì từ đất liền mà dời đi. Hư không đó do đâu mà có? Đào là cụ thể, bởi sức tác động của con người. Hư không thì rỗng rang không hình mạo, hai yếu tố không tương quan tác dụng gì nhau, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ hư không, không do đâu mà tự sanh như thế?

Thể của hư không tròn đầy, bất động. Hiện tiền hư Không và Địa, Thủy, Hỏa, Phong, gọi chung là năm đại thể tánh viên dung, vốn không

sanh diệt. Các đại đó đều là tướng dụng của Như Lai tàng biểu hiện!

A Nan! Thầy còn mê muội không biết được thể của các pháp trong Như Lai tàng: Giác là Chân không, không là chân giác, nó thanh tịnh bản nhiên, khắp cùng pháp giới, tùy chúng sanh tâm, đáp ứng với lượng sở tri: Một giếng trồng không, hư không sanh trong một giếng. Mười phương trồng không, hư không khắp cả mười phương. Không đại khắp cùng, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng nhân duyên, hoặc cho là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không đúng thật nghĩa.

6. Truy nguyên Kiến đại

A Nan! Kiến đại có giác chiếu mà không liễu tri phân biệt. Nó nhân các thứ: Sắc, không mà có. Như hiện nay thầy đang ở trong rừng Kỳ Đà, sớm mai thì sáng, chiều hôm thì tối, đêm trăng tỏ thì sáng, lúc trăng lặn thì tối. Những tướng sáng tối do cái thấy mà phân biệt nhận ra. Vậy cái thấy cùng với sáng tối và hư không là đồng một thể hay là khác thể?

A Nan! Nếu cái thấy cùng với sáng tối và hư không đồng một thể thì cái sáng tối luôn luôn tiêu diệt lẫn nhau: Có sáng thì không tối, có tối thì không sáng. Nếu cái thấy đồng một thể với tối, thì lúc sáng cái thấy bị tiêu diệt. Ngược lại, nếu cái thấy đồng một thể với sáng, thì khi tối đến cái thấy cũng bị tiêu diệt. Vậy thì cái thấy làm sao mà thấy được tối sáng? Bảo rằng: Sáng và tối khác nhau còn cái thấy không sanh, không diệt. Nếu vậy thì không nên nói là đồng một thể, vì nó đã khác đi rồi.

Và nếu cái thấy đã khác với tối sáng, khác với hư không, vậy thầy phân biệt xem cái thấy hình tướng ra sao? Thầy nên biết: Rời tối sáng và hư không, cái thấy như lông rùa sừng thỏ, không sao tìm có.

Thầy hãy chín chắn mà tư duy: Sáng do mặt trời. Tối bởi đêm không trăng. Thông suốt là hư không. Ngăn bít thuộc đất liền. Còn cái cái thấy như vậy, nhân đâu mà có? Cái thấy có giác chiếu, hư không thì bất động, không phải hòa, không phải hợp. Không lẽ cái thấy không do gì mà tự phát sanh ra? Nên biết: Thể của Kiến đại cùng khắp bất động, vô biên hư Không cũng cùng khắp bất động, cùng với Địa, Thủy, Hỏa, Phong gọi chung là "lục đại", thể của chúng viên

dung cùng khắp bất động, không diệt không sanh. Tất cả đều là tướng dụng của Như Lai tàng biểu hiện!

A Nan! Thầy còn mê mờ không nhận thức được: Kiến, văn, giác, tri của thầy cùng thể của các pháp trong Như Lai tàng: Kiến đại vốn là giác minh, giác minh tinh kiến, nó thanh tịnh bản nhiên, cùng khắp pháp giới, tùy tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng sở tri: Kiến đại thấy khắp pháp giới, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc và tánh biết cũng cùng khắp pháp giới nhiệm mầu. Nên biết: Tánh của các đại không có nhất định, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết lầm tưởng nhân duyên hoặc là tự nhiên đều là những phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không đúng thực nghĩa.

7. Truy nguyên Thức đại

A Nan! Thức đại không có nguồn gốc, nhân sáu thức căn cảnh giả tạm mà phát sinh, nay thầy hãy dùng mắt ngó lướt qua khắp hết thánh chúng trong hội này xem. Cái thấy của thầy như tấm gương, tiếp thu tất cả hình dáng in vào mà không có mảy may phân biệt (hiện lượng tiếp thu tánh cảnh). Rồi thầy hãy dùng cái thức của thầy, theo thứ lớp mà chỉ ra: Đây là Văn Thù, đây là Phú

Lâu Na, đây là Mục Kiền Liên, đây là Tu Bồ Đề và kia là Xá Lợi Phất... Cái thức phân biệt của thầy sanh từ mắt? Hay sanh bởi các tướng? Do hư không? Hay không do gì mà thức tự có ra?

A Nan! Nếu bảo rằng: Thức do mắt sanh. Phóng sử không có các tướng sắc, không tối, sáng, cái tánh thấy của thầy còn có cơ sở để tồn tại được không? Cái thấy còn không thể có thì còn y cứ vào đâu để có được cái "Thức" phân biệt của thầy? Nếu bảo rằng: Thức sanh do các tướng chứ không phải do cái thấy. Thế thì thầy lấy gì để thấy được sáng tối? Sáng tối đã không thấy thì cũng không biết được các tướng sắc không! Các tướng còn không có thì "cái thức" do đâu tồn tại! Nếu cho rằng: Thức sanh do hư không, nó ngoài cả các tướng và cái thấy. Nếu quả thật vậy, thì thầy không còn biện biệt được gì, vì chẳng có gì để cho thầy phân biệt!

Nếu bảo rằng: Thức sanh không có sở nhân, đột nhiên mà có. Đó là một tri kiến sai lầm. Có ai phân biệt sáng trắng giữa lúc mặt trời đứng bóng?

Thầy hãy chín chắn mà tư duy: Cái thấy gá vào mắt thầy. Các tướng thuộc tiền cảnh. Có cái hình tướng là có. Cái không đáng mạo là không. Còn cái thức như vậy nhân đâu mà ra? Cái thức

thì năng động. Cái tánh thấy thì lặng lẽ, không phải hòa, không phải hợp. Nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức cũng vậy. Thế thì không lẽ cái thức phân biệt không do đâu mà tự có?

A Nan! Thầy nên biết: Thức vốn không xứ sở. Các tánh: Thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết cũng như vậy. Tánh của Kiến đại và Thức đại viên mãn trạm nhiên, cùng với Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không gọi chung là Thất đại, thể tánh viên dung, không sanh không diệt. Tất cả đều là tướng và dụng của Như Lai tạng biểu hiện.

A Nan! Tâm thầy nông nổi, không nhận biết các việc: Kiến, văn, giác, tri cũng như thể của các pháp trong Như Lai tạng: Tánh của thức minh tri, giác minh là chân thức, diệu giác trạm nhiên, khắp cùng pháp giới, ẩn hiện trong mười phương, không có xứ sở, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết làm tướng nhân duyên hoặc cho là tự nhiên, đều là phân biệt so đo của ý thức. Nó chỉ đúng trong ngôn thuyết luận đàm mà hoàn toàn không đúng thực nghĩa.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Năm âm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới, bảy đại đều là tướng và dụng biểu hiện của Như Lai tạng. Nói cách khác, Như Lai tạng là bản thể của 5 âm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới và 7 đại. Đề cập đến bản thể, hiện tượng là một vấn đề lớn, một vấn đề mang tính triết học của Phật giáo, nếu ta nhìn Phật giáo qua lăng kính triết học. Nhưng đối với Phật giáo người ta có cho nó là triết học hay không là triết học, điều đó chẳng có giá trị thêm bớt gì. Sự thuyết pháp của Phật nhằm nói lên chân lý khách quan, nói lên cái nguyên ủy của sự hình thành và sự tồn tại khách quan của vũ trụ vạn hữu. Sự thật như thế nào, Phật nói như thế ấy mà thôi. Giáo lý của kinh Thủ Lăng Nghiêm triển khai: Tất cả hiện tượng vạn hữu hình thành từ chất liệu của bốn khoa và bảy đại. Rằng hiện trạng vạn hữu do Ngũ uẩn tổ hợp mà thành. Từ Ngũ uẩn lập ra 12 thứ Sắc pháp. Từ Ngũ uẩn lập ra 8 pháp Tâm Vương. Từ Ngũ uẩn triển khai 51 thứ tâm Sở. Từ Ngũ uẩn diễn biến ra 24 thứ pháp Bất tương ứng. Từ Ngũ uẩn thành lập 95 pháp Hữu vi và cũng từ Ngũ uẩn mà an lập 6 thứ Vô vi pháp. Tất cả ngàn ấy thứ đều là tướng và dụng biểu hiện của Như Lai

tàng, từ chủng tử trong Như Lai tàng duyên khởi biểu hiện ra.

TÀNG có nghĩa là kho tàng. Ví như cái kho chứa tất cả hạt giống của ngũ cốc, ngũ quả.

NHU có nghĩa là bất biến.

LAI có nghĩa là tùy duyên.

NHU LAI TÀNG ví như cái kho hàm chứa tất cả chủng tử của hiện tượng vạn hữu. Những chủng tử được chứa trong kho tàng này, tùy duyên sanh ra rồi cũng tùy duyên hoại diệt. Diệt mà không mất hẳn, diệt để lại sanh. Sanh mà không trường sanh, sanh để chuyển hóa từ vật thể này sang vật thể khác. Sanh diệt diệt sanh, sanh sanh diệt diệt, vô thủ vô chung, vô cùng vô cực. Sự sanh diệt diệt sanh đó thuật ngữ Phật học gọi là: **TÙY DUYÊN BẤT BIẾN, BẤT BIẾN TÙY DUYÊN.**

*

* *

A NAN VÀ ĐẠI CHÚNG TÁN DƯƠNG PHẬT, PHÁT NGUYỆN VÀ TRÌNH PHẬT NHỮNG ĐIỀU TÂM ĐẮC CỦA MÌNH

A Nan và đại chúng nhờ Phật chỉ dạy bằng phương tiện dẫn dụ, lời lẽ khéo léo nhiệm màu, cả thính chúng thân tâm thanh thoát rỗng rang. Mỗi người tự biết chân tâm thể màu nhiệm của mình vốn khắp cùng pháp giới và thấy hiện tượng, vật sắc trong mười phương hư không, như xem cảnh hoa lá đang cầm trên tay, tất cả sự vật hiện tượng trên thế gian đều là tướng, là dụng của tâm Bồ đề nhiệm màu, sáng suốt của mình biểu hiện. Tỏ ngộ lẽ sống chết của cái thân cha mẹ sanh ra, như sự diệt sanh của những bong bóng giữa đại dương nổi chìm tụ tán! Chỉ có tâm tánh nhiệm màu khắp pháp giới mười phương mới thật là tâm tánh bản lai thường trú của chính mình.

Ở trước Phật, thầy A Nan thay lời đại chúng xin được nói lên một bài kệ tán dương đức Phật, phát nguyện và trình lên Phật điều tâm đắc của tận đáy lòng:

Cao quý thay! Thủ Lăng Nghiêm Vương ít có

Là pháp Thiên định bất động kiên cố
Trừ hết tướng điên đảo của chúng con
Không trải a tăng kỳ mà được Pháp thân.
Nguyện khi con thành tựu địa vị Bảo
Vương
Đem hết khả năng và trí tuệ của mình
Truyền đạt tế độ chúng sanh hậu thế.
Dù tánh Hư không có hết
Lòng thệ nguyện của con không sờn!
Nam mô thường trụ thập phương Phật!
Nam mô thường trụ thập phương Pháp!
Nam mô thường trụ thập phương Tăng!

*

* *

PHẬT THUYẾT MINH:

TÁNH CỦA CÁC ĐẠI VÓN KHÔNG NGĂN NGẠI GÌ NHAU, NHẪM KHAI THỊ CHÂN LÝ: SẮC KHÔNG, KHÔNG SẮC

Bấy giờ Phú Lô Na ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

Thế Tôn khéo vì chúng sanh mà diễn bày Đệ nhất nghĩa. Từ lâu tôi được Thế Tôn khen là thuyết pháp đệ nhất trong hàng người thuyết pháp. Vậy mà nay tôi nghe pháp âm nhiệm mầu Như Lai vừa dạy chẳng khác nào người điếc cách xa trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng, hy vọng thấy con muỗi còn không được, nói gì đến chuyện được nghe. Dù Phật dạy rõ ràng, nhưng chưa hiểu rõ ráo, tâm tôi còn mơ hồ nghi hoặc. Còn như trình độ kiến giải của các thầy Tỳ kheo ở đây, tuy đã được khai ngộ nhưng tập khí hữu lậu chưa trừ, nghe pháp âm thâm diệu này của Phật lòng còn ngờ vực.

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các thứ: Năm âm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và bảy đại trong thế gian đều là hiện tượng, tướng biểu hiện phát xuất từ thể tánh thanh tịnh bản

nhiên của Như Lai tàng, vậy thì tại sao Như Lai tàng bỗng nhiên lại sanh các tướng Hữu vi vô thường vận động, thay đổi trước sau, vô cùng vô cực như thế?

Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng đã từng nói: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, bốn đại bản thể tánh viên dung, khắp cùng pháp giới, vắng lặng thường trú.

Bạch Thế Tôn! Nếu Địa đại cùng khắp thì làm sao dung được Thủy đại? Nếu Thủy đại cùng khắp thì làm sao Hỏa đại có điều kiện phát sanh? Làm sao có thể hiểu được rằng: Thủy đại và Hỏa đại đều cùng khắp pháp giới mà không đối kháng hủy diệt nhau? Bạch Thế Tôn! Tánh Địa đại thì ngăn ngại, tánh hư Không là rộng suốt, làm sao có sự kiện hai đại đồng khắp cùng trong một bầu pháp giới? Tôi không biết nghĩa ấy thế nào. Xin Phật rũ lòng từ, vén mây mê lầm cho tôi và đại chúng.

*

* *

PHẬT CHỈ NGUỒN GỐC VỌNG TƯỚNG CỦA HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo thầy Phú Lô Na và các đại A la hán rằng: Nay Như Lai vì đại chúng chỉ bày tánh tướng nghĩa trong tướng nghĩa, khiến cho hàng định tánh Thanh văn chưa được nhân Không và pháp Không hướng về chánh giác, được pháp tu chân chánh tịch diệt của Nhất thừa. Các thầy hãy lắng nghe cho kỹ, tôi sẽ vì đại chúng mà nói.

Phật bảo: Phú Lô Na! Như thầy vừa nói: Đã là bản nhiên thanh tịnh tại sao bỗng nhiên lại sanh ra âm nhập xứ giới núi sông đất liền sum la vạn tượng? Thầy có nghe Như Lai đã từng dạy: **Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu** hay không?

Bạch Thế Tôn! Tôi đã nghe, Phú Lô Na thưa.

Ý thầy hiểu thế nào? Tánh giác tự sáng suốt mà gọi là giác, hay tánh giác không sáng suốt phải dùng tánh sáng suốt để nhận thức tánh giác?

Bạch Thế Tôn! Tánh giác tự sáng suốt nên gọi là giác tánh diệu minh. Nếu tánh giác không sáng suốt thì còn lấy cái gì để gọi là tánh giác sáng suốt!

Phật bảo: Đúng vậy, Phú Lô Na! Nếu tánh giác không phân biệt thì không lấy cái gì khác để phân biệt tánh giác, và nếu tánh giác là đối tượng phân biệt thì không còn gọi là tánh giác nữa. Vậy thầy nên hiểu: Tánh giác vốn là cái tánh sáng suốt, mà chúng sanh lầm tưởng rằng phải nhờ cái sáng suốt để nhận thức tánh giác. Sự thực tánh giác vốn không phải là cái đối tượng để phân biệt, nhưng lầm tưởng mà tánh giác trở thành đối tượng phân biệt? Cái vọng về đối tượng phân biệt đã thành, tất sanh cái vọng chủ thể phân biệt của thầy. Nguồn gốc của vọng tưởng phát nguyên là như vậy.

*

* *

PHẬT KHAI THỊ NGUỒN GỐC DUYÊN KHỞI CỦA HIỆN TƯỢNG VẬT CHẤT

Phật bảo: A Nan! Bản thể của hiện tượng vốn chung cùng, do nhân duyên mà biến hiện. Trong tánh thể không đồng không dị, phân giải sanh ra thành dị. Khác với các dị hóa hợp thành đồng. Tánh đồng dị đã phát minh, hai lực hấp dẫn và đề kháng cũng tự thành năng lực. Giữa sự nhiễu loạn mâu thuẫn bên trong của vật lý tâm lý và tánh hư không, những tánh chất năng động hợp thành thế giới, tính thể bất động là hư không. Hư không là đồng, thế giới là dị. Đồng dị hay không đồng dị, tất cả đều gọi là pháp Hữu vi.

PHẬT DẠY RÕ VỀ HAI TƯỚNG TƯƠNG TỤC

1. Thế giới tương tục

Phật bảo: Phú Lô Na! Tánh giác thì sáng suốt, hư không thì bất động vô tri. Hai thứ tác động nhau thành tánh năng dao động. Do đó trong thế giới có hiện tượng lay động phát sanh,

gọi là Phong đại. Trong tánh năng dao động, những thứ đồng chủng hòa hợp với nhau kết thành tánh có ngại. Đây là hiện tượng kim luân được hình thành để bảo trì quốc độ (kim luân là dị dạng của Địa đại, nhiếp thuộc về Địa đại). Kim luân cọ sát với không khí trong hư không, biến ra năng lượng. Hiện tượng Hỏa đại phát huy từ đó. Kim luân sanh nước, tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên. Thủy đại chảy xuống, hỏa đại bốc lên, địa đại bảo trì. Từ đó hiện tượng vật chất đủ điều kiện hình thành viên mãn. Chỗ sâu có nước gọi là biển, chỗ cạn gọi là cồn bãi, là lục địa. Do nguyên nhân đó trong biển, lửa thường sanh khởi. Cồn bãi, lục địa, sông lạch thường tuôn chảy không ngừng, Chỗ thế nước kém thế lửa, kết tụ thành núi cao. Cho nên đánh đá thì lửa nhoáng ra. Chỗ thế đất kém thế nước hay sanh cây cỏ. Vì vậy rừng cháy thành đất, vất ép gỗ chảy ra nước.

Sự vật hiện tượng trong thế giới tương quan làm nhân quả cho nhau mà sanh. Xoay vần làm nhân duyên cho nhau không dứt. Vì vậy thế giới duy trì tương tục vô cùng.

2. Chúng sanh tương tục

Lại nữa Phú Lô Na! Cái vọng phân biệt không phải là cái gì ở đâu khác lạ. Do vì chúng

sanh dùng cái tri kiến phân biệt để phân biệt tánh giác tri mà có sự lỗi lầm. Từ đó sanh ra cái đối tượng phân biệt. Cái đối tượng phân biệt đã có thì cái chủ thể phân biệt bị lệ thuộc vào. Vì vậy tánh nghe không ngoài âm thanh, tánh thấy không ngoài màu sắc. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, 6 vọng cảnh đã hình thành làm đối tượng cho chủ thể nhận thức: Những cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết sanh khởi. Hễ đồng nghiệp thì hấp dẫn lúc hợp, lúc ly, khi tình, khi tướng. Tánh thấy chủ thể phân biệt có, thì đương nhiên có sắc, thanh, hương... đối tượng phân biệt hiển hiện. Chủ thể, đối tượng tác động vào nhau từ cảm tính chuyển sang lý tính, từ lý tính nảy sinh khái niệm, từ khái niệm dẫn đến tư duy. Do tư duy có sự tưởng tượng và nhận thức: Hễ ý kiến bị phủ nhận, sanh tâm lý ghen ghét. Tư tưởng được đồng tình, sanh tâm lý yêu thương. Dòng nước yêu thương kết thành chủng tử, thu nạp tưởng tượng hấp dẫn nghiệp đồng thành trạng thái phôi thai bước đầu sanh khởi. Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh tùy nghiệp đồng dị và cảm ứng của mỗi loài mà sanh sôi tăng trưởng. Thai có do tình. Noãn có do tướng. Thấp có do hợp. Hóa có do chuyển hóa. Tình, tướng, hợp, chuyển hóa, luôn luôn vận động đổi thay tồn tại sanh diệt diệt sanh trong Như Lai tàng,

trong không gian và thời gian vũ trụ. Đó là nguồn gốc làm cho chúng sanh tương tục không dừng.

Phú Lô Na! Sở dĩ có hai thứ tương tục điên đảo là do nhận thức sai lầm: Rằng phải nhờ lấy cái chủ thể nhận thức để phân biệt tánh giác, mà không biết rằng: Tánh giác tự nó sáng suốt, bản giác tự nó thanh tịnh. Đại địa san hà vũ trụ vạn hữu, tất cả đều là hiện tượng Hữu vi, chúng có sanh có diệt. Sự thật các hiện tượng Hữu vi chỉ là tướng dụng biểu hiện từ thể tánh thanh tịnh bản nhiên của Như Lai tạng.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thầy Phú Lô Na và thầy A Nan nghe tư tưởng liễu nghĩa thượng thừa như người điếc cách xa trăm bước lắng nghe tiếng muỗi mòng, thiết tưởng không phải là chuyện lạ. Do vậy thầy mới trình lên đức Phật những mối thắc mắc nghi ngờ của hàng Thanh văn, và trong mỗi nghi ngờ đó có của Phật tử chúng ta.

Thầy Phú Lô Na hỏi Phật:

1. *Tại sao Như Lai tàng tánh vốn thanh tịnh bản nhiên bỗng dừng lại chuyển biến sanh ra những hiện tượng Hữu vi: Âm, nhập, xứ, giới và các đại, để rồi hiện tượng vạn hữu này tồn tại mãi với không gian và thời gian vô cùng vô cực?*

2. *Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Kiến và Thức, trong bảy đại tánh chất có đối kháng nhau. Tại sao chúng có thể dung hợp được nhau trong Như lai tàng mà không tương tàn, tương diệt?*

*Là một bậc Thầy, không cho phép từ chối giải đáp những thắc mắc chánh đáng cho đệ tử mình, dù thắc mắc đó có khó khăn đến mức nào cũng vậy. Phật bảo thầy Phú Lô Na, đó là vấn đề "Thắng nghĩa" của các pháp, vấn đề cội nguồn của sự vật hiện tượng vạn pháp. Nói đến vấn đề này là đề cập đến thể tánh **chân như**, bàn đến thể tánh **thường như** của vạn pháp. Như Lai dạy: Sự thật, hiện tượng vạn pháp cùng chung một bản thể Như Lai tàng. Hữu tình vô tình đều phát xuất từ chủng tử trong Như Lai tàng vận động, biến chuyển duyên khởi mà hình thành. Thoạt kỳ thì, tất cả hiện tượng vạn pháp sanh khởi hình thành bằng tánh **như thị bản nhiên** của nó. Đồng chủng thì hợp lại, dị chủng thì đẩy ra, đồng tánh thì chống nhau, dị tánh thì*

hút nhau. Sự hợp, đẩy, chống, hút không do ai làm, không bị ai xui, không bởi thế lực "thiên nhiên" nào sắp xếp. Vì vậy, trong đó không có cái gì đối tượng và cái gì chủ thể. Tánh thường như của vạn pháp vốn không có vấn đề chủ thể phân biệt, đối tượng phân biệt. Tất cả cùng một bản thể, tùy duyên vận động chuyển biến hiện ra như vậy và như vậy.

Duy thức luận nói:

"Do thức nhất thiết chủng

Nó biến như vậy như vậy

Do quá trình vận động

Hiện tượng sự vật sanh".

(Do nhất thiết chủng thức

Như thị như thị biến

Dĩ triển chuyển lực có

Bỉ bỉ phân biệt sanh).

*Thế tánh của hiện tượng vạn pháp trong Như Lai tàng vốn nhiệm mầu trong sáng không có vô minh. **Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu** là tánh chất vốn vậy trong Như Lai tàng. Năm ấm, sáu nhập, mười hai xứ, mười tám giới và bảy đại sanh diệt, diệt sanh trong Như Lai tàng không phải là vấn đề đáng quan tâm thắc mắc, vì đó là vấn đề: Vũ trụ vạn hữu tồn tại*

khách quan trong quy luật vô thường vận động sanh diệt, diệt sanh của chúng.

Tương quan thân thiết với con người là vấn đề nhân sanh quan, mới là điều nên đầu tư suy nghĩ. Đã là tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu, thế nhưng tại sao con người có thể bị mất đi cái đó để rồi phải chuốc lấy phiền não buộc ràng trong sanh tử khổ đau?

Phật dạy: **Tánh giác tất minh, vọng vi minh giác**, nghĩa là do vọng tưởng khởi, sanh phân biệt chấp mắc hiện tượng vạn hữu. Do đó hiện tượng vạn hữu trở thành đối tượng phân biệt. Cái phân biệt của con người trở thành chủ thể phân biệt để đánh giá cái **tánh giác diệu minh** của hiện tượng vạn pháp và chấp thủ sai lầm về cái **bản giác minh diệu** của chính mình. Do vọng tưởng sai lầm không đầu mối đó dẫn đến nhận thức sai lầm: Mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn... những cái thuộc loại "Khách trần" và có chỗ trả về ấy lại chiếm ngự ở mãi lòng ta!

Vấn đề: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức vì sao dung hóa được nhau, trong thực tế chúng có tánh đối kháng nhau rõ rệt!

Phật dạy: Địa, Thủy, Hỏa, Phong... đầy khắp pháp giới, mà tánh hư không không bị choáng mất tiêu vong. Vì vậy nên Như Lai nói: Tánh sắc chân không. Hư không có đủ tất cả tánh chất của Địa, Thủy, Hỏa, Phong... Vì vậy Như Lai mới nói: Tánh không chân sắc (Chỉ tánh phải được hiểu thể tánh của các tánh). Thủy đại đầy khắp pháp giới mà không triệt tiêu Hỏa đại, không ngập chìm tất cả thế gian, vì vậy Như Lai nói: Tánh Thủy chân không. Pháp giới Không đại, vốn không phải là Thủy đại, vậy mà trong Không đại khắp đầy Thủy đại, cho nên Phật dạy: Tánh Không chân Thủy. Hỏa đại đầy khắp hư Không mà không cháy sơn hà thảo mộc vạn hữu thế gian. Vì vậy, Phật nói: Tánh Hỏa chân không. Hư không vốn không hỏa nhưng lúc chúng sanh cần thì hỏa có trong hư không, cho nên Phật dạy: Tánh Không chân Hỏa...

Tánh các đại vốn không ngăn ngại gì nhau, người đệ tử Phật, học đến đây có thể nhận thức rõ chân lý: Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc là không, không là sắc rồi vậy...

Nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật lý chỉ là vấn đề tất nhiên. Hiện tượng vạn hữu tồn tại khách quan theo quy luật: Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập.

Đồng chủng tương ứng,

Dị chủng tương xích.

Đồng tánh tương cự,

Dị tánh tương hấp.

Đồng năng tương bội,

Dị năng tương đễ.

Do vậy trong Như Lai tàng, chủng tử cơ bản của vạn pháp có thể kết hợp thành từng nhóm quyện chặt với nhau, để thành một chỉnh thể hiện tượng vạn hữu. Ngược lại cũng có thể phân giải hoàn toàn, hoặc chuyển hóa dần dần từ lượng dẫn đến chuyển hóa hoàn toàn về chất, để rời sự vật cũ mất đi, hình thành sự vật mới nối tiếp...

Luận nguồn gốc thế giới tương tục là chỉ đề cập đơn thuần bên mặt vật lý. Nói đến chúng sanh tương tục phải đề cập hai phần: Vật lý và tâm lý tổ hợp mà hình thành. Cái động cơ thúc đẩy khiến cho chúng sanh sanh tử tương tục là nghiệp. Nghiệp là hành động được biểu hiện qua thân, miệng và ý thức, trong đó ý thức là then chốt. Do ý nhận thức sai lầm về "Tánh giác diệu minh" làm mê mờ chân lý vũ trụ quan. Sai lầm về "Bản giác diệu minh" làm mê mờ chân lý

nhân sanh quan. Vấn đề cái nhìn phân biệt sai lầm về chủ thể đối tượng là vấn đề tối hệ trọng. Bởi vì con người vốn không phải là kẻ năng cầu, năng lễ và năng nguyện, để được giáng phúc, ban ơn do đáng sở lễ, sở cầu, sở nguyện nào đó. Nhưng khi đã bị vọng tưởng sai lầm biến con người thành "Vọng năng" rồi thì "Vọng sở" đương nhiên chấp nhận có. Có năng sở tức là có chủ thể và đối tượng. Thế rồi, ý trái sanh ghét, ý đồng sanh thương... Dòng nước ân ái yêu thương kết thành tập khí chủng tử. Hấp dẫn đồng nghiệp tác hợp với phôi. Phôi lớn thành thai, rồi lục nhập, xúc, thọ, ái... theo thời gian mà phát triển.

*

* *

GIÁC KHÔNG SANH MÊ. THẤT ĐẠI DUNG ĐƯỢC NHAU MÀ KHÔNG CÓ GÌ TRỞ NGẠI

GIÁC KHÔNG SANH MÊ

Phú Lô Na thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu tánh giác vốn nhiệm màu trong sáng cùng với tâm Như Lai không kém không hơn. Thế mà vô có bỗng nhiên lại sanh núi sông đất liền các hiện tượng Hữu vi sanh diệt! Vậy hiện nay Như Lai đã chứng nhập bản thể giác, ví phỏng chừng nào Như Lai sanh lại vọng tưởng phân biệt đối với các pháp hiện tượng Hữu vi? Và chừng nào hoặc lậu của Như Lai sanh trở lại?

Phật bảo: Phú Lô Na! Ví như có người do mê mà lầm cho phương Nam là phương Bắc. Cái mê như vậy không nhân mê mà có, vì mê vốn không gốc rễ, không có hình dáng kích thước, cũng không phải sắc màu. Càng không phải nhân ngộ, vì ngộ là tỉnh là sáng suốt, ngộ không sanh mê. Người mê đang lúc mê bỗng có người ngộ giải thích chỉ bày cho được ngộ. Người mê hóa giải, dứt được cái mê thì phương hướng Bắc Nam không còn lầm lộn nữa. Mười phương Như Lai cũng vậy. Mê vốn không gốc rễ, tánh của nó

là không. Xưa vốn không có mê, tựa hồ như có mê, có giác. Giác được mê thì mê diệt, giác vốn không sanh mê. Lại cũng như người nhắm mắt, thấy hoa đốm đầy khắp hư không. Nếu trị dứt bệnh nhắm thì hoa đốm trong không tự hết. Nếu ai đó mong chờ cho hư không sanh hoa trở lại là kẻ quá ngu si, với hạng người như vậy, không thể nói rằng: Họ là người ngu hay trí!

Lại nữa! Phú Lô Na! Ví như quặng vàng lẫn lộn với vàng ròng. Khi vàng đã nấu lọc tinh rồi thì vàng không là quặng nữa.

Phú Lô Na! Vấn đề Niết bàn của mười phương Như Lai cũng như vậy. Như Lai không bao giờ sanh lại vọng tưởng phân biệt để chấp mắc các hiện tượng Hữu vi, và cũng không có việc Như Lai sanh lậu hoặc trở lại.

*

* *

LẠI NÓI RÕ VỀ VẤN ĐỀ CÁC ĐẠI CÓ THỂ DUNG NHAU

Phật bảo: Phú Lô Na! Thầy còn nghi ngờ. Vì sao Thất đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức lại có thể dung nhau? Trong thực tế

thầy thấy chúng thường tự xâm đoạt hủy diệt nhau?

Phú Lô Na! Ví như hư không, thể của nó vốn không phải hình tướng, nhưng nó không chống đối các tướng phát huy trong nó. Phú Lô Na! Bầu hư không vô cực kia, hể mặt trời soi thì sáng, mây ùn thì tối, gió lay thì động, trời tạnh thì trong, hơi động thì đục, bụi nổi thì mù, nước lặng thì lóng lánh. Phú Lô Na! Thầy hiểu thế nào? Các tướng Hữu vi sai khác dường ấy. Vậy nó nhân những cái đã có kia mà tự sanh, hay nhân hư không mà có? Phú Lô Na! Nếu bảo rằng do những cái kia tự sanh, vậy khi mặt trời soi, mặt trời sáng thì mười phương thể giới đều thành sắc của mặt trời, làm sao giữa hư không lại còn thấy mặt trời tròn? Nếu bảo rằng hư không sáng, thì hư không tự soi lấy, có sao giữa lúc đêm mây mù không có ánh sáng soi? Vậy nên biết rằng: Cái sáng không phải mặt trời, không phải hư không, nhưng cũng không ngoài hư không và mặt trời.

Phú Lô Na! Thầy nên biết rằng: Đứng bên hiện tượng mà nhìn thì hiện tượng vốn vọng, cho nên không làm sao chỉ bày chính xác và đích thực được. Nhưng đứng trên bản thể mà tư duy, ta sẽ thấy bản thể là chân, tánh giác diệu minh,

bản giác minh diệu, cho nên "Địa" vốn không là "Địa". "Không" vốn chẳng là "Không". Thủy, Hỏa, Phong... cũng vậy, thì làm chi có việc trở ngại không dung nhau được.

Trong bản tánh minh diệu của Như Lai tàng, thầy cần phát minh hư không thì có hư không hiện ra. Địa, Thủy, Hỏa, Phong... mỗi mỗi đều cần thì mỗi mỗi hiện ra. Ví như một dòng nước in bóng mặt trăng. Hai người cùng trông thấy bóng mặt trăng in đáy nước. Rồi người đi về Đông, người đi về Tây, cả hai đều thấy có mặt trăng theo mình, mà không có chuẩn đích cho mặt trăng cố định. Trước sự kiện đó không nên gạn hỏi: Mặt trăng là một, sao có thể đi theo hai hướng khác nhau? Cũng không được hỏi: Mặt trăng đã thành hai, sao trước kia hiện ra có một?

Phú Lô Na! **Duyên sanh như huyễn** là vậy đó. Vì vậy mà Như Lai dạy “Tánh sắc chân không”, và cũng vì vậy Như Lai nói “Tánh không chân sắc”... Không có pháp nào có tự thể độc lập cố định của chính mình!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tánh giác diệu minh cho nên giác không sanh mê. Mê không gốc rễ, không hình dáng, không kích thước, sắc màu. Rõ ràng mê không tự thể, lấy gì để gọi đó là mê. Huyền Giác Thiền sư nói: "Thật tánh vô minh là Phật tánh". Hễ giác sanh thì mê diệt. Sự thật quá rõ ràng.

Người đệ tử Phật có tư duy, tu tập sẽ thấy rõ ràng chân tâm thể thường trú, chân thể tánh tịnh minh là cái thường cái thật cái có sẵn của chính mình. Còn cái bất giác, cái mê, cái tham, sân, si, mạn hữu lậu nghiệp là những cái "vọng thành". Chúng là "khách" là "trần" chúng đến rồi đi, và có chỗ trả về cho "nguyên quán" của chúng.

Hỏi Như Lai chừng nào sanh bất giác vô minh trở lại là câu hỏi của người đệ tử đối với giáo lý Phật còn chợt tỉnh chợt mê: Chưa xác định được vấn đề tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu. Chưa nhận rõ: Vấn đề thể tánh tịnh minh, cũng như không biết được Như Lai Viên Giác Diệu Tâm là gì. Ở đoạn kinh này Phật dạy rất rõ ràng:

Người không nhắm mắt, trông lên hư không thấy một màu thanh tịnh sáng trong. Chỉ vì bệnh nhắm mắt mà người ta trông hư không thấy toàn là hoa đốm. Hoa đốm ngập tràn là do bệnh nhắm mắt mà có ra. Khi bệnh nhắm mắt hết rồi, hoa đốm không còn là vấn đề người trí bận tâm: Rằng có, rằng không, rằng chừng nào hoa đốm nở đây hư không trở lại!

Phật dạy: Vấn đề các đại có thể dung nhau là vì tánh chất duyên sanh như huyễn của nó. Hiện tượng vạn pháp do nhân duyên sanh, cho nên không pháp nào có tự thể độc lập, cố định đích thực của riêng mình. Như Lai đã khổ công dạy bảo: Rằng sắc chân không, không chân sắc... Thủy chân không, không chân thủy... Hỏa chân không, không chân hỏa... Phong chân không, không chân phong... Tất cả đều thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, tuần nghiệp phát hiện.

Do vậy mà các đại dung nhau, không trở ngại gì nhau, cũng là một sự thật ẩn hiện trước mắt mọi người!

KHIỂN TRÁCH CHÚNG SANH BỘI GIÁC HỢP TRẦN VÀ KHAI THỊ PHƯƠNG PHÁP BỘI TRẦN HỢP GIÁC

BỘI GIÁC HỢP TRẦN

Phật bảo: Phú Lô Na! Do nhận thức đánh giá của thầy về **sắc không** của Như Lai tàng, thì Như Lai tàng theo cái nhận thức của thầy mà có sắc không khắp cùng pháp giới. Vậy nên, thầy thấy gió thì động, hư không thì tĩnh, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối. Thầy và tất cả chúng sanh mê lầm, sống trái với giác tánh của mình mà hợp với trần tướng. Cho nên sanh khởi cái nhận thức trần lao. Do đó có các tướng thế gian đối tượng.

BỘI TRẦN HỢP GIÁC

Phú Lô Na! Như Lai sử dụng tánh giác diệu minh không sai lầm nhận thức, không đánh giá điên đảo. Như Lai tàng là tánh giác diệu minh khắp trùm pháp giới. Vậy nên đối với Như Lai: Một là tất cả, tất cả là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, ngồi tại đạo tràng bất động mà như ở khắp mười phương, một thân mà trùm cả hư không vô tận, đầu một mảy lông mà hiển hiện ra vô vàn “cõi Phật”, ngồi trong vi trần bé bỏng mà vận chuyển đại pháp luân, diệt hết

nhận thức sai lầm trần tượng, sống hợp giác tánh. Cho nên Như Lai nhìn đâu cũng là thể tánh chân như sáng suốt giác ngộ nhiệm màu.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Trái với giác tánh hợp với trần lao là tâm trạng chung của tất cả mọi người thế gian chưa đủ điều kiện quay về đường giác ngộ giải thoát. Người ta thường nhận thức, đánh giá và đặt tên cho sự vật theo tri kiến chủ quan của mình. Do vậy chủ thể và đối tượng hiển nhiên. Chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt đối lập, nhân, ngã, bỉ, thử bời bời rời rã. Đó là hậu quả của sự **Bội giác hợp trần**.*

Phật vẫn là một con người, nhưng khác với mọi người ở chỗ là không nhận thức đánh giá sai lầm sự vật hiện tượng theo tri kiến điên đảo chủ quan. Mà Như Lai sống đúng, sống hợp với tánh giác diệu minh của Như Lai tàng và tánh duyên sanh "như vậy" của hiện tượng vạn hữu.

Nhận thức hiện tượng vạn hữu qua "Tri kiến Phật" thì một là tất cả, tất cả là một, ngồi trong vi trần bé xíu mà chuyển xe pháp vĩ đại bao la. Ngôn ngữ đoạn kinh này, nếu y văn mà hiểu nghĩa thì rõ là oan cho ba đời chư Phật. Thâm nghĩa của đoạn kinh này, nhằm dạy cho đệ tử Phật về vấn đề bản thể chung cùng của hiện tượng vạn hữu: Ràng vòng, kiên, trâm, nhẫn, nút áo, hoa tai, nếu nhìn hình dáng và tên gọi khác nhau, nhưng tất cả cùng là vàng 24 cara. Lấy ra một điểm nhỏ trong những đồ trang sức đó đem thử lửa, người thợ kim hoàn đánh giá không sai tuổi của tất cả những món đồ vàng còn lại. Với tri kiến như vậy, nên gọi Như Lai là bậc **Bội trần hợp giác**.

*

* *

PHẬT KHAI THỊ NHƯ LAI TÀNG RỜI TẤT CẢ TƯỚNG “LÀ” TẤT CẢ PHÁP

NHƯ LAI TÀNG RỜI TẤT CẢ TƯỚNG

Như Lai tàng vốn là bản thể nhiệm màu viên mãn. Tuy nhiên nó không phải là tâm, không phải là Không, không phải Địa, không phải Thủy, không phải Hỏa, không phải Phong, nó không phải nhãn, không phải nhĩ, không phải tỷ, không phải thiệt, không phải thân, không phải ý, nó không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị, không phải xúc, không phải pháp, nó không phải nhãn thức giới cho đến không phải ý thức giới, nó không phải minh, không phải vô minh, không phải hết vô minh, cho đến không phải lão tử, không phải hết lão tử, nó không phải khổ, không phải tập, không phải diệt, không phải đạo, nó không phải trí, cũng không phải đắc, nó không phải bố thí, không phải trì giới, không phải nhẫn nhục, không phải tinh tấn, không phải thiên định, không phải trí tuệ, nó không phải là Như Lai, là Ứng cúng, Chánh Biến Tri, nó không phải đại Niết bàn, không phải Thường Lạc Ngã Tịnh, vì Như Lai tàng không phải là pháp thế gian, mà cũng không phải là pháp xuất thế gian.

NHƯ LAI TÀNG LÀ TẤT CẢ PHÁP

Nhưng cái bản thể nhiệm màu viên mãn Như Lai tàng lại cũng tức là tâm, là Không, là Địa, là Thủy, là Hỏa, là Phong, cũng tức là nhãn, là nhĩ, là tỷ, là thiệt, là thân, là ý, cũng tức là sắc, là thanh, là hương, là vị, là xúc, là pháp, cũng tức là nhãn thức giới cho đến ý thức giới, cũng tức là minh, là vô minh, cho đến là lão tử, là hết lão tử, cũng tức là khổ, là tập, là diệt, là đạo, cũng tức là trí, là đắc, cũng tức là bố thí, là trì giới, là nhẫn nhục, là tinh tấn, là thiền định, là trí tuệ... cho đến cũng tức là Như Lai, là Ứng Cúng, là Chánh Biến Tri, cũng tức là đại Niết bàn, là Thường Lạc Ngã Tịnh. Vì vậy Như Lai tàng biểu hiện qua tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian.

*

* *

**DỪNG PHẬT NHÃN NHÌN HIỆN
TƯỢNG VẠN PHÁP, KHÔNG CÓ VẤN ĐỀ
“LÀ” HAY “KHÔNG LÀ” TRONG NHƯ
LAI TÀNG BẢN THỂ CHÂN NHƯ MÀU
NHIỆM**

Này Phú Lô Na! Như Lai tàng vốn nhiệm màu trong sáng, vượt ngoài sự phê phán đánh giá "là" hay "**không phải là**". Vậy nên, chúng sanh trong ba cõi và hàng Thanh văn, Duyên giác dùng cái tri thức cạn cợt thì làm sao mà đo lường Bồ đề Vô thượng của Như Lai. Đem ngôn ngữ hạn cuộc của thế gian mà diễn đạt cái tri kiến Phật thậm thâm sao cho đến được! Ví như các nhạc khí: Dương cầm, phong cầm, lục huyền cầm... dù có âm thanh tuyệt diệu, nhưng nếu không có bàn tay điêu luyện của nghệ sĩ tài hoa thì cũng không phát ra được những tiếng hay. Thầy và chúng sanh cũng vậy. Chân tâm giác minh mọi người đều đầy đủ. Thế mà Như Lai ấn ngón tay thì rực rỡ hào quang, còn các thầy vừa móng tâm thì trần lao đã nổi dậy. Đó là do các thầy không siêng năng cầu vô thượng giác, mà ham ưa pháp Tiểu thừa, được chút ít cho là đủ!

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Như Lai tàng là bản thể chân như của hiện tượng vạn pháp.

Chân có nghĩa là không gì phá hoại được.

Như có nghĩa là không thể xây dựng thêm gì được nữa.

Như Lai tàng rời tất cả tướng thế gian, nhưng không phải là ở cảnh giới xa xăm nào khác. Như Lai tàng là tất cả pháp, nhưng không phải ai cũng nhận biết rằng: Mình đang sinh hoạt trong Như Lai tàng. Như Lai tàng hiện hữu trong hiện tượng vạn pháp, biểu hiện thông qua hiện tượng vạn pháp. Thế mà chúng sanh suốt cả cuộc đời chỉ biết có hiện tượng vạn pháp mà không hề nghĩ đến bản thể Như Lai tàng mâu nhiệm. Như Lai tàng là sức sống vô tác nhậm vận của con người, là sanh khí hồn nhiên của hiện tượng vạn pháp. Cho nên người ta xem thường xem rẻ nó. Người ta xem thường xem rẻ nó cũng như người ta đã từng xem rẻ hơi thở của lỗ mũi, của buồng hô hấp, của sự co bóp nhịp tim họ, họ xem rẻ cái thấy của mắt, họ xem rẻ thứ nước cam lồ trong miệng của họ. Có mấy ai quan tâm xem trọng những thứ quý giá vô giá

ây đầu. Mà người ta rất quý giá giấy bạc và những khâu vàng... Thế là người ta quý cái ngon mà xem thường cái gốc của sự sống của chính mình!

Nhận thức vấn đề "Là" hay "Không là" chúng ta nên học theo cái tâm trạng của người trí ngắm biển trong một buổi hoàng hôn trời đẹp. Người ta không băn khoăn thắc mắc rằng: Sóng là nước hay sóng không là nước. Vì người ta biết rằng: Sóng và nước không phải là một, nhưng cũng không được bảo đó là hai. Không phải một vì sóng là sóng, sóng không phải nước. Không được bảo hai, vì sóng là hiện tượng của nước, nước là bản thể của sóng. Múc lên một chén sóng, cũng tức là múc được một chén nước rồi vậy.

*

* *

MÊ VỌNG KHÔNG CÓ NGUYÊN NHÂN. HẾT MÊ LÀ BỒ ĐỀ (GIÁC)

Phú Lô Na thưa: Bạch Thế Tôn! Chân tâm thanh tịnh giác ngộ viên mãn của tôi và của Như Lai không khác. Vậy mà tôi thì bị vọng tưởng điên đảo sai sử, cho nên bị quay cuồng khổ đau trong sáu nẻo, nay dù được thánh quả mà còn chưa rốt ráo. Thế Tôn thì các vọng được gạn lọc sạch trong, còn thuần một tâm tánh chân thường màu nhiệm. Tôi xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh do nguyên nhân nào mà có vọng để rồi tự che mất tâm tánh sáng suốt nhiệm màu của mình, phải chịu luân hồi trôi nổi khổ đau?

Phật bảo: Phú Lô Na! Thầy dù trừ được tâm nghi, nhưng tư tưởng mê lầm chưa hết. Thầy há không nghe trong thành Thất La Phiệt có chàng Diên Nhã Đạt Đa, vào một buổi sáng mai đứng trước gương soi mặt, bỗng dưng ham thích cái đầu trong gương, còn cái đầu của mình tự bấy lâu nay anh ta cho là đồ yêu quái, vì anh chẳng thấy được mày, mắt, mặt, mũi, đẹp đẽ như cái mặt trong gương. Rồi chàng ta kinh hãi phát điên ôm đầu chạy hoảng.

Phú Lô Na! Thầy nghĩ thế nào! Diễn Nhã Đạt Đa do nguyên nhân gì bỗng dung phát điên ôm đầu chạy hoảng?

Bạch Thế Tôn! Tâm người ấy điên chớ không duyên có gì khác.

Phú Lô Na! Tánh giác thì tròn đầy sáng suốt mâu nhiệm từ xa xưa nhần nay không lúc nào tạm vắng ở trong thầy. Còn cái vọng? Đã gọi là vọng thì làm sao có nguyên nhân! Nếu có nguyên nhân thì sao gọi là vọng được? Vọng tương tự xoay vần làm nhân cho nhau, từ cái mê này nảy thêm cái mê khác tích lũy chồng chất theo tháng ngày. Cho nên dù Phật chỉ rõ mà thầy hãy còn chưa biết trở về. Cái nhân của mê do mê mà tự có. Biết được cái mê không có nguyên nhân thì cái vọng không có chỗ gá sanh. Thế thì cái sanh còn không có, còn đem cái gì để làm cái diệt? Giả sử có cái diệt thì diệt để diệt cái gì?

Phú Lô Na! Người được đạo Bồ đề ví như người tỉnh giấc kể chuyện trong chiêm bao. Tâm ghi nhớ rõ ràng nhưng không sao lấy vật trong chiêm bao ra được, huống chi cái mê vốn không, không nhân, không gì cả thì tìm sao cho nó có cội nguồn? Như cái điên của chàng Diễn Nhã đầu có nguyên nhân, tự sợ đầu mình mà bỏ chạy. Khi hết điên thì cái đầu cũng vẫn là cái đầu của

anh vốn có. Lúc điên loạn cũng không vì vậy mà anh tạm mất cái đầu.

Phú Lô Na! Tánh của cái vọng là như vậy, làm sao tìm có nguyên nhân? Thầy chỉ cần đi ngược dòng tương tục của ba thứ: Thế gian, nghiệp bất thiện và chúng sanh, ba duyên đã chặt đứt thì ba nhân chẳng có cơ sở để sanh. Bây giờ cái tánh điên cuồng Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm thầy tự hết. Hết tức là Bồ đề. Cái chân tâm trong sáng khắp cùng pháp giới xưa nay không có ai cho mà tự được, chẳng cần tu chứng nhọc nhằn vất vả! Ví như người có hạt như ý châu trong vạt áo mà không biết không hay, gần suốt cuộc đời tha phương cầu thực cùng khổ lang thang. Bỗng có người thiện hữu phát hiện chỉ hạt châu cho, bây giờ người cùng khổ trở thành giàu có nhất đời, ngồi gẫm lại nửa đời lưu lạc tự hận cho số kiếp đại khờ: Thì ra viên như ý châu không phải từ ngoài, do ai đem đến!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thực quá rõ ràng, không còn dạy cách nào rõ hơn nữa được:

Vọng không có nguyên nhân, vì không nhân nên mới gọi vọng. Vọng ở đây nhằm ám chỉ cho mê, tánh mê, tánh bất giác, tánh phiền não đột xuất ở tâm tánh con người. Người đệ tử Phật có tư duy sẽ nhận thấy rõ về vấn đề mê và giác ở chính bản tâm mình: Mê vọng thuộc khách trần. Giác minh ví như hư không và chủ.

Biết được mê không có nguyên nhân thì vọng không có chỗ gá sanh. Đã không có sanh thì khỏi đặt vấn đề diệt. Do vậy:

Khỏi câu chân

Khỏi diệt vọng

Biết được: “Vọng nguyên vô xứ tức Bồ đề”.

Vấn đề tu chứng Bồ đề, Như Lai đã từng nói: Như Lai nào có chứng đắc gì đâu. Nằm ngủ trên giường mà rên siết khóc kêu thì người ta gọi đó là người đang cơn ác mộng. Lúc tỉnh dậy rồi chính mình nằm trên giường đó có chấn ám nệm êm, thì ra không phải chiếc giường là nguyên nhân gây đau khổ. Giác sanh, mê diệt là vậy.

Cũng như người ta tạo hoàn cảnh vui đến thì dữ kiện khổ tự nó mất đi.

Nghèo khổ là nghèo khổ, dù đang hỏi nghèo khổ mà như ý bảo châu vẫn y nhiên trong chéo áo của kẻ cơ hàn. Ngày phát hiện như ý bảo châu, trở thành người cự phú thì ra hạt châu vốn là hạt châu trong chéo áo mình đã sẵn có tự bấy lâu nay.

LẠI RƠI VÀO NHẬN THỨC ĐỐI ĐÃI CỦA THUYẾT NHÂN DUYÊN VÀ TỰ NHIÊN

Bấy giờ thầy A Nan đánh lễ dưới chân Phật mà bạch rằng: Đức Thế Tôn nói về các nghiệp sát, đạo, dâm và ba duyên đoạn rồi thì ba nhân không sanh, tánh điên Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự hết, hết tức Bồ đề không do ai đem đến.

Bạch Thế Tôn! Như thế rõ là nhân duyên rồi, tại sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chẳng riêng gì tôi mà một số Thanh văn trong hội này như: Thầy Đại Mục Kiền Liên, thầy Xá Lợi Phất, thầy Tu Bồ Đề... đều do nghe lý Nhân duyên của Phật mà phát tâm, mà tỏ ngộ được thành quả Vô lậu.

Nay Phật dạy Bồ đề không do nhân duyên. Vậy thì các thuyết Tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xa Ly thành Vương Xá lại là Đệ nhất nghĩa rồi sao? Xin Phật rũ lòng đại bi chỉ giáo cho kẻ chưa hết mê mờ!

Phật bảo: A Nan! Theo ý thầy thì chàng Diễn Nhã Đạt Đa kia, nếu diệt trừ hết "Nhân duyên điên" thì tánh "Tự nhiên không điên" hiện

ra. Lý Nhân duyên, Tự nhiên theo hiểu biết của thầy, luận đến cùng là như vậy?

Này! A Nan! Cái đầu chàng Diễn Nhã Đạt Đa vốn là tự nhiên. Nếu nó đã tự nhiên, vậy do nhân duyên gì mà sợ cái đầu phát điên ôm chạy? Đầu vốn tự nhiên, vì nhân duyên gì mà điên? Tại sao không vì nhân duyên gì mất đi để khỏi điên?

Cái đầu không mất, cũng chẳng thay đổi chút nào. Còn cái điên sợ là do mê vọng mà có, không bởi cũng chẳng tại nhân duyên mà có ra. Nếu tánh điên vốn là tự nhiên, tự nhiên sẵn có tánh hoảng sợ. Vậy lúc chưa điên, cái điên ẩn trú chỗ nào? Tánh hoảng sợ nương náu nơi đâu? Nếu tánh không điên là tự nhiên thì trong đầu chẳng có việc gì, có sao lại phát điên ôm đầu chạy?

Nếu hiểu kỹ rằng: Cái đầu là đầu của mình sẵn có rồi, biết chắc rằng: Vì điên mà ôm đầu chạy hoảng, thì cái thuyết Nhân duyên, Tự nhiên đều là hý luận. Thế nên Như Lai nói: Ba duyên đoạn rồi là Bồ đề tự hiện. Nếu bảo rằng: Đoạn ba duyên rồi thì Bồ đề tâm sanh vì tâm sanh diệt đã diệt, thì đó cũng chỉ là sanh diệt trong vòng đối đãi.

A Nan! Bò đê Niết bàn còn xa nếu thầy không siêng năng tu tập! Dù thầy có nhớ hết diệu nghĩa cả 9 bộ kinh của Như Lai cũng chỉ thêm nhiều hý luận! Dù thầy có đa văn, thầy cũng vẫn không tự hóa giải nạn Ma Đăng Già! Dù học giỏi, nhớ nhiều, biết rộng mà không tỉnh thức cũng không bằng một ngày chuyên tu Vô lậu nghiệp, xa lìa hai khổ thương ghét thế gian.

... Ma Đăng Già trước kia có tính lẳng lơ và ham mê dục vọng, giờ đây do được nghe Thủ Lăng Nghiêm diệu pháp của Như Lai mà diệt được tâm ái dục. Nàng đã phát tâm theo Phật, hiện có tên là Tánh Tỳ kheo ni. Còn Da Du Đà La, nàng đã tỏ ngộ và nhận thấy cuộc đời quá nhiều khổ đau, biết rõ tham ái là khổ. Cả hai cùng phát chí xuất gia, cho nên người thì ra khỏi buộc ràng, kẻ được Phật ngợi khen. Còn thầy! Sao thầy tự khinh mình để mắc mứu mãi trong vòng nghe thấy?

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tất cả hiện tượng vạn hữu không có một sự vật nào tự nhiên mà có. Đơn vị của sa mạc là từng hạt cát tí ti, đơn vị của núi cao là những hòn đá nho nhỏ, đơn vị của biển cả là sóng, ngòi, khe, lạch cho đến những giọt sương chiều. Cho nên không thể tự nhiên mà có tòa cao ốc sừng sững hiên ngang trong đô thị.

Không phải tự nhiên, thì thầy A Nan phải xoay sở phía nhân duyên vậy. Nhưng khổ thay! Thầy A Nan chưa hiểu bản thể chân như của hiện tượng vạn pháp!

"Tất cả các pháp này, từ xưa nhân nay, rời ngôn thuyết, rời văn tự, rốt ráo bình đẳng, thể của nó là Không. Thể Không tức là bản thể chân như vậy".

Do vậy, đem ngôn ngữ luận đàm, đem văn tự miêu tả rằng nhân duyên rằng tự nhiên... thì làm sao chẳng bị Phật quở là hý luận.

Làm sao tìm được đầu mối nguyên thủy của sự vật để gọi là nhân? Nhân đã không tìm được thì duyên chỉ là cái nhân phụ, đem dùng vào việc gì? Phật ví dụ điển hình về cái điên của anh

chàng Diễn Nhã Đạt Đa để cho người đệ tử Phật suy nghĩ kỹ về cái "Tự nhiên" và "Nhân duyên" cụ thể. Nếu đã là tự nhiên không điên thì nhân duyên gì phát điên ôm đầu chạy hoảng?

Thế nên biết rằng: *Tự nhiên đã sai lầm, nhân duyên cũng chỉ là hý luận mà thôi.*

Sự thật của hiện tượng vạn pháp, phát nguyên từ bản thể chân như mẫu nhiệm. Nó ly tất cả ngữ ngôn văn tự.

*

* *

A NAN TRẦN THUẬT CHỖ THÂM NGỘ VÀ THỈNH VẤN PHÁP TU GIẢI THOÁT

A Nan và đại chúng nghe Phật dạy, những mối nghi hoặc được trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an được cái vui chưa từng có. Người người cảm kích sung sướng đến rơi nước mắt.

Bấy giờ, A Nan đứng dậy đánh lễ dưới chân Phật thưa: Bạch Thế Tôn! Đức Đại bi Vô thượng Thanh Tịnh Bảo Vương khéo dùng phương tiện: Nhân duyên, thí dụ, lời lẽ mở mang tâm trí, hướng dẫn chúng tôi ra khỏi biển khổ tối tăm. Dù vậy, tâm trạng tôi vẫn còn là tâm trạng của kẻ lữ hành phiêu bạt, bỗng gặp Pháp Vương cho ngôi nhà tráng lệ nguy nga, tuy được nhà lớn song điều cốt yếu là phải biết cửa để vào. Cúi xin Như Lai đem lòng đại bi chỉ dạy cho những kẻ tối tăm trong hội này biết cách uốn dẹp tâm điên đảo lâu đời để được tâm khai ý giải, thể nhập Phật tri kiến.

Đức Thế Tôn thương xót đại chúng, ôn tồn khuyên bảo: Nếu các thầy quyết định phát tâm Bồ đề đối với Thủ Lăng Nghiêm Đại Định

không sanh tâm mỗi mệ, thì trước hết hãy nhận thức rõ ràng về hai nghĩa quyết định sau đây:

*

* *

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ NHẤT

PHẬT DẠY RÕ VỀ SỰ TÁC DỤNG CỦA SẮC TÂM VÔ THÍ

A Nan! Nếu các thầy muốn chứng nhập Phật tri kiến, nên xét kỹ nguyên nhân phát tâm và quả sở chứng mà các thầy mong đạt đến. Nếu đem tâm sanh diệt, tham cầu phước báo mà mong được quả Vô thượng Bồ đề thì không thể có.

Thầy hãy tư duy quán xét thân thầy! Chất cứng là Địa, tánh ướt là Thủy, hơi ấm là Hỏa, khí động là Phong, gọi chung đó là tứ đại. Do tứ đại kết tụ thành thân thầy, rồi cái thể tánh giác minh nhiệm mầu cố hữu nó tác dụng vào. Từ đó, thể tánh giác minh bị phân hóa thành ra cái thấy, cái nghe, cái ngửi, cái nếm, cái xúc, và cái biết. Và cũng từ đó, con người và môi trường sống của con người trở thành năm lớp ô trược.

A Nan! Ví như nước trong vốn là thanh khiết bản nhiên. Còn bụi, đất, than, tro là những thứ chướng ngại cho những gì trong sáng và thanh khiết ấy. Bỗng dưng có người lấy bụi đất, than, tro làm rơi vào cốc nước sạch thì nước sạch hóa ra vẩn đục. Sự vẩn đục đó gọi là ô trược. Năm lớp ô trược của thầy thì cũng như vậy.

*

* *

KHAI THỊ VỀ NĂM THỨ Ô TRUỘC

A Nan! Như thầy thấy đó. Hư không khắp cùng mười phương thế giới, cái không và tánh thấy không thể tách rời. Cái không không thực thể, tánh thấy không có giác tri. Hai thứ tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ nhất gọi là **Kiếp trược**.

Thân thầy kết tụ tứ đại làm tự thể. Chính tự thể của thầy làm trở ngại, hạn chế cái tánh thấy, nghe, hiểu biết, khiến cho tánh thấy, nghe, hiểu biết tác dụng vào tứ đại của thân thầy, vọng thành lớp thứ hai gọi là **Kiến trược**.

Tâm thầy có công dụng nhớ nghĩ suy tư thuộc về phần tri kiến. Tri kiến được biểu hiện qua lục trần, rời trần không có tướng, rời tri giác

không có tánh. Tri giác và lục trần tác dụng vào nhau, vọng thành lớp thứ ba gọi là **Phiền não trực**.

Thân tâm thầy thì ngày đêm sanh diệt không ngừng. Cái tri kiến thì muôn lưu mãi ở thế gian, nhưng sức nghiệp của thầy thì vọng động đổi dời. Hai sự kiện mâu thuẫn nhau nhưng lại tác dụng vào nhau vọng thành lớp thứ tư gọi là **Chúng sanh trực**.

Lại này! A Nan! Tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc và biết vốn không sai khác. Do lục trần cản trở vô có lại sanh khác nhau. Vì vậy trong thể thì đồng, mà dụng lại khác. Đồng và khác mất chuẩn đích. Hai sự kiện tác dụng vào nhau, vọng thành lớp thứ năm gọi là **Mệnh trực**.

DỰA VÀO NHÂN TU MÀ SUY BIẾT QUẢ SỞ CHỨNG

A Nan! Nay thầy muốn cho tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết của thầy hợp với bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai thì trước hết phải lựa bỏ những gì là gốc rễ sanh tử, để tùy thuận tánh sáng suốt tràn đầy không sanh không diệt và chuyên hóa những tánh hư vọng sanh diệt trở về bản giác tịnh minh. Dựa trên bản

giác tịnh minh làm nhân địa tu hành thì quả địa chứng đắc mới viên mãn Vô thượng. Ví như việc làm của người lóng nước, nước đục đựng trong lu hồ, để yên và yên mãi không chao động, cát tro bụi đất chìm lắng xuống thì nước trong hiện ra. Đây là giai đoạn uốn dẹp, khách trần phiền não của hành giả cũng y như vậy. Sau đó gạn bỏ sạch hết cặn cát tro bụi, chỉ còn thuần nước trong. Bây giờ mới gọi là người dứt hẳn căn bản vô minh, chỉ còn tướng sáng suốt thuần tịnh thì những biểu hiện của ba nghiệp không còn là bất thiện nữa. Bây giờ nhất cử, nhất động hợp với các đức tánh nhiệm màu: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết bàn Phật.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ngộ, không mê đã là khó. Giải ngộ là một bước tiến khó hơn. Thâm ngộ, cần có quá trình tư duy sâu sắc. Cho đến khi nào chứng ngộ mới đạt mục đích của người tâm tu giải thoát.

Thầy A Nan nghe pháp đến đây đã thâm ngộ. Thầy nhận rõ Như Lai tàng bản thể trùm chứa cả không gian thời gian, gọi chung trong cái từ vũ trụ. Như Lai tàng tự nó không có vô minh, nó là cái toàn thể trong sáng bản nhiên thanh tịnh. Dù vậy, thầy còn là kẻ đờn nhà đẹp mà chưa biết cửa để vào, vì thầy chưa là người chủ đích thực sử dụng ngôi nhà. Điều đó nói lên: Thầy chưa là người **chứng ngộ** Chân tâm mình diệu bản thể Như Lai tàng.

Trong nghĩa quyết định thứ nhất, Phật dạy rõ về sự tác dụng của sắc tâm, khai thị về năm thứ ô trược, chỉ dạy về cách tìm hiểu quả vị chứng đắc ở tương lai.

Vấn đề sắc tâm tác dụng lẫn nhau, nhìn cách nào đó thì nó là trùu tượng. Nhưng vận dụng cái nhãn quan vật lý mà nhìn thì người ta nhận thức nó là cụ thể. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không ngũ đại là vật lý. Kiến đại và Thức đại là hai hiện tượng mà không hình tượng, nó là một loại vô biểu sắc, và thế kỷ 21 ngày nay người ta gọi cho nó cái tên là “Phi vật thể” ở trong bản thể Như Lai tàng. Chúng tác dụng lẫn nhau như ánh sáng mặt trời tác dụng vào cỏ cây để rồi sanh ra chất xanh, hồng, vàng, tím... nuôi dưỡng cỏ cây hoa trái...

Tuy nhiên sự tác dụng của tâm lý và vật lý có khác với vạn vật vô tình trên. Tâm lý có tánh tri giác cho nên con người có thể sanh bất giác. Hiện tượng bất giác ở đoạn kinh này, Phật gọi đó là Ngũ trược (năm thứ vẫn đục).

Người đệ tử Phật phát tâm tu hành thì ai cũng hy vọng ngày công viên quả mãn. Nhưng hy vọng mà không được cầu khẩn van xin. Hãy dựa vào sự phát tâm và nhân tu của mình mà đoán biết cái quả sở chứng của mình. Tu nhân hữu lậu, phát xuất từ ý chí hẹp hòi tiêu cực thì không thể thành quả Vô thượng Như Lai. Dựa trên thể tánh tịnh minh mà tu: Sống đúng, sống hợp thì không hy vọng, khỏi cầu xin, mà Vô thượng Bồ đề tự hiện, như nước trong, trăng hiện, người đào ao khỏi lãng phí hơi sức van vái “ông trăng”!

*

* *

NGHĨA QUYẾT ĐỊNH THỨ HAI

TRẮC NGHIỆM SỰ ĐIÊN ĐẢO Ở CĂN HAY Ở TRẦN ĐỂ TÌM MỐI MẠNH MỎ GÚT

A Nan! Thầy quyết phát tâm Bồ đề thì đối với con đường Bồ đề hãy sanh tâm đại dũng mãnh. Thầy hãy xét rõ cội rễ phiền não biểu hiện qua ba nghiệp của thầy. Phiền não đó ở đâu đến? Ai làm? Và ai chịu?

A Nan! Người tu đạo Bồ đề, nếu không quán xét cội rễ phiền não thì không biết căn, trần hư vọng điên đảo ở chỗ nào. Chỗ còn không biết thì làm sao chế phục, để chứng đắc quả vị Như Lai!

A Nan! Thầy hãy xem người thế gian mở gút, nếu không biết chỗ thắt thì làm sao mở được? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm ý của thầy tự làm mai mối cho giặc cướp hết của báu trong nhà thầy. Cũng vì vậy mà tất cả chúng sanh trong vũ trụ tự ràng buộc lấy mình. Cho nên cái tri kiến của thầy không ra ngoài sự vật thế gian.

CĂN CẢNH LÀ NGUỒN GỐC CỦA SỰ BUỘC RÀNG. THÁO GỖ BUỘC RÀNG HÃY TÌM MỘT CĂN THỦ THẮNG NHẤT

A Nan! **Thế** có nghĩa là thời gian, là quá trình sanh diệt diệt sanh của hiện tượng vạn hữu. **Giới** là không gian, biểu hiện qua mặt bằng rộng hẹp, kích thước ngắn dài, qui mô cao thấp và phương hướng tả hữu, trước sau. Phương hướng mà người thế gian nhận rõ là: Đông, Tây, Nam, Bắc bốn phương. Thời gian có ba là: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Lấy không gian và thời gian nhân cho nhau: Bốn nhân ba, hay ba nhân bốn thành con số mười hai. Tuy nhiên xét chỗ hơn kém thì công dụng lợi ích của sáu căn không nhất thiết đồng nhau.

Xét về **nhãn căn** thì mắt chỉ thấy phía trước và một phần của hai bên. Cho nên luận về mắt chỉ được 8 trên 12 phần công dụng.

Xét về **nhĩ căn** thì lỗ tai có ba đức ưu việt. Viên, Thông và Thường. Luận về nhĩ căn thì có 12 trên 12 phần công dụng.

Xét về **tỷ căn** thì lỗ mũi tương tục chỉ có "hai thì": Thở ra và hít vào. Điểm giao tiếp giữa

"hai thì" gián đoạn. Luận về tỷ căn có được 8 trên 12 phần công dụng.

Xét về **thiệt căn** thì lưỡi có thể phô diễn cùng tốt trí thể gian và xuất gian. Ngữ ngôn tuy hữu hạn mà diệu lý diễn đạt vô cùng. Luận về thiệt căn thì có được 12 trên 12 phần công dụng.

Xét về **thân căn** thì thân biết xúc. Có thể xúc thuận xúc nghịch, nhưng khi hợp thì biết, lúc ly thì không. Luận về thân căn chỉ có 8 trên 12 phần công dụng.

Xét về **ý căn**, ý căn thâm lặng mà dung nạp tất cả pháp thể gian và xuất thể gian, mười phương ba đời, thánh phàm, không pháp nào không bao dung cùng tốt. Luận về ý căn có đủ 12 trên 12 phần công dụng.

A Nan! Thầy muốn ngược dòng sanh tử hãy xét sáu căn thầy hiện thọ dụng. Cái nào hợp, cái nào ly, căn nào sâu, căn nào cạn, căn nào có đủ tánh Viên Thông Thường, căn nào không có đủ tánh Viên Thông Thường. Nếu khai ngộ được một căn Viên Thông Thường, thì cũng có thể chuyển hóa các căn khác trở thành thanh tịnh như nhau và đảo ngược tất cả dòng nghiệp lực trong ba thời. Đối với hiệu quả tu hành, bấy giờ một ngày bằng một kiếp.

Tôi đã chỉ rõ cho thầy: Sáu căn, căn nào cũng trong sáng và đều có số lượng công năng. Tùy thầy chọn lựa, thích hợp căn nào tôi sẽ hướng dẫn cho thầy để ngày thêm tăng tiến.

Như Lai trong mười phương, căn trần thức, 18 giới đều là công cụ để viên mãn Vô thượng Bồ đề. Căn cơ trí tuệ còn non nớt, thầy cần đi sâu tu tập một căn. Một căn thanh tịnh thì sáu căn đồng thời thanh tịnh như nhau.

*

* *

SẮC KHÔNG TÁC DỤNG LẤN NHAU, PHẢN ÁNH RA CĂN CẢNH THÀNH CHỦ THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG

Bạch Thế Tôn! Thầy A Nan thưa. Vì sao đi sâu vào một căn lại có thể khiến cho sáu căn đồng thời thanh tịnh?

Phật bảo: A Nan! Thầy được quả Tu đà hoàn, song tập khí còn nhiều, chưa thể một lúc tháo gỡ những lớp vô minh: Sanh, trụ, dị, diệt.

Thầy hãy xét kỹ, sáu căn hiện tiền là một hay là sáu? Nếu bảo là một thì lỗi tai sao không thấy, con mắt sao không nghe, đầu sao không đi,

chân sao không nói? Còn nếu quyết định cho là sáu thì hiện tôi đang dạy cho thầy pháp môn tu hành, vậy trong sáu căn của thầy, căn nào tiếp thu, căn nào lãnh thọ?

Thầy A Nan thưa: Tôi dùng lỗ tai nghe lời Phật dạy.

Phật bảo: Thầy dùng lỗ tai nghe, vậy thì lỗ tai thầy tự nghe nào dính dáng gì đến thân với miệng, mà miệng thầy thì hỏi nghĩa lý, thân thầy đứng dậy tỏ vẻ kính vâng? Lấy đó mà suy thì căn không phải một cũng không phải sáu, mà cũng một cũng sáu. Tại vì sự chấp mê đảo điên không biết được đầu mối, cho nên cái thể viên minh kia lại sanh ra một, sanh ra sáu. Ví như hư không tham hợp với sự vật: Lu, bình, lọ, cốc, do hình trạng đồ vật khác nhau mà hư không có cái tên khác nhau. Trừ bỏ đồ vật ấy đi thì người ta gọi hư không là một. Sự thật hư không kia không vì thầy mà thành đồng hay khác. Huống nữa lại gọi là một hay không phải một!

Sáu căn hay biết của thầy cũng vậy.

Do hai thứ sáng và tối hiển bày lẫn nhau, cái tánh giác nhiệm màu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là thấy. Cái thấy phản ánh ra gọi là sắc. Cơ quan tiếp thu sắc được gọi

là nhãn căn. Nhãn căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như trái nho.

Do hai thứ động và tĩnh đối chọi nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nghe. Cái nghe phản ánh ra gọi là tiếng. Cơ quan tiếp thu tiếng được gọi là nhĩ căn. Nhĩ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình dáng trông như cái lá sen non.

Do hai thứ thông và bít phát hiện lẫn nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên, phát ra cái gọi là ngửi. Cái ngửi phản ánh ra gọi là hương. Cơ quan thu nạp hương được gọi là tỷ căn. Tỷ căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như hai móng tay dưới xuôi.

Do hai thứ lạt và vị xâm lấn lẫn nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là nếm. Cái nếm phản ánh ra gọi là vị. Cơ quan nhận thức vị được gọi là thiệt căn. Thiệt căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành hình dáng trông như nửa vành trăng.

Do hai thứ hợp và ly cộ sát nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng vào bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là xúc. Cơ quan nhận biết xúc được gọi là thân căn.

Thân căn do tứ đại thanh tịnh hợp thành, hình thể trông như cái trống cơm.

Do hai thứ sanh và diệt tiếp nối nhau, tánh giác nhiệm mầu tác dụng với bản thể trạm nhiên phát ra cái gọi là biết. Cái biết phản ánh ra gọi là pháp. Cơ quan tiếp thụ pháp được gọi là ý căn. Ý căn vốn là tứ đại thanh tịnh, biểu hiện qua khái niệm và tư duy, tựa hồ như chất đậu hủ non (bộ óc).

*

* *

**VỌNG CHỦ THỂ PHÂN BIỆT SANH
ĐỐI TƯỢNG NHẬN THỨC LÀM HẠN
CHẾ TÁNH GIÁC MINH. LỤC CĂN TOÀN
KHUYẾT TRI KIẾN VẪN KHÔNG THÊM
BỚT**

A Nan! Sáu căn của thầy hạn chế là bởi tánh thanh tịnh sáng suốt bị trở thành chủ thể và đối tượng phân biệt. Do vậy, tánh thanh tịnh bản nhiên của thầy bị mất đi tánh trong sáng vốn có, tác dụng với các vọng mà phát ra hay biết. Hiện nay thầy rời tối rời sáng thì không có cái thấy,

rời động và rời tĩnh thì không có cái nghe, rời thông và bít thì không có cái ngửi, không vị không nhạt thì không có cái nếm, không hợp không ly thì không có cái xúc, không diệt không sanh thì cái nhận thức không có điều kiện sanh.

Động, tĩnh, hợp, ly, nhạt, vị, thông, bít, sanh, diệt, tối, sáng, đó là 12 tướng hữu vi. Thầy đừng chạy theo sự chi phối cuốn lôi của chúng. Tùy nghị lực của thầy nhận xét tìm ưu thế của một căn, chặt nhỏ gốc rễ vô minh phiền não, xoay tánh giác minh trở về vị trí bản nguyên minh diệu của nó. Phát huy thế mạnh trừ khử mê mờ, làm chủ được một căn thì năm căn còn lại sẽ được thanh tịnh giải thoát hết.

Đến lúc không cần có tiền cảnh mà tri kiến vẫn phát khởi. Bảy giờ tri kiến giác minh không lệ thuộc nơi căn, chỉ gá vào căn mà phát ra nhận thức trong sáng. Do đó sáu căn bảy giờ có thể dùng thay lẫn nhau, không có gì trở ngại.

A Nan! Thầy có biết chăng! Trong hội này thầy A Na Luật Đà không có mắt mà vẫn thấy. Thần nữ Căn Già không có mũi mà nhận biết hương. Thầy Kiền Phạm Ba Đề lưỡi dị tướng như lưỡi trâu mà biết vị.

A Nan! Nếu các căn của thầy đều được giải thoát thì tánh giác minh tự phát ra. Chùng đó Phù trần căn và hiện tượng vạn hữu thế gian đối với thầy cũng như băng giá gặp nước sôi. Sự nhận thức của thầy bấy giờ trở thành Vô thượng Chánh biến Tri giác.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Lời dạy của Phật có ý nghĩa trọng đại trong nghĩa quyết định thứ hai là: Nên xét rõ nguyên nhân của phiền não từ đâu đến? Ai làm? Và ai chịu?

Phật dạy, khi quán chiếu kỹ càng thì hành giả sẽ thấy được sự điên đảo hư vọng của căn và cảnh. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không khéo chúng sẽ là kẻ trung gian môi giới cho giấc cướp vào nhà tước đoạt hết gia bảo công đức của chúng ta. Người không phát tâm tu Thiện nghiệp, không để tâm quán chiếu tư duy thì mỗi căn như một cái gút. Phiền não vô minh ngày ngày cứ cột thắt mãi vào, càng thắt cái gút càng to thêm, tâm trí dày vò đau khổ ngày thêm chồng

chất. Muốn mở gút hãy tìm gút lỏng mà mở trước nó đi. Mở được một gút thì những gút còn lại sẽ được mở tung hết. Sáu căn của con người chính là sáu cái gút. Con người thường cột thắt mãi, cho nên cuộc sống nhiều phiền não khổ đau. Đừng thắt gút tức là không có ai cột, thì còn ai là người chịu trôi?

Sáu căn của con người vốn chẳng có tội mà còn có thể làm nên nhiều điều thiện. Thiện hay ác không phải lỗi ở sáu căn. Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Phật, người xuất ly Tam giới, người được quả Vô thượng Bồ đề, sáu căn của các Ngài vẫn còn nguyên đó! Vấn đề hơn kém bởi ở chỗ: "Tri kiến lập tri" là nguyên nhân của vô minh vô trí. Còn "Tri kiến vô kiến" là gốc rễ của Niết bàn, Bồ đề Vô thượng.

Con người với không gian: Đông, Tây, Nam, Bắc, với thời gian: Quá khứ, hiện tại, vị lai, gắn bó mật thiết với nhau. Sự tác động qua lại của không gian và thời gian lại tương quan mật thiết với ba thứ thế gian là: Ngũ ấm thế gian, Khí thế gian và Chánh giác thế gian. Do vậy lấy $4 \times 3 = 12$. Tuy nhiên, nhận xét tinh tường, trong đó có những căn ưu mà cũng có những căn khuyết. Vì vậy, người đệ tử Phật tu tập diệt trừ phiền não nên chọn căn ưu việt mà

chính phục vô minh, thì sự thành công nhanh chóng hơn những căn yếu kém.

Thầy A Nan còn thắc mắc vì sao tháo gỡ một căn thì sáu căn đồng thời thanh tịnh, Phật dạy: Sáu căn vốn không phải sáu, mà nói sáu vậy thôi. Lẽ ra phải nói là một, nhưng một không phải một, nên Như Lai tùy thuận chúng sanh mà nói sáu. Bởi lẽ giản dị là: Nếu sáu là sáu, sao mắt thấy cốc sữa ngon, tay bưng đưa vào miệng uống? Nếu là một sao tai nghe nhạc, thân cử động, chân nhảy nhót, miệng ơ ơ hát theo?

Vấn đề căn cảnh cũng chỉ là hiện tượng nhân duyên sắc không tác dụng vào nhau mà hình thành. Tất cả đều: Nhân như thị, duyên như thị, quả như thị, báo như thị và pháp nhĩ như thị, đừng hỏi tại sao!

Khi nào con người làm chủ được sáu căn thì hiện tượng vạn hữu trong thế gian này vẫn còn y nhiên đó, nhưng đối với ta như đã tiêu tán hết tự bao giờ!

Người được quả Vô thượng Bồ đề chỉ là người giác ngộ chân lý trọn vẹn, là người có cái nhìn hiện tượng vạn pháp bằng tri kiến vô kiến vậy thôi!

**PHẬT BẢO ĐÁNH CHUÔNG ĐỂ
NGHIỆM XÉT TÁNH NGHE CỦA NHĨ
CĂN LÀ THƯỜNG TRÚ**

**A NAN NGHI NGỜ: KIẾN VĂN GIÁC
TRI KHÔNG CÓ TỰ THỂ**

Bạch Thế Tôn! Thầy A Nan thưa: Theo lời Thế Tôn dạy về quả sở chúng có những bảy thứ tên gọi: Chân như, Bồ đề, Niết bàn, Phật tánh, Am ma la thức, Không, Như Lai tàng, Đại viên cảnh trí. Dù tên gọi khác nhau, nhưng thể tánh đều thanh tịnh viên mãn, thường trú như Hư không bất hoại.

Bạch Thế Tôn! Các tánh thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết rời các tướng tối, sáng, động, tĩnh, thông, bít, nhạt, mặn, hợp, ly. Cho đến như tâm niệm tư duy rời tiền trần không có cái nào còn tự thể. Vậy thì lấy cái gì làm nhân tu hành để cầu Vô thượng giác thường trú bất hoại như Hư không ấy?

Xin Phật rủ lòng đại từ khai thị chỗ mê chấp cho tôi!

KHAI THỊ TÁNH NGHE CỦA NHĨ CĂN LÀ THƯỜNG TRÚ

Phật bảo: A Nan! Nay tôi đem việc thông thường trước mắt, phương tiện tháo gỡ mối nghi của thầy. Bấy giờ Phật bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, rồi hỏi thầy A Nan rằng:

A Nan! Thầy có nghe gì không?

Có nghe! Thầy A Nan và đại chúng đồng thưa.

Giây lâu tiếng chuông hết kêu. Phật lại hỏi: A Nan! Thầy nghe chăng?

Không nghe, bạch Thế Tôn!

La Hầu La lại đánh một tiếng chuông nữa, Phật nói: Thầy có nghe chăng A Nan!

Có nghe, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi: Thế nào thì thầy gọi là có nghe? Thế nào thì thầy gọi là không nghe?

Thầy A Nan và đại chúng đồng bạch Phật: Có tiếng chuông kêu thì chúng tôi được nghe, hồi lâu tiếng dứt âm vang không còn thì không còn nghe nữa.

Đức Phật lại bảo thầy La Hầu La đánh chuông rồi hỏi tiếp: Theo thầy hiện nay có tiếng không?

Có tiếng, bạch Thế Tôn!

Hồi lâu, tiếng chuông dứt bặt, Phật lại hỏi?

Hiện giờ có tiếng không?

Không tiếng, bạch Thế Tôn!

Phật bảo: Thế nào thì thầy gọi là có tiếng, còn thế nào thầy gọi là không tiếng?

Thầy A Nan và đại chúng đồng thưa: Có đánh chuông, tiếng chuông ngân vang thì gọi là có tiếng, giây lâu tiếng hết, âm vang không còn thì gọi là không tiếng.

Phật bảo thầy A Nan và đại chúng: Sao hôm nay các thầy nói lộn xộn điên đảo như thế?

Đại chúng và A Nan bạch Phật: Vì đâu Phật bảo chúng tôi lộn xộn và điên đảo?

Phật dạy: Tôi bảo về cái nghe thì các thầy nói là nghe! Tôi hỏi về tiếng thì các thầy cũng nói là tiếng! Chỉ có cái nghe và cái tiếng mà các thầy trả lời không nhất định, còn không phải điên đảo lộn xộn là gì?

A Nan! Biết có, biết không là do có tiếng hay không có tiếng. Có tiếng thì nghe động, không tiếng là nghe tĩnh, chứ không phải không tiếng tánh nghe không còn. Nếu tánh nghe không còn thì lấy cái gì biết là không tiếng?

A Nan! Cái tiếng đối với cái nghe tự có sanh có diệt, nhưng không phải vì sự sanh hay diệt của tiếng mà tánh nghe của thầy tùy có tùy không. Thầy còn lộn lạo làm cái tiếng mà cho là cái nghe, thảo nào chẳng mê mờ cái viên thường mà cho là đoạn diệt! Thầy không nên làm tướng rời các thứ động, tĩnh, tối, sáng, thông, bí... là cái nghe... không còn. Thầy nên hiểu rằng: Tánh nghe không những thường hằng trong khi thức, mà nó thường hằng cả trong lúc thầy ngủ say sưa!

Chúng sanh từ xưa đến nay, theo sự lôi cuốn của sắc, thanh, theo vọng niệm mà lưu chuyển, không hồi quang phản chiếu cái bản tánh thanh tịnh diệu thường, bỏ sót mất tánh thường, chỉ buông xuôi theo dòng sanh diệt! Do vậy mà đời sống của con người lặn hụp trong tạp nhiễm, luân chuyển khổ đau. Nếu biết rời bỏ những cái sanh diệt, giữ lại tánh chân thường sáng suốt nhiệm mầu thì lục căn, lục cảnh, lục trần, lục thức tiêu vọng tại chỗ. Bởi vì trần là cái

tướng của vọng tưởng, câu là vọng tình phân biệt của con người. Xa lìa hai thứ trần cấu thì Pháp nhãn của thầy tức thì trong sáng, cái nhận thức của thầy bấy giờ là nhận thức của con người Vô thượng Chánh biến Tri giác, đồng với chư Phật mười phương ba đời vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thầy A Nan còn ngại ngùng rằng: Cái quả sở chứng có nhiều, nhưng quả nào cũng là chân, là thường, là bất hoại. Còn tánh thấy, nghe... vốn là vọng. Lấy vọng làm dữ kiện tu nhân thì thầy sợ rằng: Hoa đóm không thể nào kết nụ thành ra quả được! Sự ngại ngùng ấy nói lên tâm thấy biết rộng xa của thầy A Nan, là điều đáng khuyến khích. Tuy nhiên với tri kiến đờ đỏi với bậc đại trí thể nhập Thủ Lăng Nghiêm, chỉ là cái thấy biết của con người biết một mà chẳng biết hai.

Bằng một sự kiện giản đơn trước mắt, Phật bảo La Hầu La đánh chuông để trắc nghiệm tánh nghe của nhĩ căn là "Thường trú" thì cái

"thấy biết rộng xa" của thầy A Nan không còn là việc đáng để lòng và cần khuyến khích.

"Tiếng không, không phải tánh nghe không có. Tiếng có, không phải tánh nghe mới sanh". Đó là vấn đề thực tiễn mà ai cũng có thể trải nghiệm được ở bản thân mình. Và đây, Phật chỉ mới đề cập ở một đức Thường. Thực tế người ta còn trải nghiệm được cả đức Viên và đức Thông của nhĩ căn, mà đức Phật sẽ dạy tiếp ở một đoạn kinh sau.

Nói nhĩ căn, nhưng người đệ tử học Phật còn phải tư duy ôn lại công dụng của sáu căn. Trong sáu căn dù có ru có khuyết không đồng đều, nhưng không có căn nào rời cảnh mà mất đi công năng thanh tịnh và thường trú của nó!

*

* *

**HIỂU BIẾT CHÔNG THÊM HIỂU
BIẾT LÀ GÓC RỄ CỦA VÔ MINH. HIỂU
BIẾT VẠN PHÁP ĐÚNG NHƯ THẬT LÀ
MỞ ĐƯỢC CÁNH CỬA VÀO THÀNH ĐỒ
NIẾT BÀN TRONG HIỆN TẠI**

A NAN LẠI HỎI VẤN ĐỀ MỞ GÚT

A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Dù Phật đã dạy nghĩa quyết định thứ hai về công việc tháo mở gút. Song tôi nghĩ rằng những người mở gút nếu không biết đầu mối của gút ở đâu thì ắt hẳn không thể nào mở được.

Bạch Thế Tôn! Tôi và hàng Thanh văn hữu học trong hội này cũng vậy. Từ khi phát tâm tu học đến nay, chúng tôi cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh. Tuy được nghe nhiều Phật pháp, mang tiếng xuất gia mà như người sót rét cách nhật chột tỉnh chột mê. Xin đức Đại Từ thương xót kẻ đắm chìm, chỉ cho tôi ở nơi thân tâm này cái gì là gút? Và muốn mở phải khởi sự như thế nào?

KHAI THỊ CHÂN LÝ VÓN KHÔNG HAI. PHẬT PHẬT ĐẠO ĐỒNG

A Nan! Thầy muốn biết cái gì là gút thắt khiến cho thầy luân hồi sanh tử khổ đau! A Nan! Cái gút thắt khiến cho thầy xoay vần trong cuộc sống khổ đau chính là sáu căn của thầy, chứ chẳng phải cái gì khác!

Thầy lại cũng muốn biết phải làm sao mau đến chỗ an lạc, giải thoát, tịch tĩnh Vô thượng Bồ đề? Nay A Nan, thì cũng chính là sáu căn của thầy đó, chứ chẳng phải cái gì khác!

CĂN CẢNH CÙNG MỘT GÓC, CỘT MỞ KHÔNG HAI NGUỒN

Thầy A Nan tâm còn lưỡng lự ôm mối hoài nghi, cúi đầu thưa Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao cái nguyên nhân khiến cho tôi xoay vần trong cuộc sống khổ đau và khiến cho tôi được Bồ đề, Niết bàn lại cũng là do sáu căn chứ không phải cái gì khác?

Phật dạy: A Nan! Căn và trần đồng một bản thể, cột hay mở chẳng phải đợi hai. Cái thức phân biệt của thầy chỉ là hư vọng như hoa đốm trong hư không. Nhân nơi cảnh mà phát ra cái

nhận biết của căn. Nhân nơi căn mà có cái sắc tướng của cảnh. Chủ thể năng kiến và đối tượng sở kiến chỉ là sự phản ánh tác dụng qua lại mà có ra. Tự tánh của chúng thật sự là không có tự tánh gì. Sự hiện khởi duyên sanh của chúng như những cái hình của những đám lau sậy gác chéo vào nhau...

Vậy nên: Hiểu biết mà chông lên hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết rồi xóa đi hiểu biết mới tìm thấy Niết bàn! Cần chi trong đó phải có cái gì khác, A Nan nhi!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tâm lý của thầy A Nan cũng chính là tâm lý chung của những người đệ tử Phật. Có ai biết trong ta cái gì là gốc, để tránh khỏi cuộc sống xoay vần lẩn quẩn khổ đau? Người ta thường có quan niệm: Thành Phật phải là cái gì vĩ đại, xa xăm và ghê gớm lắm. Chính thầy A Nan học Pháp đến đây mà vẫn còn tư tưởng tịt mù xa

xăm đó, thì trách chi những hàng bạc địa phàm phu!

Thì ra sự thật lại quá giản đơn. Vấn đề tìm gút và mở gút là vấn đề trước mắt. Nó chẳng ở đâu xa, cũng chẳng phải do ai đem đến. Gút hay mở chính là sáu căn của thầy A Nan. Sáu căn của thầy A Nan cũng chính là sáu căn của tất cả mọi người đệ tử Phật chúng ta ai ai cũng có. Thương, ghét, thân, sơ, hi, nộ... là gút, là thắt đó. Tì, Bi, Hỷ, Xả, Thiên định, Trí tuệ... là mở, gút sẽ được tháo tung.

Yếu lý ở đoạn kinh này, đức Phật đúc kết trong triết lý:

"Tri kiến lập tri tức vô minh bốn

Tri kiến vô kiến tư tức Niết bàn".

Chảo lầy điều ngoa đồng nghĩa với cột gút, thắt thêm nhiều lớp. Thật thà, chất phác là công dụng của sự tháo gút mở dây.

*

* *

TÓM LƯỢC Ý THỨ CỦA NHỮNG ĐOẠN KINH TRÊN QUA BÀI TRỪNG TỤNG

Chân tánh của pháp Hữu vi là không
Vi duyên sanh, sanh như huyễn hóa
Vô vi thì không có khởi diệt
Vi chẳng thật, như hoa đóm trong hư
không!

Phủ định vọng, nhằm khẳng định có chân
Nếu chấp **chân**, thì vọng chân đều vọng.
Chân và phi chân còn không có
Thì năng kiến, sở kiến có thực gì!
Thức ở trung gian, không thực tánh
Như lau sậy gác chéo lên nhau
Cột hay mở đồng một bản nhân
Thánh và phàm không hai ngã tẻ.
Hãy trông hình những cây lau gác
Pháp không, pháp có, cả hai không.
Mê mờ chân lý đó là vô minh
Phát minh được chân lý tức là giải thoát!
Mở gút phải theo thứ lớp
Sáu gút mở hết, cái một không còn.

Dựa nơi căn mà chọn tánh **Viên Thông Thường**

Quả Nhập lưu được xem là thành Phật!

Thức A đà na vi tế quá

Tập khí như nước thác tuôn theo

Vì sợ chấp **chân, phi chân**

Như Lai không thường nói đến.

Tự tâm chấp tự tâm

Pháp phi huyễn trở thành pháp huyễn

Không chấp, pháp **chân** còn không có

Pháp chân vốn đã chẳng có sanh

Thì pháp huyễn do đâu thành lập?

Như huyễn Tam ma bát đề là vậy

Đó là bảo giác, chắc như Kim Cương

Vương

Không nhiễm như Diệu Liên Hoa

Khả móng tay vượt hàng Vô học

Đây là pháp của Phật mười phương

Là đại lộ vào thành đô Niết bàn Phật!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Pháp Hữu vi không có tự thể, thực chất của nó là không. Vì nhân duyên sanh cho nên có. Có mà không thật có nên gọi là như huyễn.

Nhằm phủ định huyễn hữu mà phải đề cập vô vi. Kỳ thực chẳng có cái gọi là vô vi nào cả. Cái không có sanh khởi, không có diệt tận gọi đó là vô vi. Vậy thì vô vi đồng nghĩa với không có gì. Người đệ tử Phật không bao giờ hy vọng ở cái gọi là vô vi, dù được người ta quảng cáo vô vi là cảnh giới an vui hạnh phúc! Phủ định vọng nhằm để khẳng định cái chân. Nhưng phải hiểu: Hết vọng là chân, mà không cầu chân trong khi hết vọng. Hết vọng cầu chân là tìm thêm một cái đầu để chòng lên cái đầu mình đã có. Đó chẳng phải là tâm trạng của kẻ điên loạn là gì?

Phân biệt, đánh giá sự vật qua: Mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét... là do thức trung gian đó. Mà thức thì đã phải chủ đầu! Duyên sanh, duyên diệt, thức thay đổi luôn luôn như những hình thoi, hình thang, hình tam giác, hình vuông... trong những đám lau sậy gác lên nhau trong những cơn gió giạt!

Căn, cảnh đồng là tướng, là dụng biểu hiện từ Như Lai tàng, phát xuất từ Như Lai tàng không tội lỗi. Buộc hay mở do căn. Thánh, phàm do tự chủ hay không tự chủ đối với sáu căn của mình.

Pháp không, không đã đành. Pháp có, cũng là không!

"Chúng nhân duyên sanh pháp

Ngã thuyết tức thị không...".

Mê mờ chân lý **không** và **có** là vô minh. Tổ ngộ chân lý **có** và **không** thì giải thoát. Mở gút nên theo thứ lớp, một được mở, sáu gút sẽ giải tỏa theo. Sáu gút mở thì cái một không còn. Hãy lựa căn có ru thế để phát huy công dụng, lựa một căn mà chọn tánh **Viên Thông Thường**. Được quả Nhập lưu xem như đã thành Phật. Bởi vì Như Lai há chẳng nói: "Tất cả chúng sanh đã thành Phật" đó sao?

Thức A đà na sâu sắc lắm, tập khí chúng sanh lại quá sâu dày. Như Lai thường không đề cập đến, ngại chúng sanh mê chấp: **Này chân, nợ chẳng phải chân**. Ở kinh Thủ Lăng Nghiêm này, Như Lai chỉ dạy trong phạm vi: Sáu căn, sáu cảnh và sáu thức. Sáu thức vọng chấp là vọng đã đành, móng ý chấp **chân**, làm cho **chân**

hóa ra **vọng**. Tự tâm chấp tự tâm: Tâm mình là Phật, lại van xin mong cầu Phật, há không phải pháp "Phi huyễn" trở thành "Huyễn pháp" đó sao?

Không chấp thì **vọng**, **chân** đều vắng lặng trạm nhiên: **Chân** còn không có, **vọng** vin vào đâu sanh được? Nhận thức như vậy thường xuyên, đó là cách tu **Thiền**, là **tư duy tu** đó. Tu như vậy Phật gọi **Như huyễn Tam ma bát đề**. Đó là phương pháp Thiền nhìn vạn pháp như huyễn. Có Như huyễn Tam ma bát đề là có bảo giác chắc như Kim Cương Vương, thanh tịnh như Diệu Liên Hoa, khải móng tay vượt hàng Vô học, mười phương chư Phật đồng như số vi trần, đồng đi con đường đó mà vào thành đó Niết bàn Phật!

CHỈ MỘT CÁI KHĂN MÀ SÁU LẦN CỘT THÌ THÀNH SÁU GÚT, MỞ HẾT SÁU GÚT MỘT CŨNG KHÔNG CÒN

NGUYÊN DO CỦA MỘT SÁU DỊ ĐỒNG

A Nan chấp tay đánh lễ thưa: Bạch Thế Tôn! Nay tôi nghe Phật dạy ý thú thâm sâu nhiệm, nhưng tôi còn chưa rõ cách thức mở gút thế nào và vì sao mở hết gút thì một cũng không còn? Xin Phật rũ lòng thương đại chúng trong hội này và chúng sanh tương lai, bố thí pháp âm để chúng tôi có thể trừ sạch cấu nhiễm sâu dày!

Bấy giờ đức Thế Tôn trên tòa sư tử sửa nội y, vén áo Tăng Già Lê, đưa nhẹ tay lấy cái khăn hoa trên ghế Thất Bảo. Trước đại chúng đức Phật cột thành một gút, đưa cho thầy A Nan xem và hỏi:

Cái này gọi là cái gì?

Đấy là cái gút, bạch Thế Tôn! Thầy A Nan và đại chúng thưa.

Đức Phật lại cột khăn hoa thêm một gút nữa rồi cũng hỏi thầy A Nan:

Cái này gọi là cái gì?

Cũng gọi là cái gút. Bạch Thế Tôn!

Rồi cũng cái khăn lụa hoa ấy, tuần tự đức Phật cột thành sáu gút và mỗi khi cột xong một gút Phật đều đưa khăn lên và hỏi như vậy. Thầy A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp như vậy sáu lần.

Phật bảo thầy A Nan: Khi tôi mới cột khăn thì thầy nói là một gút. Thật sự, chiếc khăn lụa hoa này trước sau chỉ là một cái. Cớ sao lần thứ hai, lần thứ ba... các thầy cũng gọi là gút?

Bạch Thế Tôn! A Nan thưa: Cái khăn lụa hoa quý báu này vốn là một thể, song Như Lai cột một lần thì gọi là một gút, nếu cột trăm lần thì cũng phải gọi là một trăm gút, huống chi ở đây có sáu gút, không đến bảy, cũng chẳng dừng ở năm. Cớ chi Như Lai quở trách chỉ cho gút thứ nhất là gút, còn cái thứ hai, thứ ba... không cho gọi là gút?

Phật bảo: Như thầy biết cái khăn lụa hoa này nó vốn là một, vậy mà tôi cột sáu lần thì thầy gọi là sáu gút. Này A Nan! Thầy chín chắn xem xét nghĩ suy: Tự thể của cái khăn vốn là **đồng**, chỉ vì gút mà hóa ra thành **đị**, thầy nghĩ thế nào? Khi mới cột gút ban đầu, thì gọi là gút thứ nhất. Như vậy cho đến cột lần thứ sáu, thì gọi là gút thứ

sáu. Nay tôi muốn gọi gút thứ sáu là gút thứ nhất có được không?

Bạch Thế Tôn! Không. Nếu còn sáu gút thì cái gọi là thứ sáu, không sao gọi là cái thứ nhất được. Dù tôi có biện bạch suốt đời cũng không thể làm cho sáu gút đổi tên!

Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Sáu gút không đồng, nhưng xét tìm bản nhân lại vẫn là do một cái khăn mà có. Thế mà không ai có thể làm cho nó lộn xộn được với nhau.

A Nan! Sáu căn của thầy cũng như vậy! Từ cái **thể** hoàn toàn **đồng**, mà sanh cái **dụng** hoàn toàn **đi**. Chẳng khác chút nào cái khăn lụa hoa Kiếp Ba La của Như Lai!

A Nan! Giả sử thầy không muốn thành sáu gút trong một cái khăn. Giả sử thầy muốn cái khăn chỉ còn thể duy nhất, thì thầy phải làm thế nào?

Bạch Thế Tôn! Nếu các gút mà còn, thì thị phi tranh cãi khó mà ngăn. Vì gút này không phải gút kia và gút kia không phải là gút nọ được! Nếu Như Lai mở tháo tung cả không còn gút, thì không còn có này, có nọ, có kia... Thế là một còn không có, làm chi có sáu!

Phật dạy: Cái ý nghĩa mở sáu, một không còn cũng như vậy đó. Các thầy chỉ vì cái phân biệt do tâm vọng từ trước đến nay, mà khiến cho tri kiến sanh bệnh, làm lu mờ cái tánh tịnh minh vốn trạm tịch của các thầy. Cho nên sơn hà đại địa, sanh tử, Niết bàn trở thành cái tướng hoa đốm của đôi mắt mệt hóa lò của các thầy đó!

Thầy A Nan thưa: Bạch Thế Tôn! Cái bệnh mê làm giống như gút kia làm sao mà cởi mở được!

Bấy giờ đức Phật lấy cái khăn đã cột gút, kéo một mối lệch qua trái rồi hỏi thầy A Nan: Tôi làm thế này có mở gút được chăng? Không được, bạch Thế Tôn!

Rồi đức Phật nắm kéo mối khăn lệch qua bên phải, cũng hỏi thầy A Nan như vậy. Thầy A Nan cũng đáp là không thể mở được.

Phật hỏi: Tôi kéo mối khăn qua phải, qua trái đều không mở gút được. Vậy theo thầy nghĩ phải làm thế nào mới mở được gút?

Bạch Thế Tôn! Phải mở trung tâm cái gút thì sẽ tháo ra ngay.

Phật bảo: Đúng vậy! Muốn mở gút thì phải mở ngay trung tâm của gút.

A Nan! Như tôi đã nói: Phật pháp từ nhân duyên sanh, nhưng các thầy không được chấp ở tướng hòa hợp thô sơ trên hiện tượng của thế gian mà thỏa mãn tri kiến của mình. Như Lai phát minh Tuệ giác Vô thượng, cho nên biết tất cả bản nhân của pháp thế gian và xuất thế gian. Đến như hạt mưa ngoài hăng sa thế giới cũng biết số mục. Cây tùng thẳng, cây gai cong, chim câu trắng, chim quạ đen, Như Lai đều biết nguyên do tất cả.

A Nan! Tùy tâm thầy lựa chọn nơi sáu căn. Nếu tháo mở được cái gút căn ấy thì các trần tương tự tiêu vong. Đối với thầy vọng cảnh không còn, bấy giờ thầy chẳng phải sống trong chân tâm thì còn gọi là gì nữa!

CỘT GÚT ĐÃ CÓ THỨ LỚP THÌ MỞ PHẢI CÓ TRƯỚC CÓ SAU

Phật bảo A Nan! Cái khăn hoa này có sáu gút, thầy có thể mở bung cùng một lúc được không?

Bạch Thế Tôn! Không. Những cái gút khi cột đã có thứ lớp, nay mở cũng phải theo trước sau. Sáu gút tuy đồng thể, nhưng lúc cột lại chẳng đồng thời, thế nên nếu mở gút phải bắt đầu từng cái một.

Phật dạy: Trừ khử “những gút” sáu căn cũng giống như vậy. Bắt đầu mở, trước hết tháo mở **Nhân không**. **Nhân không** hóa giải hoàn toàn sáng suốt, thì bước thêm mở lần **Pháp chấp**. Pháp chấp xả hết bấy giờ gọi là hạng người **Ngã pháp câu không**. Đây gọi là từ tam ma địa mà được **Vô sanh pháp nhẫn**.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Đọc đoạn kinh này, người đệ tử Phật phải chín chắn soát lại vấn đề **tri kiến** của mình. Cái **trí thể** là một, tự nó chẳng có hi, nộ, ai, cụ... chẳng có tham, sân, si, mạn... Do sự tác động bất giác vô minh khiến cho cái **trí dụng** trở thành nhiễm ô. Những cái gút mà đức Phật cụ thể hóa qua cái khấn Kiếp Ba La chính là những gút tham, sân, si, mạn... và hi, nộ... ấy. Cái khấn lạy hoa của Phật, **tự thể** nó chẳng có gút nào. Cột gút là do bàn tay Phật, nghĩa là phải do động tác của ai đó làm ra. Khi đã cột gút rồi thì gút nào tên này, do vậy làm mất đi cái **tự thể***

láng mịn của cái khăn hoa đẹp. Cái **tri kiến vô kiến**, hay nói cách khác là thể tánh tịnh minh của ta vốn thanh tịnh bản nhiên trong sáng đẹp đẽ như cái khăn hoa láng mịn ấy. Chấp mắc là do ta khiến cho **tri kiến** của ta trở thành **tri kiến lập tri**. Phân biệt ghét thương lấy bỏ thân sơ làm cho sáu căn vẫn đục bởi sáu cảnh: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Muốn khăn không còn gút thì phải mở hết gút bỏ đi. Muốn căn trong sáng an lành thì phải diệt đi tính chấp: Phải, quấy, ghét, thương... tham, sân, si, mạn...

Không mở đúng trung tâm gút thì không thể tháo gút ra. Không chế phục sáu căn thì đăm mê làm lạc lâu đời không xóa sạch được.

Cột đã có gút một, gút hai... thì mở cũng phải theo thứ lớp.

Tai hại của gút là làm cho cái khăn hoa mịn đẹp của Như Lai thành "một" rồi "hai"... rồi thành sáu gút, mà tên gút không thể đổi đời.

Tai họa gây đau khổ cho con người là **tri kiến** vốn tịnh, vốn thanh, vốn minh, vốn diệu lại trở thành **ngã chấp, pháp chấp** thị phi hỉ nộ...

Mở gút, mở sáu gút hết thì cái một cũng không còn, vì sáu căn mà thanh tịnh, thì sáu

không còn sáu mà chỉ còn: **Tri kiến vô kiến, thể tánh tịnh minh**. Bây giờ sáu căn dùng thay lẫn nhau không có gì trở ngại (lục căn hỗ dụng).

Mở gút phải bắt đầu từ cái gút khởi đầu. Chế phục vô minh phải triệt tiêu ngã chấp trước. Tiến thêm một bước, diệt trừ ý thức pháp chấp tiếp theo.

Ngày nào **Ngã pháp đều không**, hỏi ai là người sẽ thành Phật? Nên chỉ những con người **Ngã pháp đều không** ấy!

*

* *

QUẢ VỊ CÓ THẤP CAO GIẢI THOÁT GIỐNG NHAU KHÔNG KHÁC.

CĂN TRẦN THỨC GIỚI THẤT ĐẠI ĐỀU LÀ DỮ KIỆN CHỨNG VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy A Nan và đại chúng nhờ Phật khai thị tuệ nhãn được **Viên** dung **Thông** đạt, đối với chân lý xé bỏ được màn lưới nghi ngờ đen tối. Tất cả đồng chấp tay cung kính thưa:

Bạch Thế Tôn! Ngày nay chúng tôi tâm sáng suốt vén màn vô minh, tuệ giác được vô ngại. Đối với diệu nghĩa sáu gút mở hết thì cái từ một cũng không còn, Như Lai dạy chúng tôi đã lãnh hội. Nhưng nay còn chưa rõ chúng tôi cần phải làm gì, để tâm tánh được **Viên Thông Thường**, khi rời pháp âm hướng dẫn của Phật? Xin Phật rủ lòng thương ban cho chúng tôi những bí pháp thậm thâm được xem như lời dạy cuối cùng!

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo các hàng lậu tận A la hán rằng: Các thầy là A la hán sanh trong Phật pháp đã chứng quả Vô học. Nay tôi hỏi các thầy: Lúc mới phát tâm, trong thập bát giới các thầy tâm đắc ở giới nào? Do nhân duyên gì? Từ

phương tiện nào mà các thầy được Tam ma bát đề và tâm tánh được **Viên Thông Thường**?

1. DO THANH TRẦN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Nhóm thầy Kiêu Trần Như, năm vị Tỳ kheo từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai thành đạo ở Lộc Dã Uyển, chúng tôi gặp Phật trước tiên. Chúng tôi được Phật khai thị cho về pháp Tứ Diệu Đế, do nghe tiếng pháp của Phật mà tôi tỏ ngộ. Lúc đó Phật hỏi các Tỳ kheo: Có hiểu không? Tôi thưa là đã hiểu. Nhân đó Như Lai đặt cho tôi cái tên là A Nhã Đa, ấn chứng chúng tôi là những người A la hán. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, đối với tôi **thanh trần** là mầu nhiệm nhất.

2. DO SẮC TRẦN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Ưu Ba Ni Sa Đà đứng dậy chấp tay cung kính thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi cũng được gặp Phật sau những ngày Như Lai thành đạo không lâu. Trông vào tướng hảo quang minh của Phật, tôi quán sâu vào tướng bất tịnh của sắc thân ô trược. Từ cái tử thi bắt đầu bành trướng, đến tướng bạch cốt vi trần, tôi sanh lòng nhàm

chán tội bậc, chột tỏ ngộ tánh: Sắc không, không sắc đều chẳng có gì. Như Lai ấn chứng cho tôi cái tên là Ni Sa Đà, tôi được A la hán quả. Nay Phật hỏi duyên có đặc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Đối với tôi **sắc trần** là ưu việt nhất.

3. DO HƯƠNG TRẦN ĐẶC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Hương Nghiêm đồng tử đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Trước đây Như Lai dạy tôi quán sát kỹ về các pháp tướng Hữu vi. Một hôm tôi tĩnh tọa trong giảng đường, các Tỳ kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương thoang thoảng trong tĩnh mạch u nhân tác dụng đến mũi tôi. Tôi tư duy quán xét: Hương này không phải do gỗ, không phải do hư không, không phải do khói, không phải do lửa, đi ra không dính vào đâu, đến đâu không chỗ dừng trụ. Quán chiếu như vậy, ý thức phân biệt của tôi tự khắc tiêu vong, trí vô lậu phát sanh, Như Lai ấn chứng cho tôi danh hiệu là Hương Nghiêm. Vì do tôi thể nghiệm mùi hương, mà chứng được A la hán quả. Nay Phật hỏi phương tiện đặc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Với tôi **hương trần** là tối thắng nhất.

4. DO VỊ TRẦN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Hai vị Dược Vương và Dược Thượng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có những thời chúng tôi là lương y cứu giúp cho người đời. Miệng chúng tôi thường nếm những lá hoa cây cỏ kim thạch trong cõi trần gian này. Tất cả những vị: Mặn, lạt, chua, cay, ngọt, đắng... vị biến đổi sanh, vị hòa hợp có, vị nào lạnh, vị nào nóng, thứ có độc, thứ không, tôi đều biết. Dược phục vụ chư Phật và tất cả chúng sanh, rõ biết tánh chất của vị trần: Không phải không, không phải có, không phải tức thân tâm, không phải ly thân tâm. Nhờ tôi phân biệt **vị trần** mà được khai ngộ. Phật ấn chứng cho chúng tôi danh hiệu là Dược Vương và Dược Thượng. Nay Phật hỏi nhân duyên và phương tiện đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Đối với chúng tôi **vị trần** là ưu việt nhất.

5. DO XÚC TRẦN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Bạt Đà Bà La cùng với các Tăng sĩ đồng là đạo bạn đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn! Lúc chư Tăng tắm, chúng tôi cũng theo thứ lớp vào nhà tắm để tắm. Trong khi tắm, tôi tư duy và nhận thức rằng: Nước vốn không rửa bụi và cũng chẳng rửa thân, trung gian an nhiên lặng lẽ. Tôi tâm đắc tột độ cái chân lý: Chẳng có gì. Do tôi phát hiện tánh màu nhiệm của xúc trần mà được quả Vô học. Nay Phật hỏi duyên có đặc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Đối với tôi **xúc trần** là hơn tất cả.

6. DO PHÁP TRẦN ĐẶC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Ma Ha Ca Diếp và bà Tử Kim Quang Tỳ kheo ni đồng đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn! Chúng tôi quán sát sáu trần luôn luôn biến hoại. Tôi trụ tâm trong vắng lặng, thân tâm rỗng rang. Do thành tựu pháp không quán mà tôi được quả A la hán. Thế Tôn ẩn chứng tôi là Đâu đà đệ nhất. Pháp trần thâm diệu nhờ tuệ nhãn tôi được khai minh, lậu hoặc được dứt trừ. Nay Phật hỏi duyên có đặc **Viên Thông Thường**, với sở ngộ tu chứng của chúng tôi thì **pháp trần** là tối thượng.

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Khi con người diệt hết hoặc “Kiến Tư” ra ngoài ba cõi thì gọi là người được giải thoát, giác ngộ. Giải thoát nói cách khác là người đó có Niết bàn. Vậy chữ Niết bàn trong đạo Phật là chỉ sự giải thoát phiền não buộc ràng. Bồ đề có nghĩa là trí tuệ giác ngộ, ai có trí tuệ giác ngộ gọi là người được Bồ đề. Bồ đề, Niết bàn là hai mặt thực thể thanh tịnh của con người, là người thấy chân lý trọn vẹn, diệt sạch hết phiền não hoàn toàn. Tuy nhiên, Bồ đề, Niết bàn có đẳng cấp, không nhất thiết cùng lúc ai cũng được y nhau. Gọi là đẳng cấp, nhưng không phải là chức tước địa vị do cấp trên nào phong tặng theo cảm tình thương ghét, hay do đánh giá chủng tộc màu da, sang hèn cao thấp... Đẳng cấp ở đây dựa trên tiêu chuẩn đoạn vô minh trừ phiền não ở chính con người. Do vậy, Bồ đề, Niết bàn có những tên gọi sau đây:

Thanh văn Bồ đề.

Duyên giác Bồ đề.

Bồ tát Bồ đề.

Phật Bồ đề.

Viên Thông Thường có nghĩa viên mãn, thông suốt và thường nhiên. Nói **Viên Thông Thường** là nói trình độ đạt đạo, nhận thức chân lý của những người đệ tử Phật. Người có trình độ nhận thức viên mãn thông suốt vượt qua tri kiến chấp mắc kẹt hời u ám của phàm phu, gọi đó là chứng được **Viên Thông Thường**.

Sự thành công của các A la hán là khéo vận dụng các tri kiến: Như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng để làm cơ sở giác ngộ giải thoát cho mình.



7. DO NHÃN CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy A Na Luật Đà đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Lúc tôi mới xuất gia thường ưa thích nằm và ngủ li bì. Như Lai quả tôi ham mê ngủ nghỉ li bì giống như loài sò hến. Nghe lời quả của Phật, tôi thâm khóc, tủi hổ và tự trách mình. Tôi cương quyết không ngủ và thức suốt bảy ngày đêm, khiến hai con mắt bệnh và hư mất. Thế Tôn thương dạy cho tôi pháp: **Lạc kiến chiếu minh Kim cương Tam muội.** Sau khi được Tam muội, tôi thấy suốt hiện tượng trong mười phương như trái chanh trái quít để trên bàn tay. Như Lai ấn chứng cho tôi quả A la hán. Nay Phật hỏi nguyên nhân nào đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Theo chỗ tâm đắc của tôi là xoay tánh thấy của **nhãn căn** trở về bản thể thanh tịnh bản nhiên là ưu việt nhất.

8. DO TỶ CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Châu Lợi Bàn Đạc đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi vì không ham học kinh điển nên không có trí. Khi mới gặp Phật, tôi xin xuất gia nghe học pháp Phật, tôi cố nhớ một bài kệ của Như Lai mà không sao nhớ nổi. Tôi gắng học suốt cả một trăm ngày, nhớ

đoạn trước thì quên câu sau, nhớ đoạn sau lại quên câu trước. Phật thương tôi ngu muội, dạy tôi ở một nơi yên tĩnh tu tập pháp môn điều hòa hơi thở ra vào. Bây giờ tôi vận dụng quán trí theo dõi từng hơi thở, từ thô đến vi tế, từng sát na nhiếp ý, vận dụng tư duy, chia hơi thở thành bốn thời kỳ: Hít vô gọi là **sanh**. Đây hơi gọi là **trụ**. Thở ra gọi là **đị**. Mãn hơi gọi là **diệt**. Thực hiện một thời gian, tâm tôi bừng sáng rỗng rang được đại vô ngại, các lậu hoặc dứt hết thành A la hán. Trước pháp tòa Phật ấn chứng cho tôi thành quả Vô học. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, theo chỗ sở hành của tôi: Tập trung tư tưởng xoay vào **quán hơi thở** ra vào minh bạch, là pháp hành hiệu quả nhất.

9. DO THIỆT CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Kiều Phạm Ba Đề đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng tôi mắc phải bệnh về thân nghiệp khiến miệng tôi nhơ mãi như trâu. Như Lai thương, dạy cho tôi pháp: **Nhất vị thanh tịnh tâm địa**. Nhờ đó tôi diệt phân biệt, được Tam ma bát đề. Tôi quán chiếu rằng: Tánh biết vị không phải do thân thể, cũng không phải do ở ngoại vật. Do đó trong thì thân tâm giải thoát, ngoài như rời bỏ thể gian, viễn ly ba cõi

như chim sỏ lông, câu niêm không còn, tiêu vong trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, được quả A la hán. Như Lai ấn chứng cho tôi lên hàng Vô học. Nay Phật hỏi phương tiện đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Theo tôi thì **trả vị** về cho phân biệt của **thiệt căn** là ưu việt nhất.

10. DO THÂN CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Tất Lăng Già Bà Ta đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Lúc tôi mới phát tâm xuất gia theo Phật, thường nghe Phật dạy: Cuộc đời không có gì vui. Đang đi khát thực, vừa đi vừa tư duy lời Phật, bỗng dưng tôi đập phải cái gai độc, cả mình đều đau đớn. Trong lúc đau đớn, tôi quán chiếu tư duy: Giác tâm thanh tịnh vốn không có cái đau và cái biết đau! Một thân thể lẽ đâu lại có hai tánh biết! Nhiếp niệm không bao lâu thân tâm bỗng nhiên rộng rang thanh tịnh. Hai mươi một ngày sau các lậu hoặc được tiêu trừ, Phật ấn chứng cho tôi lên hàng Vô học chứng A la hán quả. Nay Phật hỏi duyên có nào đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa đối với tôi: Năm giữ giác tánh, xem nhẹ **thân căn** là thành công dễ nhất.

11. DO Ý CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Tu Bồ Đề đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Từ khi xuất gia tu học đến nay, tôi vẫn được tâm vô ngại thường trú nơi không tịch. Sự vật hiện tượng trong mười phương đối với tôi trở thành "Chân không hóa" chẳng chút vương víu buộc ràng. Như Lai phát minh tánh giác là chân không, tôi tư duy thể nhập: **Bảo minh không hải Tam muội**, tri kiến đồng như Phật. Tôi được Phật ấn chứng lên hàng Vô học A la hán. Nay Phật hỏi nhân duyên đắc **Viên Thông Thường**, theo chỗ chứng ngộ của tôi: Quán các tướng đều là phi tướng, cái phi tướng đối tượng cũng không lưu lại. Nhìn hiện tượng vạn pháp đúng như thật của nó: **Có mà thật chẳng có gì**, đối với tôi đó là phương tiện chinh phục **ý căn** hữu hiệu nhất.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Căn sở dĩ là **căn** vì sáu cơ quan này ví như gốc rễ để rồi từ đó sanh ra nhánh nhóc chồi trọt vô minh lậu hoặc, gây ra khổ đau cho cuộc*

sống con người. Đó là cách định nghĩa trên mặt tục đế, trên hiện tượng tùy duyên của vạn pháp. Nếu nhìn bên góc cạnh khác, người ta thấy **căn** chỉ là một dạng vật chất, phát xuất từ tứ đại duyên sanh như vô vàn hiện tượng duyên sanh khác. Điều mà ai cũng biết: Vật chất biểu hiện vô vàn hình thái hiện tượng khác nhau, nhưng không có cái thứ vật chất nào làm ra nguyên nhân đau khổ. Cũng như thế, trần là hiện tượng thu gọn, tổng kết vật chất qua sáu dạng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trong cái từ **lục trần**, thì đã có thứ nào làm nên đau khổ cho ai? Cho nên ta kết luận rõ ràng rằng **căn** cũng như **trần** đều không phải là nguyên nhân gây nên tội lỗi và đau khổ. Chẳng những thế mà còn ngược lại: **Căn trần** đều là những dữ kiện để đạt đạo thành tựu **Viên Thông Thường**. Thế nhập sâu sắc tự đáy nguồn chân lý đó, Lục Tổ Huệ Năng thốt ra bài kệ bất hủ trong các chốn tông lâm kim cổ:

"Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác.

Ly thế mịch Bồ đề,

Kháp như câu thổ giác".

Với người giỏi làm kinh tế, họ nhìn ao, hồ, sông, bãi đất hoang họ cũng thấy tiền là tiền, và trong những chỗ đó họ làm ra tiền được.

Một lương y thượng hạng với đám cỏ dại mà họ dẫm qua, lá hoa lùm bụi mà họ luôn lách đi vào, trong đó dưới mắt họ vô vàn diệu dược có thể cải tử hoàn sanh cho những con bệnh đang nằm bên đó mà khô, mà đau rên siết.

Người học Phật không được quên vấn đề đơn giản mà ý nghĩa báu mầu vô giá này: Hàng Độc giác tư duy quán xét cảnh hoa rơi, trái rụng, lá úa, cành khô mà đạt đạo đây!

Phản quán sáu căn nội tại thành A la hán quả, chứng được **Viên Thông Thường** rõ ràng không phải là việc khó hiểu xa vời. Người có tư duy, muốn đi và khởi sự đi trên con đường giải thoát, nhất định sẽ đến đích Niết bàn, Bồ đề Vô thượng.

*

* *

12. DO NHÂN THỨC ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Thầy Xá Lợi Phất đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Từ khi phát tâm tu học đến nay, sự nhận thức của tôi thường thanh tịnh. Do vậy mà các pháp biến hóa thế gian, xuất thế gian một khi thấy là tôi nhận thức không xa chân lý, được vô chướng ngại. Trong lần gặp gỡ giữa đường, anh em thầy Ca Diếp dụng ý theo tôi để thuyết pháp. Các thầy nói cho tôi nghe về giáo lý Nhân duyên sâu xa của Phật. Nhân buổi đàm đạo đó tôi tỏ ngộ, nhận thức được rằng: **Tâm không ngăn mé**. Rồi tôi theo Phật xuất gia, trí tuệ sáng suốt ngày càng viên mãn, được đại vô úy, thành A la hán quả, trưởng tử Phật. Nay Phật hỏi nguyên nhân tỏ ngộ **Viên Thông Thường**, xin thưa: Theo tôi thì sự **nhận thấy rõ ràng, nhận thức đánh giá chính xác** đúng như thực của sự vật hiện tượng là thành công ưu việt nhất.

13. DO NHĨ THỨC ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Phổ Hiền đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tôi sử dụng tánh nghe, nghe tiếng lòng của mình, rồi suy gẫm, rồi

quán chiếu tư duy mà nhận biết thân tâm là huyễn mộng chẳng có gì. Nay Phật hỏi nguyên nhân tu chứng **Viên Thông Thường**, tôi xin thưa: Sử dụng tánh nghe của nội tâm mà nhận biết thân tâm chỉ là một vật thể hư vọng và bất tịnh. Đối với tôi **sử dụng tánh nghe để nghe tiếng của nội tâm** là pháp môn ưu việt nhất.

14. DO TỶ THỨC ĐẶC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Tôn Đà La Nan Đà đứng dậy cung kính chấp tay thưa với Phật: Lúc tôi mới xuất gia theo Phật học đạo, trong khi tu Tam ma bát đề, tâm thường tán loạn. Đức Thế Tôn dạy tôi quán điểm trắng ở chóp mũi. Tôi bắt đầu thực hành, trải qua thời gian hai mươi một ngày thấy hơi thở trong mũi ra vào như khói, thân tâm trong sáng như ngọc lưu ly. Tướng khói lần lần không còn, tâm tôi được khai ngộ, các lậu tận sạch trong thành A la hán. Nay Phật hỏi sở nhân được **Viên Thông Thường**, xin thưa: Đối với tôi tập trung ý niệm, quán hơi thở và điểm trắng ở **tỷ căn** là thành tựu hữu hiệu nhất.

15. DO THIỆT THỨC ĐẶC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Từ thuở bình sanh đến giờ, tôi có khả năng biện tài mà người ta gọi là vô ngại, tuyên thuyết các Pháp: Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã mà Như Lai dạy. Tôi đem các pháp đó diễn đạt, giảng giải trước đại chúng mà không có sợ sệt và không sai lầm. Thế Tôn biết tôi có đại biện tài, dạy tôi tuyên dương chánh pháp, giúp Phật chuyển pháp luân. Tôi nhờ giảng nói chánh pháp mà được quả A la hán. Thế Tôn ấn chứng cho tôi là: Thuyết pháp đệ nhất. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Tôi dùng **pháp âm** hàng phục tà ma ngoại đạo tiêu trừ hoặc lậu là ưu việt nhất.

16. DO THÂN THỨC ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Ưu Ba Ly đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng chính tôi theo Phật vượt thành xuất gia. Tôi thấy Như Lai sáu năm cần khổ, cuối cùng hàng phục tà ma, chế ngự ngoại đạo, giải thoát các lậu thế gian. Phật dạy tôi trì giới, giữ gìn tánh giới, giá giới của thân khẩu ý, giữ vẹn oai nghi tế hạnh. Nhờ vậy, thân tâm tịch tịnh thành quả A la hán, nay làm kỹ cương trong đại chúng, Như Lai ấn chứng tôi là: Trì luật đệ nhất. Hôm nay Phật hỏi phương tiện đắc **Viên Thông**

Thường, xin thưa: Đối với tôi do **giữ gìn thân khẩu ý nghiệp được thanh tịnh**, đó là phương pháp tu sửa hữu hiệu nhất.

17. DO Ý THỨC ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Đại Mục Kiền Liên đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Rằng lúc nọ tôi đi khất thực giữa đường được ba anh em thầy Ca Diếp: Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp và Na Đề Ca Diếp giảng nói lý Nhân duyên thậm thâm của Phật, tâm tôi bừng ngộ thông suốt rỗng rang, du hí tự tại. Đại chúng suy tôn tôi là: Thần thông đệ nhất trong hàng vô học A la hán. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Tôi **xoay ý thức** trở về tánh sáng suốt trạm nhiên, giống như người lóng nước đục, nước lóng trở thành trong. Đó là phương tiện tu sửa đối với tôi hữu hiệu nhất.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Thức là dụng của căn, là chủ thể nhận thức phân biệt **cảnh**. Đó là tánh thấy của mắt, tánh nghe của tai, tánh ngửi của mũi, tánh nếm của lưỡi, tánh xúc của thân, tánh tư duy của ý. Gọi chung qua cái từ lục thức, tức là sáu công dụng của sáu giác quan.*

*Năm thức trước tiếp xúc với năm cảnh, sự lượng định để nhận thức, chúng chỉ có **hiện lượng**. Cho nên chúng chẳng lượng định phân biệt gì. Do đó công dụng của năm thức trước không có ý niệm: Mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, phải, quấy, tốt, xấu, lầy, bỏ, hơn, thua... Vì vậy năm thức trước không thể tạo nên nghiệp **thiện** hay **ác**. Chỉ có ý thức ngoài **hiện lượng** ra, còn có thêm hai lượng: **Tỷ** và **phi lượng**.*

*Năm thức trước, nếu chung khởi với **phi lượng** của ý thức, sẽ gây ra sự sai quấy hoàn toàn đối với **chân lý**.*

*Năm thức trước nếu chung khởi với **tỷ lượng** của ý thức thì sự nhận thức của con người có thể đúng mà cũng có thể sai. Nhận thức đúng chân lý, trường hợp này được gọi là **thiện**. Nhận thức sai chân lý thì gọi là **bất thiện**, là **ác**.*

Từ nhận thức đó, ta thấy **thức** cũng không phải là nguyên nhân để sanh ra **thiện ác tội phước**.

Tội là do bất giác vô minh, do mê.

Phước thì chỉ cần cảnh giác, cần sáng suốt không mê là trở nên người **giác**. Cho nên gọi là tu không cần phải dựa trên hình thức này, nghi lễ nọ, cúng bái cầu đảo rườm rà. Chỉ cần cảnh giác phiền não: Tham, sân, si, mạn... Chỉ cần tâm trí sáng suốt để nhận biết: Ta, bạn, giác. Đừng để kẻ giặc cướp vô minh phiền não vào nhà **chân tâm thể thường trú, chân tánh thể tịnh minh** cướp phá sự nghiệp trí tuệ giác ngộ giải thoát của ta. Chỉ cần không mê thì ta là **giác**. Chỉ cần không vọng, ta tự sẵn có **chân**.

Tu mà chú trọng nhập thất, đóng cửa tự giam mình lễ bái trú dạ lục thời, bát thời gì gì đó, nguyện tụng bộ kinh này, thệ trì danh Phật nọ, hy vọng khẩn vái chư Phật mười phương: "Thùy từ gia hộ, gia hộ cho con hiện tiền tội diệt phước sanh, thiện căn tăng trưởng" và "tha nhật đắc A Di Đà thọ ký"... Đó là lối tu theo cái đạo cầu bên ngoài. Lục Tổ Huệ Năng gọi hạng người đó là **ngoại đạo**. **Ngoại đạo** có nghĩa là cái đạo hy vọng ở tha nhân, cái đạo ngồi chờ sung rụng vào mồm.

Đức Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, từ kim khẩu đã từng nhắc nhở rằng:

"Tất cả chúng sanh đã thành Phật". (Kinh Pháp Hoa)

"Tất cả chúng sanh sẽ thành Phật". (Kinh Hoa Nghiêm)

Thọ ký như vậy mà chưa vừa lòng, chưa thỏa mãn hay sao? Mà còn cầu: Tha nhật đắc A Di Đà thọ ký. Phật tử chúng ta hãy soát lại lòng mình. Một con người tham lam vô độ, có xứng đáng là đệ tử Phật chưa? Hàng cư sĩ không có thời giờ học hỏi giáo lý, tham lam cầu: Tha nhật đắc A Di Đà thọ ký, còn có lý do để tha thứ. Còn Tăng Ni, người trưởng tử Phật Thích Ca mà không tin lời dạy của đức Bốn sư mình, thì xin ai đó hãy để lòng tự xét...Hay là người ta viện lẽ: Phật nhà không thiêng!

*

* *

18. DO HỎA ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Ô Sô Sắc Ma đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Từ thuở bình sanh, tánh tôi nhiều tham dục. Khi tôi nghe lời Phật dạy: Người đa dâm như đồng lửa hồng. Tôi đã quán hơi nóng trong cơ thể cả khắp tứ chi, nhờ quán như vậy tinh thần sáng suốt, nội tâm đứng lặng, tâm háo dâm không còn và tôi phát sanh trí tuệ. Tôi dùng sức hỏa quang tam muội mà chứng quả A la hán. Nay Phật hỏi nhân duyên đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa rằng: Do tôi **quán hơi nóng** trong thân, lưu thông không ngăn ngại, từ đó các lậu tiêu trừ, sanh **lửa trí tuệ**, đối với tôi đó là pháp tu hữu hiệu nhất.

19. DO ĐỊA ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Trì Địa đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Thời gian trước đây, tôi luôn phát tâm làm những công việc lợi lạc cho mọi người như sửa chữa những đoạn đường gồ ghề sụp lở tạo điều kiện cho việc đi lại được thông thoáng. Tôi còn gánh gồng nặng nhọc, cõng người, kéo phụ xe trâu qua những nơi lầy lội.... Khi nghe lời Phật dạy: "Nên bình cái tâm địa, thì đất đai trên thế giới đều bình". Tôi nghe tâm liền sáng bừng tỏ

ngộ. Tôi quán thấy vi trần trong cơ thể cùng tất cả vi trần tạo thành thế giới bên ngoài không sai khác gì nhau. Nhờ nhận thức như vậy, tôi tỏ ngộ Vô sanh nhẫn thành A la hán. Nghe Phật dạy: **Tri kiến Phật như Diệu Liên Hoa**, tôi lãnh hội trước tiên, đại chúng suy tôn là thượng thủ. Nay Phật hỏi nguyên do đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Do tôi quán trần ở nội thân và trần cấu của thế giới bên ngoài bình đẳng không sai khác. Tất cả từ Như Lai tàng tùy duyên biến hiện, vọng tâm chấp mắc **trần** tướng tiêu vong, trí tuệ viên mãn thành đạo Bồ đề. Đó là đối tượng sở quán, đối với tôi đem lại thành công ưu việt nhất.

20. DO THỦY ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Nguyệt Quang Đồng Tử đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi nhớ trước đây Phật dạy quán tánh nước không gì lấn cướp làm cho mất hẳn được. Từ nước mắt, nước mũi, nước miếng, nước tiểu, nước tân dịch trong châu thân... đều là một tánh nước đồng nhau. Tánh nước trong tự thân cùng tánh nước của bốn biển năm châu không sai khác. Lúc tôi thành tựu pháp thủy quán này, tôi chỉ thấy được tánh đồng của nước mà chưa thấy được "Thân không". Bây

giờ tôi thấy rõ nước trong tự thân cùng với nước trong vũ trụ đồng một thể tánh là không, không sai khác. Nay Phật hỏi nguyên nhân đặc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Do tôi quán tánh **nước** dung thông mà được Vô sanh nhẫn. Đối với tôi, pháp **Thủy quán** là ưu việt nhất.

21. DO PHONG ĐẠİ ĐẶC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ Phật khai thị cho các thầy Sa môn về: **Bản giác diệu minh** và dạy các thầy Sa môn quán: Thể giới và chúng sanh đều do sự vận động của sức **gió vọng duyên** chuyển biến mà hình thành. Riêng tôi, lúc bấy giờ tôi quán không gian an lập, quán thời gian trôi đi mãi, quán thân khi động khi dừng, quán tâm niệm trước diệt niệm sau sanh. Tất cả những chuyển động biến diệt, tôi thấy không hai không khác. Tôi nhận thức rõ rằng tánh của các thứ động: Đến không chỗ từ, đi không chỗ tới. Tất cả chúng sanh trong vũ trụ do sức **gió vọng duyên** mà hình thành, mà sinh hoạt với nhau trong thể tánh **bản giác diệu minh, chân tâm thể minh diệu**, giống như hàng vạn muỗi mòng nhốt trong một cái bình lưu ly, kêu vo vo rầm rĩ rối rít với nhau.

Tôi quán sát tư duy như vậy, không bao lâu tôi được Vô sanh pháp nhẫn. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Do tôi quán tánh **Phong đại** "đi không chỗ từ, đến không chỗ tới" mà tỏ ngộ tâm Bồ đề. Đối với tôi thì quán **Phong đại** là đệ nhất.

22. DO KHÔNG ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Hư Không Tạng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ trước đây, tôi quán sát về thân Phù trần và tôi nhận biết rằng thân tôi và hư không không ngăn ngại gì nhau và tứ đại không có chỗ sở y. Vì do vọng tưởng mà thấy có diệt có sanh. Hư không không hai, Phật tánh vốn đồng. Do tôi phát minh được tánh đồng mà chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Nay Phật hỏi duyên nhân nào đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Do tôi quán chiếu **hư không vô biên** mà thể nhập Tam ma bát đề là phương tiện ưu việt nhất.

23. DO KIẾN ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với các vị đồng tu một pháp môn cùng đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Tôi nhớ lời Phật dạy,

rằng Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cũng đồng nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ con không xa cách. Tâm chúng sanh nhớ tưởng Phật thì tâm ấy là Phật, nhất định thấy Phật, không cần phương tiện nào khác. Ví như người ướp hương thì toàn thân thể sẽ thành thơm, ấy gọi là hương quang trang nghiêm. Chính tôi nhờ nhớ ghi lời Phật dạy mà được Vô sanh nhẫn. Nay Phật hỏi nhân duyên nào đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Tôi thu nhiếp tất cả sáu căn không vọng niệm. **Do chánh niệm tương tục** mà được Tam ma bát đề, đối với tôi đây là pháp môn thù thắng nhất.

24. DO THỨC ĐẠI ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

Di Lặc đứng dậy cung kính chấp tay bạch Phật: Từ thuở bình sanh, tâm tôi còn trọng hư danh thế gian, ưa giao du với các hàng vọng tộc. Khi tôi nghe lời Phật dạy tôi tu tập định **Duy tâm thức** và tôi được nhập Tam ma bát đề. Trải qua thời gian tư duy quán chiếu, tôi mới chứng được Tam muội **Thức tâm diệu viên** vô thượng. Bấy giờ tôi quán thấy khắp cùng mười phương hư không, tịnh ược, có không đều do thức tâm biến hiện. Nay Phật hỏi nguyên nhân đắc **Viên Thông Thường**, xin thưa: Tôi quán mười

phương đều **duy thức**. Thức tâm tròn sáng thì xa lìa tánh biến kế, nhận thức đúng thực thể của tánh Y tha khởi thì chứng nhập tánh Viên thành thật, được Vô sanh nhẫn. Đối với tôi đó là pháp quán ưu việt nhất.

*
* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đại có nghĩa là bao trùm phổ biến khắp không gian và thời gian. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, kinh Phật gọi đó là Thất đại, vì bảy thứ này phổ biến không chỗ nào không có. Không gian, thời gian, hàm tàng thất đại không dư không thiếu. Nói cách khác tự thể không gian, thời gian là thất đại ấy. Nếu tách bỏ thất đại ra, không thể có khái niệm không gian và thời gian. Do thất đại mà khái niệm không gian và thời gian được cụ thể hóa, được hình thành. Thất đại là nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng vạn hữu, duyên khởi sanh ra hiện tượng vạn hữu. Tuy nhiên nó chưa phải là một đơn vị thực thể cố định bất di bất dịch, một yếu tố đầu

tiên của hiện tượng vạn hữu nào. Theo Phật học, không có một sự vật nào có một thực thể cố định bất di bất dịch của tự nó. Không có một sự vật nào sanh ra mà không kết hợp tương quan với những yếu tố khác. Chỉ len đan thành chiếc áo len, nhưng chỉ len không phải là yếu tố đầu tiên của chiếc áo len ấy. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức là những hình thái của chủng tử được biểu hiện rõ nét hơn trong Như Lai tàng bản thể mà thôi.

Nếu hòa hợp bởi năm đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong và Không, là đủ yếu tố duyên khởi ra núi sông, đất liền, cây cỏ... trong vũ trụ.

Nếu hòa hợp đủ bảy đại thì sẽ duyên khởi sanh ra những loại chúng sanh có tri giác trong vũ trụ. Trong các loại hữu tình có giác tri, con người là ưu việt nhất.

Núi sông đất liền cỏ cây hoa lá gọi là khí thể gian, cũng gọi là Vô tình chúng sanh.

Những loài có tri giác gọi là chánh báo thể gian, cũng gọi là Hữu tình chúng sanh.

Nhìn bên khí thể gian để tìm hiểu nguyên ủy của hiện tượng vạn hữu, người ta gọi đó là **Vũ trụ quan**.

Nhìn bên hữu tình thế gian để tìm hiểu nguồn gốc nguyên thủy của con người, người ta gọi đó là **Nhân sanh quan**.

Qua giáo lý đoạn kinh Thủ Lăng Nghiêm này, ta thấy vũ trụ nhân sanh đồng một bản thể. Như Lai tàng bản thể duyên sanh hiện tượng vạn hữu như nước duyên khởi sóng mồi bọt bong bóng vậy. Với cái nhìn của người đạt đạo, nhận thức rõ chân lý của hiện tượng vạn pháp qua quy luật: Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, người ta tự tại an nhiên thoải mái cả trong vấn đề sống chết:

"Trường không túng sử song phi cốc
Cự hải hà phòng nhất điểm âu".

Tuệ Trung Thượng Sĩ, một Thiền Sư Việt Nam đời Trần, quan niệm sự sống chết dễ dàng, không chút sợ sệt, lo âu như vậy. Tạm dịch hai câu thơ đó như sau:

Cổ xe ảo ảnh trong không
Có ai tham đắm nặng lòng ước ao?
Mặt hồ sóng bọt lao xao
Có ai đau khổ bọt tan sóng bình?

Do con người nhận thức sai lầm vạn hữu, đánh giá quá thấp hoặc quá cao. Sự sai lầm đó phủ lên hiện tượng vạn hữu lớp sương mù "Biến

ké chấp" làm cho con người không nhận được thực chất "Y tha duyên" của hiện tượng vạn hữu. Do đó càng không thể biết được nguồn gốc thanh tịnh bản nhiên của "Viên thành thật" trong bản thể Như Lai tàng. Do đó vọng sanh quan niệm: **Sanh, diệt, hữu, vô, đoạn, thường, khứ, lai...** loạn khởi.

Ngược dòng quán chiếu, thấy rõ sự thật "Y tha", dùng đước trí tuệ rọi tan sương mù "Biến kế", nhận chân cái thật tánh "Viên thành" của Thất đại. Thì ra: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức vốn là chân không thanh tịnh bản nhiên, châu biến pháp giới. Không có một pháp nào mang theo, đem đến cho ai một mảy may vương víu một tí tí phiền não khổ đau nào!

*

* *

DO NHĨ CĂN ĐẮC VIÊN THÔNG THƯỜNG

QUÁN THỂ ÂM TRẦN THUẬT PHÁP TU CHÚNG CỦA MÌNH

Bấy giờ Quán Thế Âm đứng dậy cung kính chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Từ khi phát tâm học đạo, hành đạo, trên đường tu tập tôi ứng dụng cái tánh nghe của nhĩ căn và thanh trần. Dần dần tôi chuyển hóa thanh trần trở thành “Thanh cảnh”.

Trước hết tôi sử dụng tánh nghe: Nghe động và nghe tĩnh, rồi tôi xóa đi ý niệm động tĩnh ấy. Từ đó sức tịch tĩnh tăng dần, tôi dứt được chủ thể phân biệt và đối tượng phân biệt của tánh nghe. Sức tịch tĩnh không dừng ở đó, bấy giờ giác tánh tôi lại hiển hiện ra. Tôi tiếp tục tư duy: Dù là giác tánh nhưng tánh chủ thể giác, đối tượng giác hãy còn, tôi bèn xóa đi về ý niệm giác. Bấy giờ tâm tánh tôi rỗng rang lặng lẽ như hư không. Tôi lại diệt đi cái giác tri "như hư không" ấy. Cuối cùng tôi diệt cả cái khái niệm "diệt". Khi tôi diệt hết khái niệm vi tế về "diệt sanh, sanh diệt" bỗng dưng tôi nhận thấy toàn thể pháp giới trong mười phương chỉ còn là cảnh

giới "bất nhị" tịch diệt hiện tiền. Tâm tánh của tôi viên mãn khắp giáp mười phương, vượt hẳn tầm nhận thức thường tình của thế gian. Tâm tôi đồng một tâm Từ cùng với chư Phật mười phương, thương tất cả chúng sanh như người mẹ thương con một.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Chúng ta đã biết, 6 căn, 6 trần, 6 thức và 7 đại đều là dữ kiện tạo nên Thánh quả chứng đắc Viên Thông Thường. Nhĩ căn Viên Thông Thường lẽ ra phải được theo thứ lớp mà trình bày ở trong nhóm người dựa trên 6 căn được Viên Thông Thường ở đoạn kinh trước. Nhưng ở đây trái lại, **nhĩ căn Viên Thông Thường** được Quán Thế Âm trình bày sau rốt. Đó không phải là một sự kiện bình thường, càng không nên hiểu đó là sự ngẫu nhiên hay do sơ sót, mà đó là tánh chất trọng đại của **nhĩ căn**.*

Quán là trí quán niệm của con người.

Âm là đối tượng **nghe**, là thanh cảnh mà cũng có thể là thanh trần.

Niệm **Quán Âm** là chỉ cho lúc **trí năng quán** và **âm văn sở quán** chưa được thường xuyên liên tục. Khi con người vận dụng **trí năng quán** và **âm văn sở quán** không gián đoạn, chính lúc đó là **Quán Thế Âm** hiện thân trong ta, thuyết pháp cho ta nghe rồi đó.

Nếu có ít nhiều thiền định tư duy, nếu biết dụng ý lắng nghe, người ta có thể nghe trong mọi nơi chốn, mọi trường hợp những **âm văn** thanh tịnh giải thoát. **Âm văn** đó, nghe được nhiều hay ít là do ta vận dụng quán trí của ta nó liên tục được ít hay nhiều. Cho nên kinh điển có chỗ nói: **Quán Thế Âm Bồ tát** hiện thân thuyết pháp cho chúng sanh bằng **vô tác diệu lực**, nghĩa là bằng sức mầu nhiệm "không có làm". Nói "hiện thân" nhưng kỳ thực chẳng tổn sức "thần biến" "hóa hiện" ra thân. Nói "thuyết pháp" kỳ thực chẳng tổn một tí hơi và một âm thanh nào vang dội. **Quán Thế Âm** hiện thân bằng chính bản thân của mọi người. **Quán Thế Âm** thuyết pháp bằng chính âm thanh thanh tịnh trong lòng trong sáng của mọi người, khi người đó biết sử dụng tánh nghe.

*Quán Thế Âm là Diệu Âm. Quán Thế Âm là Phạm Âm. Quán Thế Âm là Hải Triều Âm. Quán Thế Âm còn là âm thanh vượt hơn những âm thanh của thế gian thường nghe và xưng gọi ấy nữa. Quán Thế Âm là Thánh của thanh tịnh, của giải thoát và giác ngộ, vì tánh quan trọng tàng ẩn một chân lý thâm sâu, nên đặt cách để vấn đề **nhĩ căn Viên Thông Thường** của Quán Thế Âm rớt sau 25 vị Thánh.*

*

* *

PHẬT BẢO VĂN THÙ SO SÁNH CHỌN CĂN ƯU VIỆT NHẤT

Phật bảo Văn Thù: Thầy hãy xét nghiệm thành quả tu chứng **Viên Thông Thường** của các vị Thanh văn A la hán và hàng Sa môn vừa đã trình bày. Vẫn biết rằng lục căn, lục cảnh, lục thức, thất đại đều là những dữ kiện tu chứng **Viên Thông Thường**, nhưng nay Như Lai muốn cho thầy A Nan nghe và nhận xét để tự chọn một pháp môn tu thích hợp. Như Lai cũng cần một pháp môn phương tiện để dạy cho chúng sanh hiện thế, những người phát tâm chân chính cầu Vô thượng đạo một phương pháp tu hành hiệu quả tốt, chóng thành công phổ biến cho mọi căn cơ sau Như Lai diệt độ.

Văn Thù vâng từ chỉ của Phật cung kính chấp tay nói bài kệ kính dâng lên Phật:

Biển giác tánh lặng trong
Vốn nhiệm màu trong sáng
Tánh bản minh chiếu ra như đối tượng
Chấp tướng đối tượng mất thể tánh bản
minh.
Do phân biệt vọng thấy hư không

Tựa hư không hình thành thế giới
Chủng tử vô tri thành cõi nước
Sắc tâm minh liễu tức nhân sinh.
Hư không sanh trong "Đại Giác"
Như bong bóng nổi giữa đại dương.
Cõi nước hữu lậu như vi trần
Sanh khởi trong bầu hư không ấy
Hư không chưa ví tày nước bể!
Thì sá chi ba cõi vốn bọt bèo.
Về nguồn không hai đích
Phương tiện có nhiều đường
Quả chứng chẳng ngại nhau
Thuận nghịch là phương tiện
Sơ tâm vào Tam muội
Mau chậm chẳng đồng nhau.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật biết quá rõ căn nào ưu việt đối với chúng sanh. Nhưng Phật bảo Văn Thù so sánh

để rồi "lựa", cốt cho hợp tinh thần dân chủ và khách quan.

Đức Phật hy sinh một cuộc đời vương giả, đấu tranh giai cấp để xóa bỏ áp bức bất công cho xã hội mà còn độc tài phi dân chủ thì phí đi cái lý tưởng "vị nhân sinh" cao đẹp thuở ban đầu.

Qua lời kể mở đầu của Văn Thù, ta có thể nhận thấy: Tất cả chúng sanh vốn có **thể tánh giác minh** trong sáng nhiệm màu. Trong tánh giác minh không có tướng đối tượng phân biệt, tướng chủ thể phân biệt. Hữu tình, vô tình cùng một bản thể chân như nhiệm màu trong sáng. Hư không sanh trong giác tánh như chiếc bong bóng nổi giữa đại dương. Hư không chỉ là một hiện tượng đối đãi dĩ có, không, sanh, diệt. Thành đô Niết bàn là đích đến. Phương tiện di chuyển có chậm mau. Máy bay, tàu thủy, ô tô hay đi bộ tùy người sử dụng.

SO SÁNH SỰ ƯU KHUYẾT CỦA SÁU CẢNH, NĂM CĂN, SÁU THỨC VÀ BẢY ĐẠI

1. NHƯỢC ĐIỂM CỦA SÁU CẢNH

Sắc bị vọng tưởng tác động vào thanh **cảnh** làm mất đi cái hồn nhiên như thị khách quan của sự vật, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Thanh âm kết hợp bởi ngữ ngôn, biểu hiện cụ thể của âm thanh là danh ngôn và cú nghĩa. Tác dụng của âm thanh còn phiến diện, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Hương có hợp mới thành tác dụng, nếu để ly ra dù hương có cũng như không. Hương cảnh không tương tục hiện hữu, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Vị không phải đương nhiên tự có, cần phải nếm mới biết có vị. Đối với vị giác cũng không liên tục, nên khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Xúc có vật chạm mới biết, nếu không biết xúc không thành. Xúc trong lúc hợp, chẳng xúc được lúc ly, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Pháp còn gọi là pháp cảnh, là đối tượng "Sở tri". Năng tri, sở tri không là một, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

2. NHƯỢC ĐIỂM CỦA NĂM CĂN

Cái thấy vốn rộng rang bao quát nhưng chỉ thấy được phía trước chẳng thấy được phía sau. Bốn phương tám hướng mất đi một nửa, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Mũi thở ra hít vào, chặng giữa không có thở, không dung thông còn cách trở, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Lưỡi không vị, cái nếm không thành. Vị không phải lúc nào cũng sẵn có nên khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Thân biết xúc, nhưng phải có đối tượng. Chủ thể xúc, đối tượng xúc không thường liên tục thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Ý căn thường xen với vọng tưởng. Loạn tưởng dừng thì chẳng thấy biết gì. Tưởng niệm không dễ gì dứt bỏ thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

3. NHƯỢC ĐIỂM CỦA SÁU THỨC

Cái thấy của mắt phải có nhãn căn và sắc cảnh. Cạn xét tột cùng nó không tự thể, không tự

thê thì không có gì nhất định, nên khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Sử dụng cái nghe, nghe suốt mười phương hàng sơ tâm không dễ dàng thực hiện, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Quán điểm trắng ở tỷ căn chỉ là quyền phương tiện, nhằm thu nhiếp để trụ tâm. Trụ mà trở thành "đối tượng trụ" thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Thuyết pháp vận dụng âm thanh văn tự chỉ khai ngộ cho những ai Phật chủng đã trồng sâu. Danh cú văn không phải là vô lậu thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Giữ giới chỉ buộc ràng cái thân, ngoài cái thân lấy gì buộc ràng? Giới và thân vốn không cùng khắp thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Niệm lự không rời sự vật, bóng dáng sự vật là đối tượng của niệm lự. Do vậy khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

4. NHƯỢC ĐIỂM CỦA BẢY ĐẠI

Đất, tánh của nó là ngăn ngại, nếu quán cái tánh của Địa đại thì không thể thông suốt. Và lại,

pháp Hữu vi không là giác tánh thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Nước do quán mới thấy có. Nếu quán Thủy đại cần vận dụng nhiều quán trí. Đã là **quán** thì không phải chân, chưa đạt đến **như như phi giác quán**, thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Lửa đem so sánh với nỗi khổ của dâm tâm, nếu quán Hỏa đại để trừ lửa dâm ở nội tâm, đó chỉ là người chán cái khổ hoành hành chưa phải là viễn ly chân thật. Đó là phương tiện không phải phát xuất bởi tâm ban đầu nên khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Gió lúc động lúc yên, nếu quán cái tánh của Phong đại thì chỉ là pháp đối đãi. Còn đối đãi thì không là tánh giác minh bản nhiên thanh tịnh, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Không thì rộng suốt chẳng có gì, nếu quán cái tánh của Không đại thì đồng như lông rùa sừng thỏ, trái với tánh Bồ đề thì khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Kiến là tánh thấy, Kiến đại biểu hiện qua tướng niệm. Tất cả các hành đều vô thường, tướng niệm vốn trong vòng sanh diệt. Đem nhân

sanh diệt cầu được quả chân thường bất diệt, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

Thức thì sanh diệt không thường, nếu quán cái tánh của Thức đại chỉ là quán sự phân biệt diệt sanh hư vọng, khó mà tu chứng **Viên Thông Thường**.

5. SỰ ƯU VIỆT CỦA NHĨ CĂN:

Văn Thù trình bài kệ trước Phật và đại chúng:

Tôi nay kính bạch Thế Tôn:
Phật ra đời ở cõi trần lao
Trong cõi này giáo môn thích ứng
Hiệu quả tốt ở: **Nói** và **nghe**
Muốn thành tựu được Tam ma bát đề
Phải vận dụng tánh **nghe** mà nhập
Lìa khổ được giải thoát!
Hay thay Quán Thế Âm
Quán Thế Âm là Diệu Âm
Quán Thế Âm tức Phạm Âm
Quán Thế Âm, Hải Triều Âm đó
Cứu thế vững an Khang
Xuất thế hàng thường trú.
Tôi kính bạch Như Lai!

Như lời Quán Âm nói
Ví như ngồi chỗ tĩnh
Mười phương cùng đánh trống
Mười hướng thầy đồng nghe
Đấy là **Viên chân thật**.
Cách vách nghe âm hưởng
Xa gần có thể nghe
Năm căn không sánh được
Thông chân thật, nhĩ căn.
Tiếng chuông, tánh nghe không diệt
Tiếng có, chẳng phải mới sanh
Có không, không quan hệ
Thường chân thật của nhĩ căn.
Dù có đang say ngủ
Chẳng vì ngủ không nghe
Tánh nghe ngoài suy nghĩ
Thân ý chẳng so bằng.
Hiện tại cõi trần lao
Thanh tánh được biểu dương
Mê muội đối với tánh nghe
Bị thanh trần cuốn theo dòng lưu chuyển.
Dùng tánh **nghe** trú trì Phật pháp
Hãy tự mình **nghe** lấy tánh **nghe**

Xoay cái **nghe** thoát khỏi **thanh trần**
Tánh nghe ấy là **tánh nghe thường trú**.
Một căn đã xoay về bản tánh
Thì năm căn sẽ được giải thoát theo.
Sắc thanh... trần như bệnh lòa huyễn hóa
Ba cõi dường hoa đốm trong không.
Xoay tánh nghe là trừ hết bệnh lòa
Trần tướng diệt, giác tâm hiển hiện
Tột thanh tịnh trí quang thông suốt
Tịch như mặt trời chiếu tợ thái dương.
Quay nhìn xem hiện tượng thế gian
Nhu vật sắc chiêm bao chẳng khác
Ma Đãng Già há không là mộng huyễn
Thì còn ai quyến rũ! Hỡi A Nan?
Nhu các huyễn sư khéo tạo hình người
Giỏi trang điểm làm ra trai hay gái.
Dù các căn có cử động rung rinh
Do cái máy giạt dây điều khiển.
Động cơ nghĩ, tứ chi "người" tê liệt
Trò múa men đến lúc trở thành không.
Tư duy kỹ, sáu căn người cũng thế
Phát xuất từ một thể tánh tịnh minh
Chia ra thành sáu thứ "hợp" "hòa"

Một đã tịnh thì sáu căn đều thanh tịnh.
Trần cấu còn thì gọi là học vị
Giác tột cùng thì gọi đó Như Lai
Hỡi A Nan! Và đại chúng hiện tiền
Hãy chỉ tức nghe thanh trần điên đảo
Xoay tánh nghe, nghe tự tánh của mình
Nghe tự tánh là thành Vô Thượng Giác!
Xin đánh lễ **Như lai tàng** tánh!
Gia bị cho mật thể chúng sanh
Đủ khả năng làm chủ lấy **nhĩ căn**
Giàu nghị lực sống với **Viên Thông**
Thường ba chân thật tánh!

*

* *

SỰ CHUYỂN BIẾN TỐT SAU KHI NGHE VÀ NHẬN THỨC TÍNH ƯU VIỆT CỦA NHĨ CĂN

Thầy A Nan và đại chúng được sự hướng dẫn rõ ràng của Văn Thù, mọi người cảm thấy khinh an sáng khoái, tâm trí sáng bừng, nhận thức rõ: Răng Bồ đề, Niết bàn Phật là gia bảo

chung của tất cả chúng sanh, mọi người đều có quyền thừa hưởng. Từ lâu mình tự bỏ cha bỏ nhà đi hoang, biến mình thành những kẻ lạc loài cùng khổ, xa quê hương rời nguyên quán, đánh mất gia tài cự phú vô tận của cha ông. Nay đại chúng nhận rõ rằng: Dù họ chưa về nhưng đã biết đường về và tin ở khả năng trở về của họ. Họ xác định rõ cái quyền thừa hưởng của họ đối với sự nghiệp vĩ đại của ông cha mình.

Hàng Hữu học, Vô học, A la hán rất đông xa lìa trần cấu được Pháp thân thanh tịnh. Vô lượng chúng sanh phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chúng ta đã biết các vị đại đệ tử Phật đều tu chứng Viên Thông Thường dựa trên cơ sở căn, cảnh, trần, thức, thất đại. Qua nhãn quan của bậc đại trí, ở đoạn kinh này Ngài Văn Thù phân tách rõ chỗ ưu khuyết của 25 phương cách quán chiếu tu tập.

Nhìn bên bản thể, căn, cảnh, trần, thức, thất đại vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tàng. Tự tướng của chúng không có cái nào làm nên tội lỗi và cũng không có món nào là nguyên nhân của tội lỗi. Tuy nhiên, đứng bên hiện tượng mà nhìn thì mỗi mỗi khác nhau, sự tác động qua lại của căn trần thức không đồng, công dụng biểu hiện có hơn kém, từ sự phản vọng quy chân có ưu khuyết là lẽ đương nhiên vậy.

Nói một cách khác, Văn Thù "phê phán" là đứng bên phương diện "Tục đế" để mà so sánh chọn lấy cái tối ưu. Nếu đứng bên "Chân đế" mà nhìn thì: "Một là tất cả, tất cả là một", không còn có vấn đề hơn kém.

Do đó, vấn đề ưu khuyết của căn, cảnh, trần, thức, đại vẫn là sự thật có trở ngại trên đường tu chứng **Viên Thông Thường**. Tuy nhiên cái có thể trở ngại, không thích hợp với người này lại là dữ kiện thuận lợi cho một căn cơ khác. Mã tiền, Thạch tín, Cẩn sa, Anh túc... ai cũng biết là độc dược, nhưng cũng chính chúng là diệu dược cứu tử bệnh nhân khi sử dụng đúng người, đúng bệnh, đúng lúc và đúng liều.

Người học hãy ý thức rằng: Sự "phê phán" của Văn Thù không phải "phê phán" để mà "phê

*phán". Mà phê phán nhằm để giới thiệu tính ưu việt của **nhĩ căn**:*

*"Ngã kim bạch Thế Tôn:
Phật xuất Tà Bà giới
Thử phương chân giáo thể
Thanh tịnh tại **âm văn**
Dục thủ Tam ma đề
Thực tòng **văn** trung nhập".*

*

* *

PHẬT KHAI THỊ VỀ BA MÔN VÔ LẬU HỌC

Trước Phật và đại chúng, Thầy A Nan sửa áo chỉnh tề, chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Tôi nay đã nhận thức rõ tự mình giác ngộ viên mãn rồi giáo hóa khiến cho người khác cũng được giác ngộ, đó là sự Ứng thân vị nhân thể của các Như Lai. Chúng sanh cách Phật ngày xa, tà sự nguy thuyết càng nhiều, nếu muốn cho người đệ tử Phật được thường ở trong chánh quán niệm thì phải học thế nào để khỏi rơi vào ma sự, không thoái thất Bồ đề tâm?

Phật bảo: A Nan! Lời thưa hỏi của thầy có lợi lạc cho chúng sanh hậu thế.

A Nan! Trong giáo pháp của Như Lai các thầy hãy siêng năng thu nhiếp tâm mình. Người thu nhiếp làm chủ được tâm gọi là người có giới. Nhân nơi giới mà có được định tâm. Nhân nơi định tâm mà phát sanh trí tuệ. Đó là ba môn học làm cho những người phát tâm tu hành không lọt trong Lục thú Tam đồ.

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

*Giáo, lý, hành, quả, là một quá trình liên tục không thể tách rời trong toàn bộ giáo lý Phật. Từ chương một mở đầu cho đến đây, thầy A Nan và đại chúng tiếp thu có kết quả tốt. Toàn chúng nhất trí nói lên cảm nghĩ và nhận thức của mình đối với quả Bồ đề, Niết bàn Vô thượng: Rằng đến sớm hay muộn chỉ còn là vấn đề tinh tấn đi nhanh hay giải đãi lang thang, bằng lòng làm người "cùng tử". Còn đường đi và đích đến, đại chúng đã nói lên sự quả quyết rằng đã nắm vững lộ trình. Đó là kết quả bước đầu của đức Phật trong sự nghiệp giáo hóa chúng sanh trên chặng đường **giáo lý** của thời pháp Thủ Lăng Nghiêm.*

*Ba môn **Vô lậu học**, đức Phật dạy cho thầy A Nan mở đường cho giai đoạn **hành quả** cuối cùng để đến thành đô Niết bàn Phật. Giới Định Tuệ tương quan mật thiết với nhau, ví như bóng đèn, ngọn đèn và ánh sáng của cái đèn dầu. Nhờ bóng mà ngọn đèn đứng yên. Nhờ ngọn đèn đứng yên mà tỏa ra ánh sáng. Nhân giới sanh định, nhân định phát tuệ, đó là nền tảng để xây dựng lâu dài Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

*Trong quá trình tu học: "Lý tuy đốn ngộ, sự nãi tiệm trừ". Hiểu thì có thể hiểu nhanh, nhưng hành phải có quá trình tu tập. Ở đoạn kinh này thầy A Nan cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành tế độ quần sanh, kiến lập đạo tràng càng xác định rõ: **Hành quả** không thể không có **giáo lý** và **giáo lý** không phải để thỏa mãn cho sự hiểu biết suông!*



PHẬT KHAI THỊ BỐN ĐIỀU CƠ BẢN XUẤT TRẦN

1. Đoạn tâm dâm dục

A Nan! Người có thu nhiếp cái tâm thì tâm được thanh tịnh. Phật gọi đó là người có giới. Giới là phương tiện thù thắng ngăn dứt những hậu quả khổ đau. Gốc rễ của khổ đau, dâm dục là một trong những mầm nhân gây ra khổ quả. Thầy và các chúng sanh tu tập Tam ma bát đề là nhằm xa lánh mọi nghiệp nhân bất thiện để mong ra khỏi trần lao. Nhưng nếu các thầy không đoạn tâm dâm thì trần lao không sao ra khỏi được. Dù có thiên định trí tuệ rốt cuộc cũng sa rớt vào con đường đau khổ.

A Nan! Thầy phát tâm muốn cứu thế nên dạy cho những người tu tập pháp Tam ma bát đề đoạn hẳn cái tâm đắm nhiễm dâm dục. Đó là lời dạy chân chính, điều cơ bản thứ nhất.

2. Trừ tâm sát sanh

A Nan! Sát sanh đoạn mạng người là biểu hiện của tâm hung ác. Muốn tu tập Tam ma bát đề, tạo nhân giải thoát giác ngộ mà không trừ bỏ tâm đấu tranh, giết người, đoạt mạng thì không thể nào ra khỏi trần lao. Dù có tu tập Thiên định

trí tuệ, mà còn tâm háo sát rớt cuộc sa vào lao tội, thân tâm đau khổ, gọi là người địa ngục dù cho thân hiện sống trần gian.

A Nan! Thầy nay phát tâm tế độ chúng sanh, hãy dạy cho những người ham tu tập pháp Tam ma bát đề phải trừ bỏ hung hăng giết hại. Đó là lời dạy chân chính, là điều cơ bản thứ hai!

3. Dứt tâm thâm đạo

A Nan! Tất cả chúng sanh trong thế gian nếu không dứt bỏ tâm trộm cướp thì dòng sanh tử còn tương tục để trả đền. Những người ham tu tập Tam ma bát đề nhằm ra khỏi trần lao, dứt dòng sanh tử cần phải diệt hẳn tâm tham lam trộm cướp. Nếu tâm trộm cướp còn, dù có tu Thiền định trí tuệ thì cũng là hạng phàm phu tục tử, có thể bị rơi vào tử tội, nhẹ hơn thì bị lao tù, nhân phẩm và tư cách làm người không còn.

A Nan! Thầy nay phát tâm tế độ chúng sanh, hãy dạy cho những người ham tu tập pháp Tam ma bát đề phải trừ tâm trộm cướp. Đó là lời dạy chân chính, là điều cơ bản thứ ba!

4. Bỏ tâm đại vọng ngữ

A Nan! Giả sử chúng sanh dứt hết được sát sanh, trộm cướp và dâm dục nhưng nếu mắc

phải đại vọng ngữ thì tu tập Tam ma bát đề cũng không thành tựu.

Thế nào là đại vọng ngữ? Rằng chưa đạt đạo tự khoe mình đạt đạo, chưa chứng quả tự tuyên bố rằng mình chứng quả rằng ta đã thành A la hán, thành Phật... Những người đáng thương ấy chỉ vì lợi dưỡng, vì sự lễ bái cúng dường của tín thí đàn việt, họ tự hủy diệt hạt giống Phật, thành nhất xiển đề trong Phật pháp, càng xa rời tánh thanh tịnh bản nhiên nhiệm màu!

A Nan! Thầy đã phát tâm vì chúng sanh hậu thế, nên dạy cho những người ham tu tập Tam ma bát đề bỏ dứt tâm đại vọng ngữ và vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu. Đó là lời dạy chân chính, là điều cơ bản thứ tư!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

"Bốn điều cơ bản xuất trần", nói cách khác là "Bốn trọng giới trong muôn giới luật". Trong

quá trình thuyết giáo độ sinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo lý Ngài dạy gồm trong hai nội dung: **Tri** và **hành**. Nội dung thứ nhất nhằm đào tạo bồi dưỡng cho con người có nhiều kiến giải để nhận thức chân lý của vũ trụ thiên nhiên. Thành tựu nội dung đó không có cách nào khác hơn là cần phải có **trí để tri**, để mà tư duy nhận thức. Cho nên Phật vận dụng nhiều ngôn từ, nhiều thí dụ, nhiều phương tiện trong suốt quá trình giáo hóa độ sanh. Những tư tưởng, ngôn từ, phương tiện đó được ghi chép để lại hậu thế, người ta gọi là **Kinh tạng**.

Nội dung thứ hai nhằm hướng dẫn cho người chịu học theo nền giáo lý Phật phải thực hiện những điều đã học hỏi, đã nhận thức về chân lý, cần cải tạo đời sống cho sáng sủa hơn, an lành hơn, hạnh phúc hơn và đỉnh cao của cuộc sống là giác ngộ và giải thoát. Để hiện thực hóa lý tưởng đó, đức Phật dạy cho các đệ tử về **môn giới luật**. Thực hiện giới luật tức là pháp **hành**. Hành theo quy tắc, hành trong khuôn khổ, hành trong giới luật không cho sai phạm những điều Phật đã chế ra để làm cái hàng rào ngăn cách những hố sâu tội lỗi. Những điều ngăn cấm đó được ghi chép để lại, hậu thế gọi đó là **Luật tạng**.

Bốn điều cơ bản xuất trần, phát xuất từ nội dung thứ hai, nó thuộc về **Giới học**, là một trong Tam Vô lậu học.

Giới có giới trọng giới khinh, nói cách khác là có **tánh giới** và **giá giới**.

Bốn điều cơ bản này thuộc về tánh giới. Tánh giới là giới trọng. Tánh giới có Phật ra đời hay không có Phật ra đời. Phật chế ra hay không đề cập đến, nếu một người nào trong xã hội phạm phải những điều đó thì luật pháp của xã hội cũng kết tội và trừng trị.

Phật chế giới dâm là ngăn cấm người xuất gia làm việc dâm dục. Dâm dục và thực dục là hai thứ đam mê làm cho con người đam mê hơn tất cả. Theo Phật học vì đam mê dâm dục và thực dục cho nên gọi người đó là người ở trong cõi **Dục**. Cõi Dục mà chưa ra khỏi thì làm sao hy vọng giải thoát giác ngộ. Cho nên điều cơ bản thứ nhất Phật dạy đoạn dâm dục và đoạn cả tâm móng khởi đam mê dâm dục. Có vậy mới có tâm hồn thanh tịnh tu Chỉ Quán để thành tựu Tam ma bát đề.

ĐỨC PHẬT CHỈ RÕ HAI NGUYÊN NHÂN ĐIÊN ĐẢO VỌNG CHẤP VỀ THẾ GIỚI VÀ CHÚNG SANH

Đức Phật dạy: A Nan! Thầy nên biết **Diệu Tánh Viên Minh** rời các danh tướng, xưa nay không có thế giới và chúng sanh. Nhân vọng mà thấy có sanh, nhân sanh mà thấy có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chân. Đó là hai cách chuyển y thành tợ Vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của Phật.

A Nan! Nay thầy muốn tu Tam ma bát đề để thăng đến Niết bàn Phật, trước hết thầy phải nhận biết cho rõ hai nguyên nhân điên đảo về thế giới và chúng sanh. Chừng nào hết điên đảo thì ngay nơi đó là Tam ma bát đề vậy.

Thế nào là điên đảo về chúng sanh?

Này A Nan! Tâm chúng sanh bản tánh vốn **minh**. Tánh minh ấy viên mãn khắp cùng. Nhân tánh minh ấy mà vọng nhận cho là có tánh. Do đó mà vọng kiến sanh ra. Đã có vọng kiến thì những pháp vốn không trở thành pháp có. Những pháp được cho là có truy tìm nguyên

nhân của nó vốn không. Vì thế tìm xét nguyên nhân thì hoàn toàn không có nguồn gốc. Tánh vọng kiến năng trụ, tướng cảnh giới sở trụ, cả hai đều là pháp vô trụ. Dựa trên pháp vốn vô trụ ấy mà kiến lập thế giới và chúng sanh.

Vì mê không nhận được thể tánh viên minh vốn sẵn có nên sanh ra hư vọng. Tánh hư vọng không có tự thể, không chỗ gá nương. Do vậy cho nên móng ý trở về chân làm cho chân hóa ra vọng. Không vọng tức là chân, đừng móng ý “trở về” hay “nguyện ước” mong tìm cái chân ở nơi đâu khác.

Vì không nhận thức chân lý, cho nên thế giới và chúng sanh vốn không phải sanh cho là thật có sanh, không phải thật trụ cho là trụ, không phải tâm cho là tâm, không phải pháp cho là pháp. Do vậy, vọng kiến ngày một sâu rộng thêm theo quá trình luân sanh luân tử, sanh diệt diệt sanh biểu hiện qua hành động thân khẩu ý của cuộc sống con người, gọi đó là Nghiệp báo. Hễ đồng nghiệp thì cảm hợp nhau, dị nghiệp thì chống trái nhau. Thương thì sanh nhau, ghét thì diệt nhau. Do nhận thức sai lầm như thế, nên gọi đó là: **Điên đảo về chúng sanh.**

Thế nào là điên đảo về thế giới?

Này A Nan! Đã cho là có pháp sở hữu, có vật chất thì khái niệm kích thước, diện tích, cự ly, qui mô... giả dối sanh ra. Vì vậy khái niệm không gian được thành lập. Do cái không nhân làm nhân, cho nên không thật có đối tượng sở trụ và chủ thể năng trụ. Vì không có năng trụ, sở trụ nên mọi hiện tượng luôn luôn trong quá trình vận động trong tiến trình chuyển biến, không có sự vật nào đứng yên nguyên trạng của mình. Vì thế mà khái niệm thời gian được thành lập. Bốn phương ba đời hòa hợp tác động lẫn nhau mà biến hóa, mà hình thành 10 loại chúng sanh trong thế giới. Vì vậy cho nên trong thế giới nhân động có thanh, nhân thanh có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị có pháp sanh khởi hỗ tương. Do sáu thứ trần tướng ấy làm điều kiện mà sanh khởi sáu thứ vọng tướng rồi ren, kết thành nghiệp chủng của các loài: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, mười loại chúng sanh như vậy.

A Nan! Do vì trong thế giới có tánh hư vọng phổ biến và thiên nặng về "**động**", hòa hợp với "**khí**" thành loạn tướng, thứ bay thứ lặn. Cho nên có thứ tế bào chủng thuộc loại mầm trứng,

sanh ra các loại: Cá, chim, rùa, rắn... (**Noãn sanh**).

Do vì trong thế giới có tánh tập nhiễm phổ biến và thiên nặng về "**đục**", hòa hợp với chất "**nhuận**" thành loạn tướng thuộc giống đứng thẳng, giống xương sống nằm ngang. Cho nên có thứ tế bào chủng bọ nước phơi thai đẻ rồi sanh ra các loại: Người, súc vật... (**Thai sanh**).

Do vì trong thế giới có tánh chấp mắc phổ biến và thiên nặng về "**cõi**" (ngũ thú) hòa hợp với "**khí ám**" thành loạn tướng ngựa nghiêng nên có thứ tế bào chủng chất thịt ướt, sanh ra các loài: Nhung nhúc cựa quậy... (**Thấp sanh**).

Do vì trong thế giới có tánh biến dịch phổ biến và thiên nặng về "**giả**" hòa hợp với "**xúc**" thành loạn tướng thay cũ đổi mới. Cho nên có thứ tế bào chủng chất thịt cứng, sanh ra các loài bò, bay, lột vỏ, thoát xác... (**Hóa sanh**).

A Nan! Gọi là mười loại chúng sanh, thực thể chỉ có 4 loài: Thai sanh, Noãn sanh, Thấp sanh, Hóa sanh là thực chất xoay chuyển trôi lăn trong ba cõi. Sự luân hồi lên xuống như vậy chẳng khác nào dụi con mắt thấy hoa đốm nhiều thứ phát sanh ra. Chân tâm của con người vốn màu nhiệm trong sáng tròn đầy, một khi vô minh

điên đảo thì đầy đầy những vọng tưởng rồi ren, giả dối sanh ra cũng như vậy.

Nay thầy muốn tu chứng Tam ma bát đề, Như Lai sẽ chỉ dạy cho thầy về ba món Tiệm thứ. Thầy hãy y đó mà tu hành để diệt trừ cho hết mọi nguyên nhân điên đảo. Ví như cái bình pha lê, muốn đựng cam lồ thì cần phải rửa sạch hết chất bẩn, chất độc vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Vấn đề THẾ GIỚI và CHÚNG SANH, nhìn bên mặt chân thì tất cả là một thể nhiệm màu, trong sáng, bình đẳng như như. Nó xa rời tất cả danh tướng, xưa nay không có tên gọi.

Đề cập đến thế giới và chúng sanh là do con người đã đem cái nhìn chủ quan của mình để nhìn hiện tượng vạn pháp ở mặt sanh diệt của chúng.

Do vì vọng kiến cho nên thấy hiện tượng có thật sanh. Đã thấy có thật sanh thì cũng chấp

nhận rằng có thật diệt. Thực chất của hiện tượng vạn pháp, sanh không thật sanh và diệt cũng không thật diệt. Cho nên sanh diệt gọi là vọng. Nhưng vọng không thật vọng vì vọng không có thật tánh. Cho nên mọi chúng sanh đều có khả năng diệt vọng. Diệt hết vọng thì gọi đó là chân. Vì vậy, chân không ngoài vọng. Biết vọng không theo vọng ngay nơi đó đã chân rồi. Người học đạo không cầu chân ở cảnh giới xa xăm nào khác.

Hai pháp chuyển y: Chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển sanh tử thành Niết bàn, đức Thế Tôn ta thực hiện thành công ngay trên cõi đời này mà không tốn một tí hơi khấn nguyện, không phí sức quì lạy van xin bất kỳ ai.

Đến như Tam ma bát đề cũng chẳng phải là những gì siêu thực, viển vông. Chừng nào điên đảo không sanh thì ngay nơi đó là Tam ma bát đề, là Chí, là Quán, là Chánh định rồi vậy!

Thế là thời gian. Giới là không gian. Thấy thế giới là do vọng kiến phân biệt của con người nương gá vào các pháp hiện tượng duyên sanh như huyễn ảnh. Đã đánh giá hiện tượng vạn pháp là thật thì cũng chấp nhận kích thước, ngắn dài, diện tích rộng hẹp, qui mô cao thấp... của vạn pháp là thật. Do vậy, mà khái niệm không gian

được lập ra. Đã nhận thức rằng hiện tượng vạn pháp là thật thì cũng nhận thức rằng chúng luôn luôn vận động theo quá trình: Sinh, trụ, di, diệt. Sinh, lão, bệnh, tử. Thành, trụ, hoại, không. Do vậy khái niệm thời gian được con người xác lập.

Như Lai nói: Nhận thức thế giới bên mặt sanh diệt của hiện tượng vạn pháp chỉ là cái nhận thức điên đảo về thế giới mà thôi!

Mười loại chúng sanh trong thế giới cũng chỉ là những hiện tượng "Duyên sanh như huyễn". Duyên thì trùng trùng vô tận. Thế giới thì vô thị vô chung.

Hoa đóm trùng điệp trong hư không, đối với người bệnh nhắm mắt họ vẫn thấy là có thật. Hoa đóm sẽ không là gì hết khi con mắt của ai đó trong sáng không còn bệnh nhắm lòa.

PHẬT DẠY BA MÓN TIỆM THỨ

Thế nào là ba món tiệm thứ?

Một là tu tập trừ các trợ nhân.

Hai là chân tu trau dồi chánh tánh.

Ba là tăng tiến thuận theo dòng hiện nghiệp.

1. Thế nào là trừ các trợ nhân?

Này A Nan! Mười loại chúng sanh trong thế giới không thể tự toàn thánh thiện, cần phải nương theo bốn cách ăn mà được tồn sinh, đó là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Vì vậy Như Lai nói tất cả chúng sanh nhờ ăn mà được sống còn.

Đoàn thực là ăn các thứ ngũ cốc, ngũ quả, ăn từng nắm vắt, từng miếng, từng cái, mà chúng sanh thọ dụng hàng ngày.

Xúc thực là nhờ sự tiếp xúc của căn và cảnh sanh ra cảm thọ vui hay buồn.

Tư thực là nhớ nghĩ những điều thích thú đã qua, hy vọng những gì vừa lòng toại ý sắp đến, cũng là cách giúp cho sự sống tồn sinh.

Thức thực là A lại da thức duy trì dòng sanh mệnh, làm chỗ y chỉ cho tiền Thất thức.

Các thầy đã quay về đạo giác ngộ giải thoát của Như Lai, thì hãy khéo léo điều hòa các cách ăn của mình, đừng để rơi vào tử nhục bê tha, sắc thanh phóng túng, hy vọng đảo điên với một tâm hồn đen tối, trong một thể xác buông trôi trong biển đời ô trược.

Hãy chủ động các cách ăn, gọi là tu tập trừ các trợ nhân. Đó gọi là món tiệm thứ **tu hành tăng tiến thứ nhất**.

2. Thế nào là trau dồi chánh tánh?

A Nan! Hành giả muốn vào Tam ma bát đề, trước hết phải giữ gìn giới luật cho thanh tịnh. Phải đoạn tâm dâm và tâm sát. Người tu hành không dứt tâm tham dâm hiếu sát, mà mong ra khỏi ba cõi là điều không thể có. Phải giữ Tứ trọng và Bát khí trong giới luật của các thầy. Giữ giới dâm được thanh tịnh thì cắt đứt nghiệp nhân sanh nhau, giết nhau ở thế gian. Giữ giới trộm cướp thanh tịnh thì không còn nợ trần vay trả oán thù. Thành tựu Tam ma bát đề thì cái nhục thân cha mẹ sanh ra không cần “Thiên nhãn” mà tự thấy hết được thực tướng của vạn pháp, thấy Phật, nghe pháp, chính mình vãng lãnh thánh chỉ

của Phật... Đó gọi là món tiệm thứ **tu hành tăng tiến thứ hai**.

3. Thế nào là thuận dòng hiện nghiệp?

A Nan! Người giữ giới cấm thanh tịnh, tâm ý trong sáng, tam nghiệp điều thuận không rong ruổi theo lục cảnh và tự biết tánh bản nguyên. Cảnh chẳng tương duyên thì tâm không bị dính mắc buộc ràng, đi thuận dòng hiện nghiệp trở về thể tánh tịnh minh. Sáu thức trong sáng như pha lê, nhìn cõi nước trong mười phương trong suốt như ngọc lưu ly toàn bích. Thân tâm hành giả, bảy giờ khinh an khoan khoái trong thể tánh nhiệm màu và thanh tịnh, hành giả chứng nhập pháp nhãn Vô sanh. Sự tu tập từ đó dần dần tăng tiến. Đó là món tiệm thứ **tu hành tăng tiến thứ ba**.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

"Tiệm" và "đốn" là hai thuật ngữ của đạo Phật. Tiệm có nghĩa là dần dần, tu dần dần, học hiểu dần dần và dần dần chứng đắc, từ quả vị thấp đến quả vị cao. Đốn là nhanh chóng thẳng tắt vượt bậc, như nghe pháp liễu nghĩa, liền tỏ ngộ một cách sâu sắc, không bị sự phân vân đấu tranh trong quá trình nhận thức chân lý. Do đó, sự giải thoát giác ngộ vượt bậc không hạn cuộc bởi thời gian và pháp môn tu tập nào. Luận xét về căn cơ của chúng sanh thì có nhiều hạng. Có người chỉ tu tập pháp "tiệm tu tiệm ngộ". Có người thì "đốn ngộ" nhưng cần phải "tiệm tu". Có người thì "đốn tu" mà "tiệm ngộ". Chỉ có hạng "đốn ngộ đốn tu" là hạng người "bạt tục siêu quần, vạn trung vô nhất".

Cùng một đích đến, mà phương tiện di chuyển khác nhau thì sự hiện diện sau trước khác nhau. Ai đi máy bay thì đến trước, sử dụng ô tô thì phải chịu hạng nhì, cỡi xe gắn máy, thậm chí với người đi bộ trước sau vẫn đến, nhưng sự có mặt hoàn toàn lệ thuộc với thời gian. Vấn đề đốn tiệm trong việc tu hành tiến bộ chậm mau hoàn toàn tùy thuộc căn cơ và chủng tánh.

Phật dạy ba môn tiệm thứ nhằm mở rộng cửa Niết bàn, đón nhận hết mọi chủng tánh, căn cơ.

*
* *

NHỮNG MỐI NGHI NGỜ SÂU SẮC CÓ TÍNH PHỔ BIẾN ĐƯỢC PHẬT DẠY BÀY

Bấy giờ thầy A Nan đứng dậy cung kính chấp tay thưa:

Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật dạy: Chân tâm thể vốn trong sáng nhiệm màu xưa nay tròn đầy khắp núi sông đất liền, cỏ cây hoa lá, điều thú côn trùng đều cùng chung một bản thể chân như, tất cả đều là những dữ kiện tu hành thành tựu Phật quả của các Như Lai, hàng Thanh văn hữu học chúng tôi chưa dứt được mối nghi ngờ sâu sắc ấy!

Bạch Thế Tôn! Bản thể chân như ấy vốn đã chân, có gì lại sanh ra các nẻo: Trời, người, A tu la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh? Sáu đường ấy bản lai tự có hay do những thiện nghiệp và ác nghiệp của chúng sanh chiêu cảm mà hiện khởi sanh ra? Còn sự kiện Tỳ kheo ni Bảo Liên Hương lén lút làm việc dâm dục rồi lý luận sai lầm phá kiến giới Phật, hiện đời bị địa ngục là thế nào? Sự kiện vua Lưu Ly tận diệt dòng họ Cù Đàm rửa oán, đối với sự hiểu biết thông thường của nhiều người vẫn còn là điều bí ẩn!

Vấn đề Thiện Tinh Tỳ kheo bác không nhân quả, chủ trương đoạn diệt, hiện thế sa vào ngục A tỳ, thực tế phải hiểu như thế nào? Các địa ngục vốn có sẵn để hình phạt những chúng sanh ác hay sau khi những chúng sanh kia tạo ác, địa ngục mới có ra để hình phạt những con người bất thiện?

Phật khen những câu hỏi của thầy A Nan có ý nghĩa sâu xa, nhờ đó những chúng sanh đời sau khỏi rơi vào tà kiến.

Này A Nan! Phật dạy chân tánh của chúng sanh vốn chân vốn tịnh. Do nhận thức sai lầm chân lý, sống theo thói quen trái chân lý, làm cho tánh chân tịnh bị chi phối mà sanh ra **tình niệm chủ quan** và **tướng niệm khách quan**.

Tình niệm chủ quan là phần trong của con người. Do sự ái nhiễm của vọng tâm mà sanh ra vọng tình. Tình chứa mãi không thôi bèn sanh ra một thứ nước, gọi đó là nước ái. Vì vậy mà tâm chúng sanh khi nhớ đến thức ăn thì miệng nước bọt chảy ra, tâm nhớ người thương con mắt lệ tràn, tâm nhớ giận đũa con hư cũng sứt sùi trào tuôn nước mắt nước mũi...

A Nan! Ái có nhiều thứ khác nhau nhưng cái tánh ứa nước, chảy nước giống nhau. Tánh

ướt thì nặng, tánh nước thì chảy xuống không thể cất lên. Đó là tánh tự nhiên của nó.

A Nan! **Tưởng niệm khách quan** là phần ngoài của con người. Do thèm muốn khát vọng mà phát sanh ra lý tưởng. Tưởng chứa mãi không thôi bèn sanh ra một thứ khí thù thắng. Do vậy tâm chúng sanh có giữ giới hạnh thanh tịnh thì người nhẹ nhàng sáng khoái, tâm muốn sanh “Thiên” hành Thập thiện nghiệp thì thức cũng như ngủ đều thấy mình ở trong cảnh an lạc nhẹ nhàng, tâm chuyên nhớ nghĩ tưởng Phật thì nhìn đâu cũng là cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh.

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật dạy: Sáu nẻo luân hồi không do một bàn tay, một đấng thiêng liêng nào sắp đặt cả. Cái động cơ quay lăn trong sáu nẻo dựa trên tiêu chuẩn: "Tình" và "Tưởng" nhiều ít của chúng sanh. Tình là sự biểu hiện của tâm ái nhiễm sâu nặng. Nặng về tình, người ta dễ mất hết lý trí, sống theo thói quen dục vọng. Đã đam

mê dục vọng thì không còn đủ trí tuệ để nhận thức chân lý. Vì vậy con người rất sợ chết và rất tham sống.

Tưởng nhiều thì dễ sanh trí tuệ. Có trí tuệ dễ nhận thức chân lý và sống hợp chân lý. Có phước đức, trí tuệ mới trông thấy được cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh, rồi tùy phước nghiệp mà cảm nhận mà thọ dụng khổ hay vui.

*

* *

TU HÀNH CHỈ LÀ PHƯƠNG TIỆN ĐỂ DIỆT VỌNG QUY CHÂN

Này A Nan! Xét cho cùng sáu loại: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, Trời, A tu la đều là những hiện tượng Hữu vi chìm đắm trong tối tăm vô an bất ổn, tất cả chỉ là hư vọng. Hư vọng thụ sanh, hư vọng theo nghiệp, hư vọng thọ khổ. Ở trong tâm tánh màu nhiệm thanh tịnh sáng suốt tròn đầy của con người, tìm mỗi manh gấc rễ của những khổ đau hư vọng đó thì không sao có được. Nó huyền sanh huyền diệt như hoa đóm trong hư không. Nó chẳng dính dáng gì với thể tánh tịnh minh vốn có của con người!

A Nan! Những chúng sanh đó do không nhận được tâm tánh bản lai của mình thanh tịnh. Chỉ vì **vọng** mà tạo ra Bất thiện nghiệp: Sát, đạo, dâm. Hạng tốt hơn thì ngược lại: Bất sát, bất đạo, bất dâm.

Có sát, đạo, dâm thì là phạm phụ tục tử. Không sát, không đạo, không dâm gọi là người trời. Có, không, thay nhau vọng hiện tướng luân hồi tương tục.

Nếu khéo tu tập Xa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền na thì tâm tánh nhiệm màu vắng lặng

tròn sáng tự bỗng dĩ lai. Lúc đó tìm cái bất sát, bất đạo, bất dâm hãy còn không có, thì sát, đạo, dâm không có môi trường sanh khởi.

A Nan! Nếu không đoạn trừ được ba nghiệp không lành của thân, khẩu, ý thì mỗi chúng sanh đều có phần tội riêng mình. Từ những cái riêng tương tợ hợp thành cái đồng phận chung tương tự. Cho nên cảnh địa ngục, khổ đau triền phược không nhất định. Tất cả đều là do vọng kiến của tự mình sanh ra, mà vọng thì không chân, không thể truy nguyên nguồn gốc được.

Người học đạo muốn được Bồ đề, Niết bàn điều cốt yếu là phải diệt trừ lậu hoặc. Kiến tư hoặc, Trần sa hoặc, Vô minh hoặc chưa hết thì mãi trôi lăn trong khổ đau phiền não. Dù có ý trừ vọng, nhưng càng chồng chất vọng nhiều thêm. Như Lai gọi đó là hạng người đáng thương xót!

*

* *

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thấy có Tam giới và luân hồi trong lục thú chỉ vì một chữ vọng mà ra. Tự tánh Bồ đề của con người vốn không có vọng.

Kết quả lớn lao của người đệ tử Phật chân chính là phải xác định bằng trí tuệ bằng sự thực chứng của bản thân, rằng: Chính ta là con người và cũng là Trời, vừa là Thanh văn A La Hán, vừa là Duyên giác và cũng có thể vừa là Phật. Rồi cũng chính ta vừa là người, vừa là súc sanh, vừa là ngọc quý, vừa ở địa ngục nữa. Tất cả là ta, tất cả tùy thuộc nơi ta, nơi chúng ta.



LỜI SAU SÁCH

Thưa chư thiện hữu tri thức Khất sĩ nam cũng như nữ đồng nghiệp của tôi!

Thưa chư thiện hữu tri thức cư sĩ Phật tử nam nữ cùng là đệ tử Phật Thích Ca Mâu Ni!

Thưa chư liệt vị!

Lời sau sách này, tôi có dụng ý muốn bộc bạch tâm sự mình, muốn thổ lộ với những thiện hữu tri thức trong hàng đệ tử Phật – đệ tử Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta.

Những lời bộc bạch này, đối với tôi là những lời tha thiết tận đáy lòng. Nhưng đối với đa số chư liệt vị cùng là đệ tử Phật xuất gia, cũng như tại gia trong hàng tứ chúng, tôi dự liệu trước rằng: Những nhận thức của tôi trong quá trình học đạo, hành đạo, kiến đạo và chứng đạo, có thể có người bằng lòng và cũng có thể có người đọc thấy, xem thấy, nghe thấy không bằng lòng, tại vì chúng ta ai cũng có cái quyền tự do của riêng mình, không ai có quyền bắt ai, mời

ai... đi chung, đứng chung, và nhất là nhìn chung về một hướng!

HỌC PHẬT ĐỂ GIẢI THOÁT, HỌC PHẬT ĐỂ GIÁC NGỘ, mười cái danh từ ấy là của Phật tử kỹ sư Huỳnh Vinh Nhân, pháp danh Minh Tuệ và phu nhân Phật tử pháp danh Thanh Trí, hai ông bà đã phụng cúng cho trường Phật học Tp. Hồ Chí Minh tám chữ vàng to tướng, được gắn trên khoảng tường thông thoáng mà bất kỳ ai cũng có thể nhìn thấy trước khi vào lớp học của nhà trường.

Văn tự tuy đơn sơ, thậm chí có nhiều người cho là mộc mạc, đơn giản chẳng có gì! Nhưng riêng tôi, trải qua quá trình học đạo, hành đạo, kiến đạo và chứng đạo đến nay suýt soát 70 năm, tôi cho rằng: Những văn tự, danh từ mộc mạc đơn giản ấy lại có một giá trị then chốt, trọng tâm trong nền giáo lý của đạo Phật và trong đời sống Phật tử chúng ta.

Khoảng thời gian này, một cơ hội ngẫu nhiên tôi đã đọc lại bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm mà tôi đã biên soạn và giảng dạy cách đây 20 năm. Tôi phát hiện tà giáo của ngoại đạo trà trộn lẫn lộn với chánh pháp quá nhiều so với lời Phật ý kinh. Rồi tôi tự trách mình hồi đó sao mình non nớt quá, yếu đuối quá, hèn nhát quá... chưa

đủ can đảm gạt lọc, loại bỏ theo sở học, sở kiến, sở đắc, sở ngộ, sở chứng của mình.

Đến hôm nay, ngày mừng một tháng Chạp năm Ất Mùi, tôi bắt đầu làm cái việc gạt lọc để lựa bỏ những tư tưởng có tánh hoang đường, mê tín, tà kiến ngoại lai của thành phần ngoại đạo. Biên dịch và đúc kết với nguồn tư tưởng mới, loại bỏ những tư tưởng lạc hậu hoang đường siêu hình mê tín, dù người trí cũng không thể lý giải được, tôi đổi tên bộ kinh thành **THỦ LĂNG NGHIÊM KINH, TUYỂN TRẠCH TÂN TU**, để khác với những bộ Thủ Lăng Nghiêm cổ điển đã gây quá nhiều tai hại cho đệ tử Phật hàng chục thế kỷ qua.

Chư thiện hữu thân mến!

Chúng ta tự can đảm lên! Và phải tự can đảm lên, thử làm cái việc tự vấn lương tâm, lương tri của mình, rằng: TU THEO ĐẠO PHẬT, HỌC NGUỒN GIÁO LÝ PHẬT mà không được “Giác ngộ”, không được “Giải thoát” thì tu học để làm gì nhỉ?

Giáo lý trong toàn bộ **THỦ LĂNG NGHIÊM KINH, TUYỂN TRẠCH TÂN TU** này, đủ sức chuyên chở cho những ai đệ tử Phật muốn đi đến đích Giác ngộ và Giải thoát ấy!

NHẤT THIẾT SỰ CỨU CẢNH KIÊN CỐ, nói rõ ra đây là pháp môn Thiền định **THỦ LĂNG NGHIÊM**. Học kinh Thủ Lăng Nghiêm, tu pháp môn thiền định Thủ Lăng Nghiêm người đệ tử Phật chân chính không cần tìm học tu theo bất cứ một thứ thiền nào khác, thí dụ như: Đảnh, hét, néo, đập hay “thoại đầu, công án” vẫn vơ nào khác để làm gì!

“Thế sự kỳ phân, xứ xứ hoàn lương mộng, hồi đầu thị ngạn, thần hôn chỉ quán lạc vô cương.

Nghiệp duyên bình hạp, niên niên bạch phát thôi, đối diện tức không, triêu mộ thiên na hân đảo đê”.

Pháp môn tu tập của đạo Phật chỉ cần **CHỈ**, **QUÁN** và **THIÊN NA**, không cần **LUYỆN**, **TRÌ** hay **TUỞNG TƯỢNG** một hình ảnh, một cảnh giới xa xăm vô căn cứ nào khác!

HẾT

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU SÁCH	Trang 5
Đề kinh	11
Nhân duyên và thời điểm Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm	13
Tâm là căn bản của Bồ đề Niết bàn và cũng là căn bản của luân chuyển sanh tử.....	18
Gạn hỏi tâm.....	23
1. A Nan cho rằng tâm ở trong thân	23
2. A Nan cho rằng tâm ở ngoài thân.....	24
3. A Nan cho rằng tâm núp sau con mắt.....	25
4. A Nan cho rằng nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong thân.....	26
5. A Nan cho rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm liền có ở chỗ đó	27
6. A Nan cho rằng tâm ở chặng giữa.....	29
7. A Nan cho rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu cả	30

- Luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay. Bồ đề Niết bàn không phải cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng	34
- Lại gạn hỏi cái tâm	35
- Tâm thì phải có thể tánh, không thể tánh không phải là tâm	36
- Cái tánh thấy của mắt chỉ là hiện lượng	42
- Gạn hỏi nghĩa khách trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng diệt sanh. Ví dụ chủ và hư không để khai thị chân tâm thể thường trú	48
- Trong thân thể vô thường sanh diệt, còn có cái thường bất sanh bất diệt	55
- Ràng ngược, ràng xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan một ý thức chấp mắc	60
- Lựa bỏ tâm vương víu cảnh duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về	65
- Vật là đối tượng phân biệt của tâm. Tâm biểu hiện qua cái thấy là chủ thể phân biệt vật	71
- Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối, chỉ do tiền cảnh ngăn ngại mà thôi	75
- Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh Bồ đề nhiệm màu sáng suốt	78
- Văn Thù cầu Phật thương xót. Phật dạy: Tánh thấy không thể đặt vấn đề “là” hay “không là”	84

- Tánh thấy rời tất cả tướng, nhưng không ngoài tất cả pháp. Giáo lý Nhân duyên vẫn chưa là đệ nhất nghĩa. Thuyết tự nhiên là một nhận thức sai lầm về chân lý vũ trụ.....	88
- Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình.....	94
- Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và không hòa hợp	100
- Bốn khoa, bảy đại vốn là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng	103
- Năm ấm là hiện tượng, tướng biểu hiện từ NL tàng	103
- Sáu nhập là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng	109
- Mười hai xứ là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng	113
- Mười tám giới là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng	118
- Bảy đại là hiện tượng, tướng biểu hiện từ Như Lai tàng	128
- A Nan và đại chúng tán dương Phật, phát nguyện và trình Phật những điều tâm đắc của mình	144
- Phật thuyết minh: Tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau, nhằm khai thị chân lý: Sắc không,.....	146
- Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý	148
- Phật khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất	150

- Phật dạy rõ về hai tướng tương tục	150
- Giác không sanh mê, Thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại	160
- Giác không sanh mê	160
- Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau	161
- Khiển trách chúng sanh bội giác hợp trần và khai thị phương pháp bội trần hợp giác	166
- Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả tướng “là” tất cả pháp	169
- Như Lai tàng rời tất cả tướng	169
- Như Lai tàng rời tất cả pháp.....	170
- Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp, không có vấn đề “là” hay “không là” trong Như Lai tàng bản thể chân như màu nhiệm	171
- Mê vọng không có nguyên nhân, hết mê là Bồ đề	174
- Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết Nhân duyên và Tự nhiên	179
- A Nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn pháp tu giải thoát	184
- Nghĩa quyết định thứ nhất	185
- Phật dạy rõ về sự tác dụng của sắc tâm vô thi.....	185

- Khai thị về năm thứ ô trước	186
- Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chúng	187
- Nghĩa quyết định thứ hai	191
- Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở gút	191
- Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất	192
- Sắc không tác dụng lẫn nhau, phản ánh ra căn trần thành chủ thể và đối tượng	194
- Vọng chủ thể phân biệt sanh đối tượng nhận thức làm hạn chế tánh giác minh. Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt	197
- Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét tánh nghe của Nhĩ căn là thường trú	202
- A Nan nghi ngờ: Kiến văn giác tri không có tự thể	
- Khai thị tánh nghe của Nhĩ căn là thường trú	203
- Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là mở được cánh cửa vào thành đô Niết bàn trong hiện tại.....	208
- A Nan lại hỏi về vấn đề mở gút	208
- Khai thị chân lý vốn không hai. Phật Phật đạo đồng.....	209

- Căn cảnh cùng một gốc, cột mở không hai nguồn.....	209
- Tóm lược ý thú của những đoạn kinh trên qua bài tụng	212
- Chỉ một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút, mở hết sáu gút một cũng không còn	217
- Nguyên do của một sáu dị đồng	217
- Cột gút đã có thứ lớp thì mở phải có trước có sau.....	221
- Quả vị có thấp cao giải thoát giống nhau không khác. Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng Viên Thông Thường	225
1. Do thanh trần đắc Viên Thông Thường	226
2. Do sắc trần đắc Viên Thông Thường	226
3. Do hương trần đắc Viên Thông Thường	227
4. Do vị trần đắc Viên Thông Thường	228
5. Do xúc trần đắc Viên Thông Thường	228
6. Do pháp trần đắc Viên Thông Thường	229
7. Do nhãn căn đắc Viên Thông Thường	232
8. Do tỷ căn đắc Viên Thông Thường.....	232
9. Do thiệt căn đắc Viên Thông Thường.....	233
10. Do thân căn đắc Viên Thông Thường	234

11. Do ý căn đặc Viên Thông Thường	234
12. Do nhân thức đặc Viên Thông Thường	238
13. Do nhĩ thức đặc Viên Thông Thường	238
14. Do tỷ thức đặc Viên Thông Thường	239
15. Do thiệt thức đặc Viên Thông Thường.....	239
16. Do thân thức đặc Viên Thông Thường	240
17. Do ý thức đặc Viên Thông Thường	241
18. Do hòa đại đặc Viên Thông Thường.....	245
19. Do địa đại đặc Viên Thông Thường.....	245
20. Do thủy đại đặc Viên Thông Thường.....	246
21. Do phong đại đặc Viên Thông Thường.....	247
22. Do không đại đặc Viên Thông Thường.....	248
23. Do kiến đại đặc Viên Thông Thường.....	248
24. Do thức đại đặc Viên Thông Thường	249
- Do nhĩ căn đặc Viên Thông Thường	254
- QTA trần thuật pháp tu chứng của mình	254
- Phật bảo Văn Thù so sánh chọn căn ưu việt nhất	258

- So sánh sự ưu khuyết của sáu cảnh, năm căn, sáu thức và bảy đại	261
1. Nhược điểm của sáu cảnh	261
2. Nhược điểm của năm căn	262
3. Nhược điểm của sáu thức	262
4. Nhược điểm của bảy đại	263
5. Sự ưu việt của nhĩ căn	265
- Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức tính ưu việt của nhĩ căn	268
- Phật khai thị ba môn Vô lậu học	272
- Phật khai thị bốn điều cơ bản xuất trần	275
- Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp về Thế giới và chúng sanh	280
- Phật dạy 3 món tiệm thứ	287
- Những mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật dạy bày	292
- Tu hành chỉ là một phương tiện để diệt vọng quy chân	296
LỜI SAU SÁCH	299

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

NHỮNG TÁC PHẨM

**Do Hòa Thượng TỪ THÔNG - Hiệu. NHƯ HUYỄN
THIÊN SƯ**

Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) **NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ THI TẬP**
Trực chỉ đề cương
- 2) **NGÓN TAY CHỈ TRẮNG**
Trực chỉ đề cương (12 tập)
- 3) **NHỮNG CHIẾC LÁ TRONG TAY**
- 4) **HỒI KÝ NHỚ ƠN THẦY**
- 5) **NHẬP PHẬT TRI KIẾN**

KINH LUẬN

HÒA THƯỢNG TỬ THÔNG Biên Dịch

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) PHÁP HOA KINH
Thâm Nghĩa Đề Cương
- 2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
Tuyển Trạch Tân Tu
- 5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Tuyển Trạch Tân Tu
- 6) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 7) CHÚNG ĐẠO CA
Trực Chỉ Đề Cương
- 8) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN
Trực Chỉ Đề Cương
- 9) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH (2 quyển)
Trực Chỉ Đề Cương